

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 151/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 31/10/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 31/10/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 31/10/2024: Trước 16h30' ngày 28/10/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 28/10/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 31/10/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 28/10/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

**Ca đấu buổi sáng****Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'****Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'****Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'**

STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	15K-444.41	Hải Phòng	1601	14A-999.66	Quảng Ninh	3201	94A-111.11	Bạc Liêu
2	15K-488.86	Hải Phòng	1602	14K-026.66	Quảng Ninh	3202	14A-999.09	Quảng Ninh
3	20A-906.66	Thái Nguyên	1603	15K-468.79	Hải Phòng	3203	20A-868.88	Thái Nguyên
4	23A-165.55	Hà Giang	1604	26C-167.89	Sơn La	3204	28A-269.99	Hòa Bình
5	30M-398.88	Hà Nội	1605	30M-399.79	Hà Nội	3205	30M-177.77	Hà Nội
6	37K-536.66	Nghệ An	1606	47B-044.44	Đắk Lắk	3206	51L-999.69	Hồ Chí Minh
7	43A-966.69	Đà Nẵng	1607	47C-398.98	Đắk Lắk	3207	51M-228.88	Hồ Chí Minh
8	47A-848.88	Đắk Lắk	1608	51L-999.19	Hồ Chí Minh	3208	51M-258.88	Hồ Chí Minh
9	51L-898.88	Hồ Chí Minh	1609	51M-079.99	Hồ Chí Minh	3209	60K-636.66	Đồng Nai
10	51L-998.85	Hồ Chí Minh	1610	51M-286.88	Hồ Chí Minh	3210	61K-534.56	Bình Dương
11	51N-119.99	Hồ Chí Minh	1611	51N-079.99	Hồ Chí Minh	3211	69A-158.88	Cà Mau
12	79A-588.66	Khánh Hòa	1612	62A-479.99	Long An	3212	70A-589.99	Tây Ninh
13	88C-311.11	Vĩnh Phúc	1613	81A-458.88	Gia Lai	3213	98A-888.99	Bắc Giang
14	93D-011.11	Bình Phước	1614	90D-012.34	Hà Nam	3214	99A-859.99	Bắc Ninh
15	15K-456.86	Hải Phòng	1615	14A-821.89	Quảng Ninh	3215	14C-381.11	Quảng Ninh
16	29K-399.96	Hà Nội	1616	14A-935.56	Quảng Ninh	3216	15K-213.33	Hải Phòng
17	30L-325.88	Hà Nội	1617	15C-488.98	Hải Phòng	3217	15K-435.79	Hải Phòng
18	30M-291.91	Hà Nội	1618	15K-161.69	Hải Phòng	3218	20A-889.85	Thái Nguyên
19	30M-355.58	Hà Nội	1619	15K-456.79	Hải Phòng	3219	24A-267.67	Lào Cai
20	34C-444.43	Hải Dương	1620	15K-466.64	Hải Phòng	3220	27A-123.66	Điện Biên
21	37C-589.88	Nghệ An	1621	20A-868.79	Thái Nguyên	3221	30M-112.69	Hà Nội
22	37K-555.45	Nghệ An	1622	23A-168.69	Hà Giang	3222	30M-266.65	Hà Nội
23	38A-683.83	Hà Tĩnh	1623	30M-111.86	Hà Nội	3223	30M-413.11	Hà Nội
24	43A-846.79	Đà Nẵng	1624	30M-222.20	Hà Nội	3224	37K-555.99	Nghệ An
25	51L-898.85	Hồ Chí Minh	1625	34A-855.56	Hải Dương	3225	38A-687.77	Hà Tĩnh
26	51L-926.66	Hồ Chí Minh	1626	34A-919.91	Hải Dương	3226	38A-687.89	Hà Tĩnh
27	51L-968.66	Hồ Chí Minh	1627	34C-444.49	Hải Dương	3227	38C-222.29	Hà Tĩnh
28	51M-255.52	Hồ Chí Minh	1628	34D-039.68	Hải Dương	3228	51L-439.68	Hồ Chí Minh
29	60C-766.65	Đồng Nai	1629	43A-955.58	Đà Nẵng	3229	51L-996.97	Hồ Chí Minh
30	60K-648.88	Đồng Nai	1630	49A-778.79	Lâm Đồng	3230	51M-155.58	Hồ Chí Minh
31	60K-686.87	Đồng Nai	1631	49C-396.66	Lâm Đồng	3231	51N-000.05	Hồ Chí Minh
32	61K-555.54	Bình Dương	1632	51L-809.08	Hồ Chí Minh	3232	51N-088.86	Hồ Chí Minh
33	63A-333.45	Tiền Giang	1633	51L-979.77	Hồ Chí Minh	3233	61D-024.68	Bình Dương
34	66A-305.55	Đồng Tháp	1634	51M-066.65	Hồ Chí Minh	3234	61K-555.57	Bình Dương
35	70A-595.55	Tây Ninh	1635	51N-066.69	Hồ Chí Minh	3235	61K-575.68	Bình Dương
36	72C-279.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1636	61K-519.99	Bình Dương	3236	66A-259.79	Đồng Tháp
37	79A-577.89	Khánh Hòa	1637	61K-556.68	Bình Dương	3237	67A-337.77	An Giang
38	83A-158.58	Sóc Trăng	1638	77A-365.55	Bình Định	3238	71A-179.86	Bến Tre

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	86A-256.89	Bình Thuận	1639	78D-009.99	Phú Yên	3239	72A-867.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
40	86A-258.99	Bình Thuận	1640	81C-296.99	Gia Lai	3240	78A-219.99	Phú Yên
41	86A-333.34	Bình Thuận	1641	83A-199.69	Sóc Trăng	3241	81A-466.69	Gia Lai
42	88A-797.95	Vĩnh Phúc	1642	90D-009.99	Hà Nam	3242	94A-111.39	Bạc Liêu
43	95A-111.77	Hậu Giang	1643	99A-886.69	Bắc Ninh	3243	98A-847.77	Bắc Giang
44	98A-887.77	Bắc Giang	1644	99C-333.37	Bắc Ninh	3244	98A-866.69	Bắc Giang
45	30M-030.55	Hà Nội	1645	30M-043.00	Hà Nội	3245	30M-031.77	Hà Nội
46	30M-034.11	Hà Nội	1646	30M-051.33	Hà Nội	3246	30M-035.00	Hà Nội
47	30M-036.33	Hà Nội	1647	30M-052.05	Hà Nội	3247	30M-048.68	Hà Nội
48	30M-043.34	Hà Nội	1648	30M-053.11	Hà Nội	3248	30M-051.05	Hà Nội
49	30M-045.68	Hà Nội	1649	30M-056.39	Hà Nội	3249	30M-058.39	Hà Nội
50	30M-049.11	Hà Nội	1650	30M-058.66	Hà Nội	3250	30M-059.95	Hà Nội
51	30M-051.52	Hà Nội	1651	30M-067.69	Hà Nội	3251	30M-062.99	Hà Nội
52	30M-072.72	Hà Nội	1652	30M-069.55	Hà Nội	3252	30M-066.11	Hà Nội
53	30M-075.57	Hà Nội	1653	30M-070.66	Hà Nội	3253	30M-076.77	Hà Nội
54	30M-078.00	Hà Nội	1654	30M-073.00	Hà Nội	3254	30M-089.44	Hà Nội
55	30M-081.80	Hà Nội	1655	30M-076.67	Hà Nội	3255	30M-090.69	Hà Nội
56	30M-100.66	Hà Nội	1656	30M-078.22	Hà Nội	3256	30M-104.39	Hà Nội
57	30M-102.02	Hà Nội	1657	30M-081.55	Hà Nội	3257	30M-107.08	Hà Nội
58	30M-118.19	Hà Nội	1658	30M-081.99	Hà Nội	3258	30M-111.27	Hà Nội
59	30M-124.55	Hà Nội	1659	30M-085.68	Hà Nội	3259	30M-117.18	Hà Nội
60	30M-135.69	Hà Nội	1660	30M-087.68	Hà Nội	3260	30M-121.22	Hà Nội
61	30M-140.44	Hà Nội	1661	30M-111.56	Hà Nội	3261	30M-126.22	Hà Nội
62	30M-153.53	Hà Nội	1662	30M-113.39	Hà Nội	3262	30M-138.31	Hà Nội
63	30M-165.33	Hà Nội	1663	30M-115.44	Hà Nội	3263	30M-142.42	Hà Nội
64	30M-168.11	Hà Nội	1664	30M-129.66	Hà Nội	3264	30M-144.22	Hà Nội
65	30M-173.99	Hà Nội	1665	30M-139.13	Hà Nội	3265	30M-145.11	Hà Nội
66	30M-183.79	Hà Nội	1666	30M-139.69	Hà Nội	3266	30M-146.39	Hà Nội
67	30M-184.84	Hà Nội	1667	30M-140.99	Hà Nội	3267	30M-146.77	Hà Nội
68	30M-187.68	Hà Nội	1668	30M-143.66	Hà Nội	3268	30M-154.89	Hà Nội
69	30M-213.21	Hà Nội	1669	30M-144.45	Hà Nội	3269	30M-160.66	Hà Nội
70	30M-219.12	Hà Nội	1670	30M-150.05	Hà Nội	3270	30M-164.64	Hà Nội
71	30M-223.79	Hà Nội	1671	30M-150.99	Hà Nội	3271	30M-164.79	Hà Nội
72	30M-224.99	Hà Nội	1672	30M-151.99	Hà Nội	3272	30M-170.11	Hà Nội
73	30M-234.00	Hà Nội	1673	30M-158.11	Hà Nội	3273	30M-174.75	Hà Nội
74	30M-242.69	Hà Nội	1674	30M-171.00	Hà Nội	3274	30M-175.44	Hà Nội
75	30M-243.77	Hà Nội	1675	30M-189.00	Hà Nội	3275	30M-177.78	Hà Nội
76	30M-250.69	Hà Nội	1676	30M-190.22	Hà Nội	3276	30M-186.39	Hà Nội
77	30M-251.69	Hà Nội	1677	30M-202.20	Hà Nội	3277	30M-197.99	Hà Nội
78	30M-260.11	Hà Nội	1678	30M-202.68	Hà Nội	3278	30M-205.89	Hà Nội
79	30M-260.86	Hà Nội	1679	30M-203.04	Hà Nội	3279	30M-210.22	Hà Nội

31/4
 CÔNG
 ĐẦU
 ĐỢP
 VIỆT
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-276.88	Hà Nội	1680	30M-203.88	Hà Nội	3280	30M-214.66	Hà Nội
81	30M-277.99	Hà Nội	1681	30M-206.79	Hà Nội	3281	30M-217.11	Hà Nội
82	30M-284.22	Hà Nội	1682	30M-213.22	Hà Nội	3282	30M-219.11	Hà Nội
83	30M-284.48	Hà Nội	1683	30M-223.11	Hà Nội	3283	30M-219.21	Hà Nội
84	30M-294.86	Hà Nội	1684	30M-229.33	Hà Nội	3284	30M-219.33	Hà Nội
85	30M-311.55	Hà Nội	1685	30M-231.22	Hà Nội	3285	30M-231.32	Hà Nội
86	30M-316.79	Hà Nội	1686	30M-231.77	Hà Nội	3286	30M-238.33	Hà Nội
87	30M-319.22	Hà Nội	1687	30M-238.32	Hà Nội	3287	30M-241.14	Hà Nội
88	30M-321.12	Hà Nội	1688	30M-244.88	Hà Nội	3288	30M-243.69	Hà Nội
89	30M-328.11	Hà Nội	1689	30M-249.69	Hà Nội	3289	30M-248.77	Hà Nội
90	30M-331.68	Hà Nội	1690	30M-251.39	Hà Nội	3290	30M-261.86	Hà Nội
91	30M-335.39	Hà Nội	1691	30M-260.61	Hà Nội	3291	30M-265.79	Hà Nội
92	30M-349.11	Hà Nội	1692	30M-261.88	Hà Nội	3292	30M-273.33	Hà Nội
93	30M-350.35	Hà Nội	1693	30M-262.86	Hà Nội	3293	30M-274.75	Hà Nội
94	30M-356.11	Hà Nội	1694	30M-263.22	Hà Nội	3294	30M-277.44	Hà Nội
95	30M-365.89	Hà Nội	1695	30M-271.11	Hà Nội	3295	30M-281.39	Hà Nội
96	30M-375.88	Hà Nội	1696	30M-272.44	Hà Nội	3296	30M-284.69	Hà Nội
97	30M-376.86	Hà Nội	1697	30M-281.99	Hà Nội	3297	30M-284.79	Hà Nội
98	30M-379.22	Hà Nội	1698	30M-282.22	Hà Nội	3298	30M-302.33	Hà Nội
99	30M-397.93	Hà Nội	1699	30M-293.55	Hà Nội	3299	30M-305.44	Hà Nội
100	30M-419.96	Hà Nội	1700	30M-313.77	Hà Nội	3300	30M-320.21	Hà Nội
101	51L-900.86	Hồ Chí Minh	1701	30M-317.55	Hà Nội	3301	30M-323.88	Hà Nội
102	51L-905.05	Hồ Chí Minh	1702	30M-318.22	Hà Nội	3302	30M-326.88	Hà Nội
103	51L-910.69	Hồ Chí Minh	1703	30M-323.24	Hà Nội	3303	30M-332.44	Hà Nội
104	51L-910.77	Hồ Chí Minh	1704	30M-335.22	Hà Nội	3304	30M-340.79	Hà Nội
105	51L-911.12	Hồ Chí Minh	1705	30M-342.43	Hà Nội	3305	30M-340.99	Hà Nội
106	51L-912.22	Hồ Chí Minh	1706	30M-350.22	Hà Nội	3306	30M-347.43	Hà Nội
107	51L-920.29	Hồ Chí Minh	1707	30M-351.86	Hà Nội	3307	30M-348.00	Hà Nội
108	51L-923.24	Hồ Chí Minh	1708	30M-352.68	Hà Nội	3308	30M-349.00	Hà Nội
109	51L-924.69	Hồ Chí Minh	1709	30M-365.22	Hà Nội	3309	30M-362.55	Hà Nội
110	51L-930.69	Hồ Chí Minh	1710	30M-365.86	Hà Nội	3310	30M-373.79	Hà Nội
111	51L-933.44	Hồ Chí Minh	1711	30M-369.86	Hà Nội	3311	30M-380.00	Hà Nội
112	51L-940.94	Hồ Chí Minh	1712	30M-374.73	Hà Nội	3312	30M-382.22	Hà Nội
113	51L-942.99	Hồ Chí Minh	1713	30M-381.82	Hà Nội	3313	30M-387.78	Hà Nội
114	51L-943.99	Hồ Chí Minh	1714	30M-385.69	Hà Nội	3314	30M-399.00	Hà Nội
115	51L-949.68	Hồ Chí Minh	1715	30M-405.22	Hà Nội	3315	30M-403.04	Hà Nội
116	51L-957.66	Hồ Chí Minh	1716	30M-405.33	Hà Nội	3316	30M-418.68	Hà Nội
117	51L-958.68	Hồ Chí Minh	1717	30M-413.00	Hà Nội	3317	51L-897.11	Hồ Chí Minh
118	51L-959.44	Hồ Chí Minh	1718	30M-416.69	Hà Nội	3318	51L-900.09	Hồ Chí Minh
119	51L-962.68	Hồ Chí Minh	1719	30M-419.44	Hà Nội	3319	51L-907.90	Hồ Chí Minh
120	51L-968.11	Hồ Chí Minh	1720	51L-896.98	Hồ Chí Minh	3320	51L-908.89	Hồ Chí Minh

T.Y.
 I.A.
 NH
 I.A.M
 -T.P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51L-969.55	Hồ Chí Minh	1721	51L-903.22	Hồ Chí Minh	3321	51L-915.77	Hồ Chí Minh
122	51L-974.00	Hồ Chí Minh	1722	51L-912.39	Hồ Chí Minh	3322	51L-924.24	Hồ Chí Minh
123	51L-983.99	Hồ Chí Minh	1723	51L-922.39	Hồ Chí Minh	3323	51L-926.26	Hồ Chí Minh
124	51L-989.68	Hồ Chí Minh	1724	51L-927.55	Hồ Chí Minh	3324	51L-929.29	Hồ Chí Minh
125	51M-056.88	Hồ Chí Minh	1725	51L-928.29	Hồ Chí Minh	3325	51L-941.33	Hồ Chí Minh
126	51M-059.44	Hồ Chí Minh	1726	51L-937.11	Hồ Chí Minh	3326	51L-946.46	Hồ Chí Minh
127	51M-066.06	Hồ Chí Minh	1727	51L-948.55	Hồ Chí Minh	3327	51L-947.22	Hồ Chí Minh
128	51M-080.86	Hồ Chí Minh	1728	51L-955.95	Hồ Chí Minh	3328	51L-948.89	Hồ Chí Minh
129	51M-086.69	Hồ Chí Minh	1729	51L-972.00	Hồ Chí Minh	3329	51L-952.68	Hồ Chí Minh
130	51M-092.92	Hồ Chí Minh	1730	51L-972.44	Hồ Chí Minh	3330	51L-952.69	Hồ Chí Minh
131	51M-095.88	Hồ Chí Minh	1731	51L-985.33	Hồ Chí Minh	3331	51L-954.88	Hồ Chí Minh
132	51M-095.95	Hồ Chí Minh	1732	51L-994.00	Hồ Chí Minh	3332	51L-961.55	Hồ Chí Minh
133	51M-097.88	Hồ Chí Minh	1733	51L-994.69	Hồ Chí Minh	3333	51L-965.96	Hồ Chí Minh
134	51M-104.04	Hồ Chí Minh	1734	51L-995.89	Hồ Chí Minh	3334	51L-970.11	Hồ Chí Minh
135	51M-111.16	Hồ Chí Minh	1735	51L-999.47	Hồ Chí Minh	3335	51L-976.55	Hồ Chí Minh
136	51M-118.81	Hồ Chí Minh	1736	51M-056.57	Hồ Chí Minh	3336	51L-980.68	Hồ Chí Minh
137	51M-121.86	Hồ Chí Minh	1737	51M-064.46	Hồ Chí Minh	3337	51L-983.11	Hồ Chí Minh
138	51M-125.99	Hồ Chí Minh	1738	51M-065.00	Hồ Chí Minh	3338	51L-989.44	Hồ Chí Minh
139	51M-148.77	Hồ Chí Minh	1739	51M-068.77	Hồ Chí Minh	3339	51L-995.39	Hồ Chí Minh
140	51M-157.99	Hồ Chí Minh	1740	51M-071.71	Hồ Chí Minh	3340	51L-998.77	Hồ Chí Minh
141	51M-180.11	Hồ Chí Minh	1741	51M-077.22	Hồ Chí Minh	3341	51M-058.22	Hồ Chí Minh
142	51M-185.44	Hồ Chí Minh	1742	51M-083.79	Hồ Chí Minh	3342	51M-062.39	Hồ Chí Minh
143	51M-189.44	Hồ Chí Minh	1743	51M-084.99	Hồ Chí Minh	3343	51M-062.69	Hồ Chí Minh
144	51M-197.11	Hồ Chí Minh	1744	51M-086.80	Hồ Chí Minh	3344	51M-063.00	Hồ Chí Minh
145	51M-198.77	Hồ Chí Minh	1745	51M-090.33	Hồ Chí Minh	3345	51M-067.79	Hồ Chí Minh
146	51M-202.77	Hồ Chí Minh	1746	51M-092.66	Hồ Chí Minh	3346	51M-078.00	Hồ Chí Minh
147	51M-205.69	Hồ Chí Minh	1747	51M-092.89	Hồ Chí Minh	3347	51M-084.22	Hồ Chí Minh
148	51M-210.00	Hồ Chí Minh	1748	51M-094.66	Hồ Chí Minh	3348	51M-086.89	Hồ Chí Minh
149	51M-213.21	Hồ Chí Minh	1749	51M-100.44	Hồ Chí Minh	3349	51M-100.86	Hồ Chí Minh
150	51M-221.22	Hồ Chí Minh	1750	51M-111.18	Hồ Chí Minh	3350	51M-107.88	Hồ Chí Minh
151	51M-233.69	Hồ Chí Minh	1751	51M-116.86	Hồ Chí Minh	3351	51M-111.58	Hồ Chí Minh
152	51M-234.33	Hồ Chí Minh	1752	51M-117.66	Hồ Chí Minh	3352	51M-112.79	Hồ Chí Minh
153	51M-234.77	Hồ Chí Minh	1753	51M-125.69	Hồ Chí Minh	3353	51M-116.17	Hồ Chí Minh
154	51M-236.86	Hồ Chí Minh	1754	51M-135.89	Hồ Chí Minh	3354	51M-118.77	Hồ Chí Minh
155	51M-236.99	Hồ Chí Minh	1755	51M-144.55	Hồ Chí Minh	3355	51M-122.68	Hồ Chí Minh
156	51M-240.86	Hồ Chí Minh	1756	51M-145.69	Hồ Chí Minh	3356	51M-141.79	Hồ Chí Minh
157	51M-246.68	Hồ Chí Minh	1757	51M-148.55	Hồ Chí Minh	3357	51M-152.55	Hồ Chí Minh
158	51M-250.22	Hồ Chí Minh	1758	51M-153.79	Hồ Chí Minh	3358	51M-154.39	Hồ Chí Minh
159	51M-252.22	Hồ Chí Minh	1759	51M-155.11	Hồ Chí Minh	3359	51M-157.11	Hồ Chí Minh
160	51M-258.79	Hồ Chí Minh	1760	51M-159.79	Hồ Chí Minh	3360	51M-159.96	Hồ Chí Minh
161	51M-263.66	Hồ Chí Minh	1761	51M-160.22	Hồ Chí Minh	3361	51M-168.69	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-264.33	Hồ Chí Minh	1762	51M-161.33	Hồ Chí Minh	3362	51M-169.16	Hồ Chí Minh
163	51M-270.89	Hồ Chí Minh	1763	51M-161.44	Hồ Chí Minh	3363	51M-169.79	Hồ Chí Minh
164	51M-278.33	Hồ Chí Minh	1764	51M-162.00	Hồ Chí Minh	3364	51M-182.66	Hồ Chí Minh
165	51M-287.66	Hồ Chí Minh	1765	51M-163.77	Hồ Chí Minh	3365	51M-183.44	Hồ Chí Minh
166	51M-288.28	Hồ Chí Minh	1766	51M-167.88	Hồ Chí Minh	3366	51M-185.99	Hồ Chí Minh
167	51M-292.68	Hồ Chí Minh	1767	51M-168.77	Hồ Chí Minh	3367	51M-191.77	Hồ Chí Minh
168	51M-294.79	Hồ Chí Minh	1768	51M-193.91	Hồ Chí Minh	3368	51M-191.89	Hồ Chí Minh
169	51M-304.22	Hồ Chí Minh	1769	51M-207.00	Hồ Chí Minh	3369	51M-195.11	Hồ Chí Minh
170	51M-306.30	Hồ Chí Minh	1770	51M-210.22	Hồ Chí Minh	3370	51M-201.89	Hồ Chí Minh
171	51M-306.88	Hồ Chí Minh	1771	51M-213.33	Hồ Chí Minh	3371	51M-206.66	Hồ Chí Minh
172	51M-309.88	Hồ Chí Minh	1772	51M-213.68	Hồ Chí Minh	3372	51M-208.22	Hồ Chí Minh
173	51N-005.79	Hồ Chí Minh	1773	51M-227.88	Hồ Chí Minh	3373	51M-223.77	Hồ Chí Minh
174	51N-008.55	Hồ Chí Minh	1774	51M-230.68	Hồ Chí Minh	3374	51M-230.11	Hồ Chí Minh
175	51N-010.88	Hồ Chí Minh	1775	51M-233.00	Hồ Chí Minh	3375	51M-244.11	Hồ Chí Minh
176	51N-012.55	Hồ Chí Minh	1776	51M-234.39	Hồ Chí Minh	3376	51M-246.79	Hồ Chí Minh
177	51N-013.99	Hồ Chí Minh	1777	51M-234.44	Hồ Chí Minh	3377	51M-247.42	Hồ Chí Minh
178	51N-014.39	Hồ Chí Minh	1778	51M-239.22	Hồ Chí Minh	3378	51M-257.52	Hồ Chí Minh
179	51N-024.25	Hồ Chí Minh	1779	51M-239.88	Hồ Chí Minh	3379	51M-264.44	Hồ Chí Minh
180	51N-031.79	Hồ Chí Minh	1780	51M-240.04	Hồ Chí Minh	3380	51M-270.27	Hồ Chí Minh
181	51N-037.39	Hồ Chí Minh	1781	51M-242.89	Hồ Chí Minh	3381	51M-278.11	Hồ Chí Minh
182	51N-040.04	Hồ Chí Minh	1782	51M-245.54	Hồ Chí Minh	3382	51M-279.11	Hồ Chí Minh
183	51N-041.89	Hồ Chí Minh	1783	51M-257.79	Hồ Chí Minh	3383	51M-279.39	Hồ Chí Minh
184	51N-043.99	Hồ Chí Minh	1784	51M-261.39	Hồ Chí Minh	3384	51M-279.97	Hồ Chí Minh
185	51N-067.86	Hồ Chí Minh	1785	51M-265.00	Hồ Chí Minh	3385	51M-288.33	Hồ Chí Minh
186	51N-069.60	Hồ Chí Minh	1786	51M-267.66	Hồ Chí Minh	3386	51M-293.39	Hồ Chí Minh
187	51N-070.33	Hồ Chí Minh	1787	51M-272.55	Hồ Chí Minh	3387	51M-298.77	Hồ Chí Minh
188	51N-076.33	Hồ Chí Minh	1788	51M-274.47	Hồ Chí Minh	3388	51M-299.22	Hồ Chí Minh
189	51N-082.77	Hồ Chí Minh	1789	51M-282.82	Hồ Chí Minh	3389	51M-308.99	Hồ Chí Minh
190	51N-083.89	Hồ Chí Minh	1790	51M-294.99	Hồ Chí Minh	3390	51N-004.22	Hồ Chí Minh
191	51N-108.80	Hồ Chí Minh	1791	51M-297.44	Hồ Chí Minh	3391	51N-005.05	Hồ Chí Minh
192	51N-110.33	Hồ Chí Minh	1792	51M-299.00	Hồ Chí Minh	3392	51N-008.08	Hồ Chí Minh
193	51N-112.12	Hồ Chí Minh	1793	51N-000.48	Hồ Chí Minh	3393	51N-017.33	Hồ Chí Minh
194	51N-113.77	Hồ Chí Minh	1794	51N-000.78	Hồ Chí Minh	3394	51N-026.27	Hồ Chí Minh
195	51N-117.68	Hồ Chí Minh	1795	51N-012.21	Hồ Chí Minh	3395	51N-032.39	Hồ Chí Minh
196	51N-124.99	Hồ Chí Minh	1796	51N-017.18	Hồ Chí Minh	3396	51N-036.44	Hồ Chí Minh
197	51N-129.44	Hồ Chí Minh	1797	51N-023.86	Hồ Chí Minh	3397	51N-046.47	Hồ Chí Minh
198	51N-134.55	Hồ Chí Minh	1798	51N-025.02	Hồ Chí Minh	3398	51N-048.49	Hồ Chí Minh
199	51N-156.15	Hồ Chí Minh	1799	51N-027.72	Hồ Chí Minh	3399	51N-065.99	Hồ Chí Minh
200	11C-086.99	Cao Bằng	1800	51N-029.88	Hồ Chí Minh	3400	51N-067.79	Hồ Chí Minh
201	11C-089.11	Cao Bằng	1801	51N-032.32	Hồ Chí Minh	3401	51N-078.87	Hồ Chí Minh
202	11C-089.44	Cao Bằng	1802	51N-035.33	Hồ Chí Minh	3402	51N-083.38	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	11C-090.44	Cao Bằng	1803	51N-058.50	Hồ Chí Minh	3403	51N-098.90	Hồ Chí Minh
204	11C-090.89	Cao Bằng	1804	51N-063.55	Hồ Chí Minh	3404	51N-104.44	Hồ Chí Minh
205	11D-010.44	Cao Bằng	1805	51N-065.22	Hồ Chí Minh	3405	51N-107.55	Hồ Chí Minh
206	11D-010.86	Cao Bằng	1806	51N-068.06	Hồ Chí Minh	3406	51N-110.10	Hồ Chí Minh
207	11D-012.86	Cao Bằng	1807	51N-068.33	Hồ Chí Minh	3407	51N-110.79	Hồ Chí Minh
208	12D-007.69	Lạng Sơn	1808	51N-070.69	Hồ Chí Minh	3408	51N-112.11	Hồ Chí Minh
209	14A-990.68	Quảng Ninh	1809	51N-072.69	Hồ Chí Minh	3409	51N-114.41	Hồ Chí Minh
210	14C-449.69	Quảng Ninh	1810	51N-083.08	Hồ Chí Minh	3410	51N-115.88	Hồ Chí Minh
211	14C-452.11	Quảng Ninh	1811	51N-087.66	Hồ Chí Minh	3411	51N-116.55	Hồ Chí Minh
212	14C-456.55	Quảng Ninh	1812	51N-108.99	Hồ Chí Minh	3412	51N-119.00	Hồ Chí Minh
213	14C-458.86	Quảng Ninh	1813	51N-113.00	Hồ Chí Minh	3413	51N-121.68	Hồ Chí Minh
214	14C-461.68	Quảng Ninh	1814	51N-114.55	Hồ Chí Minh	3414	51N-122.00	Hồ Chí Minh
215	14C-466.55	Quảng Ninh	1815	51N-117.17	Hồ Chí Minh	3415	51N-136.68	Hồ Chí Minh
216	14C-471.55	Quảng Ninh	1816	51N-125.26	Hồ Chí Minh	3416	51N-138.11	Hồ Chí Minh
217	14K-000.58	Quảng Ninh	1817	51N-126.12	Hồ Chí Minh	3417	51N-146.55	Hồ Chí Minh
218	14K-000.69	Quảng Ninh	1818	51N-146.11	Hồ Chí Minh	3418	51N-154.00	Hồ Chí Minh
219	14K-002.44	Quảng Ninh	1819	51N-147.33	Hồ Chí Minh	3419	51N-154.77	Hồ Chí Minh
220	14K-003.11	Quảng Ninh	1820	51N-149.33	Hồ Chí Minh	3420	11A-135.66	Cao Bằng
221	14K-012.39	Quảng Ninh	1821	51N-150.55	Hồ Chí Minh	3421	11A-137.33	Cao Bằng
222	14K-012.68	Quảng Ninh	1822	11B-015.33	Cao Bằng	3422	11D-009.77	Cao Bằng
223	14K-020.69	Quảng Ninh	1823	11B-017.17	Cao Bằng	3423	11D-011.55	Cao Bằng
224	14K-027.99	Quảng Ninh	1824	12B-017.69	Lạng Sơn	3424	11D-012.11	Cao Bằng
225	14K-044.40	Quảng Ninh	1825	12B-018.19	Lạng Sơn	3425	12A-272.22	Lạng Sơn
226	14K-044.88	Quảng Ninh	1826	12C-142.69	Lạng Sơn	3426	12D-009.55	Lạng Sơn
227	15B-055.68	Hải Phòng	1827	12C-145.11	Lạng Sơn	3427	14C-456.11	Quảng Ninh
228	15C-484.00	Hải Phòng	1828	12D-008.00	Lạng Sơn	3428	14C-460.39	Quảng Ninh
229	15C-485.33	Hải Phòng	1829	12D-009.86	Lạng Sơn	3429	14C-464.33	Quảng Ninh
230	15C-488.11	Hải Phòng	1830	12D-009.89	Lạng Sơn	3430	14C-467.86	Quảng Ninh
231	15D-055.33	Hải Phòng	1831	12D-010.22	Lạng Sơn	3431	14C-470.22	Quảng Ninh
232	15D-055.44	Hải Phòng	1832	14B-052.55	Quảng Ninh	3432	14C-471.68	Quảng Ninh
233	15K-430.33	Hải Phòng	1833	14B-053.44	Quảng Ninh	3433	14D-030.22	Quảng Ninh
234	15K-433.88	Hải Phòng	1834	14C-451.39	Quảng Ninh	3434	14D-030.99	Quảng Ninh
235	15K-436.33	Hải Phòng	1835	14C-452.00	Quảng Ninh	3435	14D-032.86	Quảng Ninh
236	15K-438.33	Hải Phòng	1836	14C-469.86	Quảng Ninh	3436	14K-013.22	Quảng Ninh
237	15K-443.44	Hải Phòng	1837	14K-006.77	Quảng Ninh	3437	14K-014.68	Quảng Ninh
238	15K-446.33	Hải Phòng	1838	14K-008.00	Quảng Ninh	3438	14K-023.86	Quảng Ninh
239	15K-450.51	Hải Phòng	1839	14K-015.51	Quảng Ninh	3439	14K-049.04	Quảng Ninh
240	15K-452.25	Hải Phòng	1840	14K-017.39	Quảng Ninh	3440	15C-486.87	Hải Phòng
241	15K-464.33	Hải Phòng	1841	14K-018.55	Quảng Ninh	3441	15D-053.55	Hải Phòng
242	15K-474.44	Hải Phòng	1842	14K-024.00	Quảng Ninh	3442	15D-056.00	Hải Phòng
243	15K-478.78	Hải Phòng	1843	14K-026.11	Quảng Ninh	3443	15K-436.68	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	15K-480.81	Hải Phòng	1844	14K-026.89	Quảng Ninh	3444	15K-442.77	Hải Phòng
245	15K-483.84	Hải Phòng	1845	14K-027.02	Quảng Ninh	3445	15K-443.00	Hải Phòng
246	15K-489.66	Hải Phòng	1846	14K-036.68	Quảng Ninh	3446	15K-446.88	Hải Phòng
247	15K-493.33	Hải Phòng	1847	14K-037.39	Quảng Ninh	3447	15K-452.99	Hải Phòng
248	15K-493.49	Hải Phòng	1848	14K-042.99	Quảng Ninh	3448	15K-470.66	Hải Phòng
249	15K-495.00	Hải Phòng	1849	14K-046.79	Quảng Ninh	3449	15K-482.84	Hải Phòng
250	17A-492.29	Thái Bình	1850	15C-489.33	Hải Phòng	3450	15K-483.99	Hải Phòng
251	17A-496.88	Thái Bình	1851	15C-492.88	Hải Phòng	3451	15K-490.33	Hải Phòng
252	17A-505.69	Thái Bình	1852	15K-426.88	Hải Phòng	3452	15K-493.89	Hải Phòng
253	17A-507.05	Thái Bình	1853	15K-452.52	Hải Phòng	3453	15K-496.00	Hải Phòng
254	17A-509.44	Thái Bình	1854	15K-453.44	Hải Phòng	3454	15K-501.02	Hải Phòng
255	17A-512.51	Thái Bình	1855	15K-461.11	Hải Phòng	3455	15K-504.88	Hải Phòng
256	17A-513.44	Thái Bình	1856	15K-463.22	Hải Phòng	3456	15K-512.11	Hải Phòng
257	17B-030.33	Thái Bình	1857	15K-463.33	Hải Phòng	3457	15K-512.77	Hải Phòng
258	17C-215.39	Thái Bình	1858	15K-479.86	Hải Phòng	3458	17A-502.39	Thái Bình
259	17C-216.11	Thái Bình	1859	15K-480.55	Hải Phòng	3459	17A-504.50	Thái Bình
260	17C-218.12	Thái Bình	1860	15K-483.55	Hải Phòng	3460	17A-509.88	Thái Bình
261	17C-218.21	Thái Bình	1861	15K-486.11	Hải Phòng	3461	17A-510.01	Thái Bình
262	18A-500.66	Nam Định	1862	15K-492.94	Hải Phòng	3462	17C-217.89	Thái Bình
263	18A-507.68	Nam Định	1863	15K-496.88	Hải Phòng	3463	17C-219.77	Thái Bình
264	18C-175.33	Nam Định	1864	15K-497.11	Hải Phòng	3464	17C-222.17	Thái Bình
265	19A-716.11	Phú Thọ	1865	15K-501.01	Hải Phòng	3465	17C-222.78	Thái Bình
266	19A-723.72	Phú Thọ	1866	15K-502.33	Hải Phòng	3466	17D-016.33	Thái Bình
267	19A-723.79	Phú Thọ	1867	17A-501.66	Thái Bình	3467	17D-016.39	Thái Bình
268	19A-728.28	Phú Thọ	1868	17A-505.33	Thái Bình	3468	17D-016.99	Thái Bình
269	19A-733.34	Phú Thọ	1869	17A-507.86	Thái Bình	3469	18A-495.59	Nam Định
270	19A-741.11	Phú Thọ	1870	17A-512.11	Thái Bình	3470	18B-031.88	Nam Định
271	19A-748.55	Phú Thọ	1871	17A-512.39	Thái Bình	3471	18D-017.17	Nam Định
272	19A-749.11	Phú Thọ	1872	17B-031.55	Thái Bình	3472	18D-017.22	Nam Định
273	19A-750.50	Phú Thọ	1873	17C-216.86	Thái Bình	3473	18D-017.39	Nam Định
274	19A-752.11	Phú Thọ	1874	17C-218.00	Thái Bình	3474	18D-018.22	Nam Định
275	19A-753.44	Phú Thọ	1875	17C-218.22	Thái Bình	3475	19A-716.39	Phú Thọ
276	20A-861.62	Thái Nguyên	1876	17C-222.03	Thái Bình	3476	19A-718.71	Phú Thọ
277	20A-867.69	Thái Nguyên	1877	17D-013.01	Thái Bình	3477	19A-725.26	Phú Thọ
278	20A-871.68	Thái Nguyên	1878	17D-016.10	Thái Bình	3478	19A-729.72	Phú Thọ
279	20A-876.87	Thái Nguyên	1879	18A-491.39	Nam Định	3479	19A-732.37	Phú Thọ
280	20A-887.79	Thái Nguyên	1880	18A-498.79	Nam Định	3480	19A-739.44	Phú Thọ
281	20A-897.33	Thái Nguyên	1881	18A-503.44	Nam Định	3481	19A-748.79	Phú Thọ
282	20A-899.44	Thái Nguyên	1882	18A-508.11	Nam Định	3482	19A-754.88	Phú Thọ
283	20A-902.89	Thái Nguyên	1883	18A-512.12	Nam Định	3483	19A-756.69	Phú Thọ
284	20B-036.00	Thái Nguyên	1884	18B-031.39	Nam Định	3484	19C-273.66	Phú Thọ



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	20B-038.00	Thái Nguyên	1885	18B-032.23	Nam Định	3485	19C-273.86	Phú Thọ
286	20C-311.33	Thái Nguyên	1886	18C-182.81	Nam Định	3486	19C-273.88	Phú Thọ
287	20C-314.22	Thái Nguyên	1887	19A-724.39	Phú Thọ	3487	19D-019.91	Phú Thọ
288	20C-314.69	Thái Nguyên	1888	19A-726.89	Phú Thọ	3488	20A-863.11	Thái Nguyên
289	20C-318.79	Thái Nguyên	1889	19A-727.55	Phú Thọ	3489	20A-873.33	Thái Nguyên
290	21A-224.11	Yên Bái	1890	19A-730.11	Phú Thọ	3490	20A-876.79	Thái Nguyên
291	21A-227.68	Yên Bái	1891	19A-731.22	Phú Thọ	3491	20A-881.79	Thái Nguyên
292	21B-015.86	Yên Bái	1892	19A-735.73	Phú Thọ	3492	20A-884.11	Thái Nguyên
293	21C-111.46	Yên Bái	1893	19A-735.99	Phú Thọ	3493	20A-888.36	Thái Nguyên
294	21D-009.86	Yên Bái	1894	19A-736.68	Phú Thọ	3494	20A-891.86	Thái Nguyên
295	22A-275.11	Tuyên Quang	1895	19A-736.73	Phú Thọ	3495	20A-892.98	Thái Nguyên
296	22A-284.11	Tuyên Quang	1896	19A-741.74	Phú Thọ	3496	20A-901.33	Thái Nguyên
297	22B-017.55	Tuyên Quang	1897	19A-752.25	Phú Thọ	3497	20A-901.44	Thái Nguyên
298	22B-017.79	Tuyên Quang	1898	19A-757.55	Phú Thọ	3498	20D-035.11	Thái Nguyên
299	22B-018.00	Tuyên Quang	1899	19A-757.68	Phú Thọ	3499	21C-113.79	Yên Bái
300	24A-323.55	Lào Cai	1900	19B-028.28	Phú Thọ	3500	21D-008.11	Yên Bái
301	24A-323.86	Lào Cai	1901	19B-030.79	Phú Thọ	3501	22A-270.88	Tuyên Quang
302	24B-021.11	Lào Cai	1902	19C-269.68	Phú Thọ	3502	22A-274.89	Tuyên Quang
303	24C-171.72	Lào Cai	1903	19C-275.68	Phú Thọ	3503	22A-276.79	Tuyên Quang
304	24D-012.00	Lào Cai	1904	19C-280.44	Phú Thọ	3504	22A-278.27	Tuyên Quang
305	24D-012.21	Lào Cai	1905	19D-021.00	Phú Thọ	3505	22A-281.77	Tuyên Quang
306	24D-012.88	Lào Cai	1906	20A-865.86	Thái Nguyên	3506	22C-117.11	Tuyên Quang
307	25B-008.79	Lai Châu	1907	20A-870.55	Thái Nguyên	3507	22C-118.39	Tuyên Quang
308	25C-063.00	Lai Châu	1908	20A-877.33	Thái Nguyên	3508	22D-012.13	Tuyên Quang
309	26A-235.68	Sơn La	1909	20A-880.55	Thái Nguyên	3509	23A-167.88	Hà Giang
310	26A-236.77	Sơn La	1910	20A-882.79	Thái Nguyên	3510	23A-170.77	Hà Giang
311	26A-238.86	Sơn La	1911	20A-886.22	Thái Nguyên	3511	23C-090.55	Hà Giang
312	26A-242.77	Sơn La	1912	20A-888.37	Thái Nguyên	3512	23D-007.86	Hà Giang
313	26A-243.55	Sơn La	1913	20A-891.22	Thái Nguyên	3513	23D-010.39	Hà Giang
314	26A-246.42	Sơn La	1914	20A-893.55	Thái Nguyên	3514	24A-316.55	Lào Cai
315	26B-022.44	Sơn La	1915	20A-901.55	Thái Nguyên	3515	24A-317.88	Lào Cai
316	26C-163.36	Sơn La	1916	20C-314.00	Thái Nguyên	3516	24B-019.79	Lào Cai
317	26C-167.88	Sơn La	1917	20C-315.15	Thái Nguyên	3517	24B-021.02	Lào Cai
318	27A-131.00	Điện Biên	1918	20C-321.77	Thái Nguyên	3518	24C-165.69	Lào Cai
319	27B-015.77	Điện Biên	1919	20D-035.86	Thái Nguyên	3519	24D-009.86	Lào Cai
320	27C-074.79	Điện Biên	1920	21A-224.89	Yên Bái	3520	24D-010.33	Lào Cai
321	27C-076.88	Điện Biên	1921	21A-226.68	Yên Bái	3521	24D-012.69	Lào Cai
322	28A-262.79	Hòa Bình	1922	21A-227.11	Yên Bái	3522	25A-087.89	Lai Châu
323	28A-262.88	Hòa Bình	1923	21A-230.32	Yên Bái	3523	26A-237.11	Sơn La
324	28A-267.68	Hòa Bình	1924	21C-112.77	Yên Bái	3524	26A-237.79	Sơn La
325	28A-271.27	Hòa Bình	1925	21C-113.14	Yên Bái	3525	26C-165.65	Sơn La

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	29B-660.11	Hà Nội	1926	22A-270.72	Tuyên Quang	3526	26D-017.18	Sơn La
327	29B-662.11	Hà Nội	1927	22A-274.66	Tuyên Quang	3527	28A-261.66	Hòa Bình
328	29B-662.33	Hà Nội	1928	22A-274.74	Tuyên Quang	3528	28A-263.63	Hòa Bình
329	29K-328.44	Hà Nội	1929	22A-275.77	Tuyên Quang	3529	28A-270.66	Hòa Bình
330	29K-331.44	Hà Nội	1930	22A-279.11	Tuyên Quang	3530	28A-271.68	Hòa Bình
331	29K-338.00	Hà Nội	1931	22A-280.86	Tuyên Quang	3531	28B-017.33	Hòa Bình
332	29K-349.89	Hà Nội	1932	22C-117.89	Tuyên Quang	3532	28B-017.86	Hòa Bình
333	29K-350.44	Hà Nội	1933	22D-010.10	Tuyên Quang	3533	28B-019.19	Hòa Bình
334	29K-358.00	Hà Nội	1934	22D-013.22	Tuyên Quang	3534	28B-021.00	Hòa Bình
335	29K-362.62	Hà Nội	1935	23A-164.16	Hà Giang	3535	28C-123.79	Hòa Bình
336	29K-368.39	Hà Nội	1936	23C-091.55	Hà Giang	3536	28D-011.12	Hòa Bình
337	29K-371.44	Hà Nội	1937	23C-091.92	Hà Giang	3537	29D-633.55	Hà Nội
338	29K-372.99	Hà Nội	1938	23D-008.80	Hà Giang	3538	29D-638.77	Hà Nội
339	29K-374.73	Hà Nội	1939	23D-010.10	Hà Giang	3539	29K-326.69	Hà Nội
340	29K-377.89	Hà Nội	1940	23D-011.12	Hà Giang	3540	29K-333.07	Hà Nội
341	29K-378.22	Hà Nội	1941	24A-317.11	Lào Cai	3541	29K-335.89	Hà Nội
342	29K-378.66	Hà Nội	1942	24A-317.18	Lào Cai	3542	29K-339.55	Hà Nội
343	29K-383.99	Hà Nội	1943	24A-321.32	Lào Cai	3543	29K-344.68	Hà Nội
344	29K-385.55	Hà Nội	1944	24B-020.69	Lào Cai	3544	29K-344.89	Hà Nội
345	29K-385.66	Hà Nội	1945	24C-171.77	Lào Cai	3545	29K-347.00	Hà Nội
346	29K-390.99	Hà Nội	1946	25C-060.55	Lai Châu	3546	29K-358.85	Hà Nội
347	29K-391.93	Hà Nội	1947	25C-061.11	Lai Châu	3547	29K-364.33	Hà Nội
348	29K-392.88	Hà Nội	1948	25C-062.06	Lai Châu	3548	29K-378.33	Hà Nội
349	29K-397.22	Hà Nội	1949	26A-240.55	Sơn La	3549	29K-383.84	Hà Nội
350	29K-400.04	Hà Nội	1950	26A-244.45	Sơn La	3550	29K-387.00	Hà Nội
351	29K-410.66	Hà Nội	1951	26B-019.33	Sơn La	3551	29K-388.38	Hà Nội
352	29K-415.88	Hà Nội	1952	26C-163.88	Sơn La	3552	29K-395.86	Hà Nội
353	29K-416.88	Hà Nội	1953	26C-165.22	Sơn La	3553	29K-396.33	Hà Nội
354	29K-417.18	Hà Nội	1954	27A-130.13	Điện Biên	3554	29K-401.44	Hà Nội
355	29K-419.39	Hà Nội	1955	27B-015.00	Điện Biên	3555	29K-403.03	Hà Nội
356	29K-419.41	Hà Nội	1956	27D-009.33	Điện Biên	3556	29K-409.96	Hà Nội
357	29K-419.98	Hà Nội	1957	28A-260.66	Hòa Bình	3557	29K-411.86	Hà Nội
358	29K-423.23	Hà Nội	1958	28A-260.89	Hòa Bình	3558	29K-413.31	Hà Nội
359	29K-427.68	Hà Nội	1959	28A-267.00	Hòa Bình	3559	29K-414.89	Hà Nội
360	29K-435.11	Hà Nội	1960	28A-270.11	Hòa Bình	3560	29K-425.11	Hà Nội
361	29K-436.55	Hà Nội	1961	28B-021.21	Hòa Bình	3561	29K-430.11	Hà Nội
362	29K-437.38	Hà Nội	1962	28D-012.00	Hòa Bình	3562	29K-435.99	Hà Nội
363	29K-438.00	Hà Nội	1963	28D-013.66	Hòa Bình	3563	29K-436.68	Hà Nội
364	29K-438.83	Hà Nội	1964	29D-629.39	Hà Nội	3564	29K-444.38	Hà Nội
365	29K-448.22	Hà Nội	1965	29D-630.44	Hà Nội	3565	29K-446.46	Hà Nội
366	29K-452.89	Hà Nội	1966	29D-631.89	Hà Nội	3566	29K-447.22	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-454.69	Hà Nội	1967	29D-635.77	Hà Nội	3567	29K-447.88	Hà Nội
368	29K-458.44	Hà Nội	1968	29D-636.63	Hà Nội	3568	29K-451.51	Hà Nội
369	29K-463.99	Hà Nội	1969	29D-636.79	Hà Nội	3569	29K-451.66	Hà Nội
370	29K-472.47	Hà Nội	1970	29D-637.36	Hà Nội	3570	29K-452.33	Hà Nội
371	29K-474.88	Hà Nội	1971	29K-329.22	Hà Nội	3571	29K-454.39	Hà Nội
372	29K-476.88	Hà Nội	1972	29K-330.39	Hà Nội	3572	29K-460.39	Hà Nội
373	34A-920.79	Hải Dương	1973	29K-347.74	Hà Nội	3573	29K-469.33	Hà Nội
374	34A-921.44	Hải Dương	1974	29K-356.33	Hà Nội	3574	29K-477.47	Hà Nội
375	34A-924.39	Hải Dương	1975	29K-370.71	Hà Nội	3575	34A-924.24	Hải Dương
376	34A-926.27	Hải Dương	1976	29K-375.00	Hà Nội	3576	34A-927.79	Hải Dương
377	34A-930.33	Hải Dương	1977	29K-395.89	Hà Nội	3577	34A-930.66	Hải Dương
378	34A-940.66	Hải Dương	1978	29K-398.22	Hà Nội	3578	34A-931.13	Hải Dương
379	34A-943.22	Hải Dương	1979	29K-399.44	Hà Nội	3579	34A-944.94	Hải Dương
380	34A-952.53	Hải Dương	1980	29K-403.30	Hà Nội	3580	34A-952.69	Hải Dương
381	34A-956.88	Hải Dương	1981	29K-404.68	Hà Nội	3581	34A-958.22	Hải Dương
382	34A-957.86	Hải Dương	1982	29K-426.77	Hà Nội	3582	34A-963.88	Hải Dương
383	34A-960.11	Hải Dương	1983	29K-429.55	Hà Nội	3583	34A-964.68	Hải Dương
384	34A-960.60	Hải Dương	1984	29K-435.22	Hà Nội	3584	34A-970.44	Hải Dương
385	34A-963.66	Hải Dương	1985	29K-438.77	Hà Nội	3585	34A-971.79	Hải Dương
386	34A-963.77	Hải Dương	1986	29K-439.22	Hà Nội	3586	34A-975.39	Hải Dương
387	34A-972.77	Hải Dương	1987	29K-439.69	Hà Nội	3587	34B-045.04	Hải Dương
388	34A-973.97	Hải Dương	1988	29K-444.26	Hà Nội	3588	34B-045.39	Hải Dương
389	34B-047.11	Hải Dương	1989	29K-448.66	Hà Nội	3589	34B-045.66	Hải Dương
390	34C-436.69	Hải Dương	1990	29K-467.88	Hà Nội	3590	34B-046.66	Hải Dương
391	34C-444.07	Hải Dương	1991	29K-476.76	Hà Nội	3591	34C-435.39	Hải Dương
392	34C-446.69	Hải Dương	1992	34A-922.39	Hải Dương	3592	34C-435.89	Hải Dương
393	34C-449.86	Hải Dương	1993	34A-924.86	Hải Dương	3593	34C-446.39	Hải Dương
394	34D-040.11	Hải Dương	1994	34A-928.39	Hải Dương	3594	35A-464.79	Ninh Bình
395	35A-474.00	Ninh Bình	1995	34A-933.79	Hải Dương	3595	35A-473.88	Ninh Bình
396	35A-474.66	Ninh Bình	1996	34A-933.88	Hải Dương	3596	35A-477.99	Ninh Bình
397	35A-477.68	Ninh Bình	1997	34A-937.77	Hải Dương	3597	35A-481.77	Ninh Bình
398	35A-480.44	Ninh Bình	1998	34A-941.41	Hải Dương	3598	35B-026.33	Ninh Bình
399	35B-026.20	Ninh Bình	1999	34A-942.11	Hải Dương	3599	35C-181.68	Ninh Bình
400	35C-183.38	Ninh Bình	2000	34A-946.33	Hải Dương	3600	35C-184.81	Ninh Bình
401	35C-184.11	Ninh Bình	2001	34A-948.66	Hải Dương	3601	35D-017.88	Ninh Bình
402	36B-048.00	Thanh Hóa	2002	34A-950.05	Hải Dương	3602	36B-047.11	Thanh Hóa
403	36C-551.15	Thanh Hóa	2003	34A-950.44	Hải Dương	3603	36C-548.77	Thanh Hóa
404	36C-554.68	Thanh Hóa	2004	34A-950.86	Hải Dương	3604	36C-550.88	Thanh Hóa
405	36C-555.36	Thanh Hóa	2005	34A-956.11	Hải Dương	3605	36C-554.79	Thanh Hóa
406	36C-555.79	Thanh Hóa	2006	34A-975.99	Hải Dương	3606	36C-558.69	Thanh Hóa
407	36C-558.00	Thanh Hóa	2007	34C-437.55	Hải Dương	3607	36C-576.88	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	36C-562.99	Thanh Hóa	2008	34C-452.89	Hải Dương	3608	36C-577.79	Thanh Hóa
409	36C-565.33	Thanh Hóa	2009	35A-466.46	Ninh Bình	3609	36C-581.99	Thanh Hóa
410	36C-565.56	Thanh Hóa	2010	35A-470.66	Ninh Bình	3610	36K-233.69	Thanh Hóa
411	36C-570.39	Thanh Hóa	2011	35A-478.22	Ninh Bình	3611	36K-241.33	Thanh Hóa
412	36K-229.86	Thanh Hóa	2012	35B-025.33	Ninh Bình	3612	36K-257.99	Thanh Hóa
413	36K-231.31	Thanh Hóa	2013	35C-182.55	Ninh Bình	3613	36K-260.22	Thanh Hóa
414	36K-235.53	Thanh Hóa	2014	35C-184.77	Ninh Bình	3614	36K-264.64	Thanh Hóa
415	36K-237.68	Thanh Hóa	2015	35C-186.39	Ninh Bình	3615	36K-264.69	Thanh Hóa
416	36K-237.89	Thanh Hóa	2016	36C-567.56	Thanh Hóa	3616	36K-281.82	Thanh Hóa
417	36K-240.77	Thanh Hóa	2017	36D-029.99	Thanh Hóa	3617	36K-290.79	Thanh Hóa
418	36K-242.44	Thanh Hóa	2018	36K-236.00	Thanh Hóa	3618	36K-290.88	Thanh Hóa
419	36K-251.69	Thanh Hóa	2019	36K-237.00	Thanh Hóa	3619	36K-294.11	Thanh Hóa
420	36K-265.39	Thanh Hóa	2020	36K-243.44	Thanh Hóa	3620	36K-295.33	Thanh Hóa
421	36K-268.39	Thanh Hóa	2021	36K-246.68	Thanh Hóa	3621	36K-302.30	Thanh Hóa
422	36K-269.88	Thanh Hóa	2022	36K-248.33	Thanh Hóa	3622	36K-302.44	Thanh Hóa
423	36K-272.68	Thanh Hóa	2023	36K-249.49	Thanh Hóa	3623	37B-049.00	Nghệ An
424	36K-273.77	Thanh Hóa	2024	36K-258.44	Thanh Hóa	3624	37C-569.88	Nghệ An
425	36K-279.27	Thanh Hóa	2025	36K-272.89	Thanh Hóa	3625	37C-570.11	Nghệ An
426	36K-293.86	Thanh Hóa	2026	36K-273.86	Thanh Hóa	3626	37C-577.33	Nghệ An
427	36K-294.69	Thanh Hóa	2027	36K-275.79	Thanh Hóa	3627	37C-589.00	Nghệ An
428	36K-298.00	Thanh Hóa	2028	36K-283.39	Thanh Hóa	3628	37C-589.39	Nghệ An
429	36K-305.11	Thanh Hóa	2029	36K-283.88	Thanh Hóa	3629	37C-591.44	Nghệ An
430	36K-305.39	Thanh Hóa	2030	36K-291.66	Thanh Hóa	3630	37C-593.44	Nghệ An
431	36K-306.22	Thanh Hóa	2031	36K-298.79	Thanh Hóa	3631	37C-593.99	Nghệ An
432	37B-046.68	Nghệ An	2032	36K-300.68	Thanh Hóa	3632	37D-047.74	Nghệ An
433	37B-049.66	Nghệ An	2033	36K-303.39	Thanh Hóa	3633	37K-487.86	Nghệ An
434	37C-567.66	Nghệ An	2034	37B-048.86	Nghệ An	3634	37K-494.89	Nghệ An
435	37C-570.39	Nghệ An	2035	37B-050.05	Nghệ An	3635	37K-495.69	Nghệ An
436	37C-578.69	Nghệ An	2036	37B-050.11	Nghệ An	3636	37K-497.68	Nghệ An
437	37C-583.00	Nghệ An	2037	37B-050.22	Nghệ An	3637	37K-502.89	Nghệ An
438	37C-586.00	Nghệ An	2038	37C-568.56	Nghệ An	3638	37K-504.69	Nghệ An
439	37C-592.39	Nghệ An	2039	37C-573.88	Nghệ An	3639	37K-518.11	Nghệ An
440	37C-595.89	Nghệ An	2040	37C-578.22	Nghệ An	3640	37K-518.51	Nghệ An
441	37C-596.66	Nghệ An	2041	37C-583.84	Nghệ An	3641	37K-518.81	Nghệ An
442	37C-597.33	Nghệ An	2042	37C-586.22	Nghệ An	3642	37K-529.52	Nghệ An
443	37D-047.40	Nghệ An	2043	37C-587.88	Nghệ An	3643	37K-529.55	Nghệ An
444	37D-048.48	Nghệ An	2044	37C-591.22	Nghệ An	3644	37K-542.88	Nghệ An
445	37D-049.39	Nghệ An	2045	37C-591.66	Nghệ An	3645	37K-548.45	Nghệ An
446	37D-049.94	Nghệ An	2046	37K-483.84	Nghệ An	3646	37K-557.44	Nghệ An
447	37K-489.39	Nghệ An	2047	37K-484.77	Nghệ An	3647	37K-562.22	Nghệ An
448	37K-492.79	Nghệ An	2048	37K-490.68	Nghệ An	3648	37K-566.67	Nghệ An

T.Y.
 I.A.
 NH
 AM
 -T.P.P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	37K-500.86	Nghệ An	2049	37K-494.39	Nghệ An	3649	38A-680.44	Hà Tĩnh
450	37K-503.88	Nghệ An	2050	37K-494.99	Nghệ An	3650	38A-680.55	Hà Tĩnh
451	37K-507.66	Nghệ An	2051	37K-496.68	Nghệ An	3651	38A-682.39	Hà Tĩnh
452	37K-510.22	Nghệ An	2052	37K-506.00	Nghệ An	3652	38A-685.39	Hà Tĩnh
453	37K-514.33	Nghệ An	2053	37K-507.22	Nghệ An	3653	38A-686.33	Hà Tĩnh
454	37K-538.89	Nghệ An	2054	37K-512.13	Nghệ An	3654	38A-700.99	Hà Tĩnh
455	37K-544.54	Nghệ An	2055	37K-531.13	Nghệ An	3655	38A-706.77	Hà Tĩnh
456	37K-552.11	Nghệ An	2056	37K-531.39	Nghệ An	3656	38A-710.33	Hà Tĩnh
457	37K-556.56	Nghệ An	2057	37K-531.79	Nghệ An	3657	38C-249.86	Hà Tĩnh
458	37K-558.85	Nghệ An	2058	37K-534.39	Nghệ An	3658	38C-250.05	Hà Tĩnh
459	37K-560.99	Nghệ An	2059	37K-536.89	Nghệ An	3659	38C-251.52	Hà Tĩnh
460	37K-564.44	Nghệ An	2060	37K-540.41	Nghệ An	3660	38D-022.88	Hà Tĩnh
461	38A-680.69	Hà Tĩnh	2061	37K-546.77	Nghệ An	3661	43A-945.69	Đà Nẵng
462	38A-683.55	Hà Tĩnh	2062	37K-555.24	Nghệ An	3662	43A-950.33	Đà Nẵng
463	38B-025.52	Hà Tĩnh	2063	37K-556.44	Nghệ An	3663	43A-950.51	Đà Nẵng
464	38C-243.33	Hà Tĩnh	2064	37K-559.86	Nghệ An	3664	43A-951.22	Đà Nẵng
465	38C-245.45	Hà Tĩnh	2065	37K-571.22	Nghệ An	3665	43A-954.95	Đà Nẵng
466	38C-246.33	Hà Tĩnh	2066	38A-685.44	Hà Tĩnh	3666	43A-957.95	Đà Nẵng
467	38C-247.42	Hà Tĩnh	2067	38A-686.79	Hà Tĩnh	3667	43A-961.16	Đà Nẵng
468	38C-250.86	Hà Tĩnh	2068	38A-691.86	Hà Tĩnh	3668	43A-961.39	Đà Nẵng
469	38C-253.89	Hà Tĩnh	2069	38A-698.86	Hà Tĩnh	3669	43A-977.44	Đà Nẵng
470	38D-021.21	Hà Tĩnh	2070	38A-699.33	Hà Tĩnh	3670	43C-317.11	Đà Nẵng
471	38D-023.02	Hà Tĩnh	2071	38A-705.11	Hà Tĩnh	3671	43C-321.32	Đà Nẵng
472	43A-948.86	Đà Nẵng	2072	38A-705.33	Hà Tĩnh	3672	43C-322.55	Đà Nẵng
473	43A-949.69	Đà Nẵng	2073	38A-706.86	Hà Tĩnh	3673	43D-013.11	Đà Nẵng
474	43A-951.52	Đà Nẵng	2074	38C-245.66	Hà Tĩnh	3674	47A-815.77	Đắk Lắk
475	43A-953.54	Đà Nẵng	2075	38C-248.11	Hà Tĩnh	3675	47A-824.77	Đắk Lắk
476	43A-957.00	Đà Nẵng	2076	38C-248.24	Hà Tĩnh	3676	47A-826.79	Đắk Lắk
477	43A-967.00	Đà Nẵng	2077	43A-944.68	Đà Nẵng	3677	47A-827.55	Đắk Lắk
478	43A-970.33	Đà Nẵng	2078	43A-944.77	Đà Nẵng	3678	47A-828.22	Đắk Lắk
479	43B-063.99	Đà Nẵng	2079	43A-944.79	Đà Nẵng	3679	47A-831.55	Đắk Lắk
480	43C-318.18	Đà Nẵng	2080	43A-948.89	Đà Nẵng	3680	47A-850.79	Đắk Lắk
481	43C-323.99	Đà Nẵng	2081	43A-949.96	Đà Nẵng	3681	47A-853.11	Đắk Lắk
482	43D-012.77	Đà Nẵng	2082	43A-952.39	Đà Nẵng	3682	47A-854.69	Đắk Lắk
483	47A-814.77	Đắk Lắk	2083	43A-953.99	Đà Nẵng	3683	47A-860.99	Đắk Lắk
484	47A-822.89	Đắk Lắk	2084	43A-961.22	Đà Nẵng	3684	47A-862.39	Đắk Lắk
485	47A-833.44	Đắk Lắk	2085	43A-968.55	Đà Nẵng	3685	47C-405.86	Đắk Lắk
486	47A-837.83	Đắk Lắk	2086	43A-969.55	Đà Nẵng	3686	47C-415.44	Đắk Lắk
487	47A-846.46	Đắk Lắk	2087	43A-976.55	Đà Nẵng	3687	47C-419.89	Đắk Lắk
488	47A-850.55	Đắk Lắk	2088	43A-976.99	Đà Nẵng	3688	47C-420.42	Đắk Lắk
489	47A-854.58	Đắk Lắk	2089	43A-977.78	Đà Nẵng	3689	47D-021.20	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47A-855.77	Đắk Lắk	2090	43A-979.22	Đà Nẵng	3690	48A-248.84	Đắk Nông
491	47A-857.00	Đắk Lắk	2091	43B-064.00	Đà Nẵng	3691	48A-250.99	Đắk Nông
492	47A-859.86	Đắk Lắk	2092	43B-064.06	Đà Nẵng	3692	48A-252.55	Đắk Nông
493	47B-044.00	Đắk Lắk	2093	43D-013.33	Đà Nẵng	3693	48C-123.24	Đắk Nông
494	47B-044.79	Đắk Lắk	2094	47A-824.25	Đắk Lắk	3694	48D-006.00	Đắk Nông
495	47C-400.40	Đắk Lắk	2095	47A-828.44	Đắk Lắk	3695	49A-751.15	Lâm Đồng
496	47C-412.69	Đắk Lắk	2096	47A-833.68	Đắk Lắk	3696	49A-758.55	Lâm Đồng
497	47C-417.89	Đắk Lắk	2097	47A-833.77	Đắk Lắk	3697	49A-765.65	Lâm Đồng
498	48A-259.77	Đắk Nông	2098	47A-841.88	Đắk Lắk	3698	49A-768.77	Lâm Đồng
499	48A-259.79	Đắk Nông	2099	47A-844.99	Đắk Lắk	3699	49A-774.39	Lâm Đồng
500	48B-015.79	Đắk Nông	2100	47A-846.00	Đắk Lắk	3700	49A-774.55	Lâm Đồng
501	48C-116.88	Đắk Nông	2101	47A-856.86	Đắk Lắk	3701	49A-775.69	Lâm Đồng
502	49A-755.33	Lâm Đồng	2102	47C-406.33	Đắk Lắk	3702	49A-780.33	Lâm Đồng
503	49A-774.86	Lâm Đồng	2103	47D-021.11	Đắk Lắk	3703	49B-033.99	Lâm Đồng
504	49A-776.88	Lâm Đồng	2104	47D-021.99	Đắk Lắk	3704	49C-383.44	Lâm Đồng
505	49B-034.43	Lâm Đồng	2105	47D-022.11	Đắk Lắk	3705	49C-384.55	Lâm Đồng
506	49C-385.85	Lâm Đồng	2106	48A-252.68	Đắk Nông	3706	49C-390.55	Lâm Đồng
507	49C-389.00	Lâm Đồng	2107	48A-254.79	Đắk Nông	3707	49C-397.22	Lâm Đồng
508	49C-390.39	Lâm Đồng	2108	48A-256.77	Đắk Nông	3708	49C-398.33	Lâm Đồng
509	49C-391.79	Lâm Đồng	2109	48A-260.68	Đắk Nông	3709	51B-715.22	Hồ Chí Minh
510	49C-395.39	Lâm Đồng	2110	49A-751.00	Lâm Đồng	3710	51E-346.77	Hồ Chí Minh
511	49C-395.69	Lâm Đồng	2111	49A-752.57	Lâm Đồng	3711	51E-351.00	Hồ Chí Minh
512	49C-398.44	Lâm Đồng	2112	49A-753.66	Lâm Đồng	3712	60B-079.89	Đồng Nai
513	51B-713.79	Hồ Chí Minh	2113	49A-764.69	Lâm Đồng	3713	60C-757.57	Đồng Nai
514	51E-340.66	Hồ Chí Minh	2114	49A-777.37	Lâm Đồng	3714	60C-760.77	Đồng Nai
515	51E-341.00	Hồ Chí Minh	2115	49B-035.99	Lâm Đồng	3715	60C-764.22	Đồng Nai
516	60B-078.22	Đồng Nai	2116	49C-389.69	Lâm Đồng	3716	60C-769.44	Đồng Nai
517	60B-081.00	Đồng Nai	2117	49C-391.86	Lâm Đồng	3717	60C-772.86	Đồng Nai
518	60C-756.69	Đồng Nai	2118	49C-392.92	Lâm Đồng	3718	60C-773.55	Đồng Nai
519	60C-762.68	Đồng Nai	2119	49C-394.00	Lâm Đồng	3719	60C-779.44	Đồng Nai
520	60C-763.44	Đồng Nai	2120	51B-714.89	Hồ Chí Minh	3720	60C-782.82	Đồng Nai
521	60C-765.39	Đồng Nai	2121	51E-342.11	Hồ Chí Minh	3721	60K-619.66	Đồng Nai
522	60C-771.89	Đồng Nai	2122	51E-346.69	Hồ Chí Minh	3722	60K-627.00	Đồng Nai
523	60C-775.66	Đồng Nai	2123	51E-353.69	Hồ Chí Minh	3723	60K-634.56	Đồng Nai
524	60C-777.25	Đồng Nai	2124	60C-759.57	Đồng Nai	3724	60K-645.79	Đồng Nai
525	60C-783.77	Đồng Nai	2125	60C-763.67	Đồng Nai	3725	60K-648.44	Đồng Nai
526	60D-024.02	Đồng Nai	2126	60C-765.55	Đồng Nai	3726	60K-658.44	Đồng Nai
527	60K-648.33	Đồng Nai	2127	60C-773.99	Đồng Nai	3727	60K-660.44	Đồng Nai
528	60K-656.79	Đồng Nai	2128	60C-777.02	Đồng Nai	3728	60K-660.89	Đồng Nai
529	60K-658.99	Đồng Nai	2129	60C-778.77	Đồng Nai	3729	60K-668.55	Đồng Nai
530	60K-669.88	Đồng Nai	2130	60C-780.55	Đồng Nai	3730	60K-673.99	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60K-675.99	Đồng Nai	2131	60C-782.66	Đồng Nai	3731	60K-679.11	Đồng Nai
532	60K-677.67	Đồng Nai	2132	60K-622.68	Đồng Nai	3732	60K-695.68	Đồng Nai
533	60K-681.11	Đồng Nai	2133	60K-627.22	Đồng Nai	3733	60K-697.33	Đồng Nai
534	60K-684.55	Đồng Nai	2134	60K-627.28	Đồng Nai	3734	60K-697.39	Đồng Nai
535	60K-697.89	Đồng Nai	2135	60K-629.89	Đồng Nai	3735	60K-701.66	Đồng Nai
536	60K-700.69	Đồng Nai	2136	60K-631.89	Đồng Nai	3736	60K-702.33	Đồng Nai
537	60K-700.89	Đồng Nai	2137	60K-632.99	Đồng Nai	3737	61B-045.45	Bình Dương
538	60K-701.44	Đồng Nai	2138	60K-640.66	Đồng Nai	3738	61C-617.17	Bình Dương
539	61C-612.77	Bình Dương	2139	60K-640.77	Đồng Nai	3739	61C-623.00	Bình Dương
540	61C-619.86	Bình Dương	2140	60K-652.52	Đồng Nai	3740	61C-624.66	Bình Dương
541	61C-628.39	Bình Dương	2141	60K-654.55	Đồng Nai	3741	61C-624.89	Bình Dương
542	61C-629.00	Bình Dương	2142	60K-674.79	Đồng Nai	3742	61C-626.86	Bình Dương
543	61C-629.55	Bình Dương	2143	60K-683.84	Đồng Nai	3743	61C-637.63	Bình Dương
544	61C-630.22	Bình Dương	2144	60K-689.68	Đồng Nai	3744	61C-643.46	Bình Dương
545	61C-630.89	Bình Dương	2145	60K-694.55	Đồng Nai	3745	61C-643.89	Bình Dương
546	61C-632.63	Bình Dương	2146	60K-701.10	Đồng Nai	3746	61D-023.11	Bình Dương
547	61C-633.89	Bình Dương	2147	61B-045.54	Bình Dương	3747	61D-024.42	Bình Dương
548	61D-023.69	Bình Dương	2148	61B-045.77	Bình Dương	3748	61D-025.11	Bình Dương
549	61K-533.35	Bình Dương	2149	61C-616.88	Bình Dương	3749	61D-025.86	Bình Dương
550	61K-537.89	Bình Dương	2150	61C-617.69	Bình Dương	3750	61K-521.88	Bình Dương
551	61K-543.86	Bình Dương	2151	61C-620.21	Bình Dương	3751	61K-530.99	Bình Dương
552	61K-553.55	Bình Dương	2152	61C-626.88	Bình Dương	3752	61K-532.55	Bình Dương
553	61K-554.77	Bình Dương	2153	61C-626.99	Bình Dương	3753	61K-535.88	Bình Dương
554	61K-562.66	Bình Dương	2154	61C-633.68	Bình Dương	3754	61K-542.45	Bình Dương
555	61K-564.22	Bình Dương	2155	61C-640.22	Bình Dương	3755	61K-542.55	Bình Dương
556	61K-564.55	Bình Dương	2156	61C-640.68	Bình Dương	3756	61K-552.39	Bình Dương
557	61K-568.65	Bình Dương	2157	61C-643.69	Bình Dương	3757	61K-556.39	Bình Dương
558	61K-573.39	Bình Dương	2158	61K-522.23	Bình Dương	3758	61K-557.33	Bình Dương
559	61K-575.69	Bình Dương	2159	61K-536.77	Bình Dương	3759	61K-567.55	Bình Dương
560	61K-576.00	Bình Dương	2160	61K-544.22	Bình Dương	3760	61K-567.56	Bình Dương
561	61K-591.69	Bình Dương	2161	61K-555.11	Bình Dương	3761	61K-568.55	Bình Dương
562	62A-472.47	Long An	2162	61K-555.33	Bình Dương	3762	61K-580.68	Bình Dương
563	62A-479.33	Long An	2163	61K-574.88	Bình Dương	3763	61K-581.55	Bình Dương
564	62A-486.87	Long An	2164	61K-583.69	Bình Dương	3764	61K-589.85	Bình Dương
565	62A-493.55	Long An	2165	61K-585.11	Bình Dương	3765	61K-593.88	Bình Dương
566	62B-033.44	Long An	2166	61K-591.79	Bình Dương	3766	61K-595.89	Bình Dương
567	62C-218.66	Long An	2167	61K-593.39	Bình Dương	3767	61K-598.66	Bình Dương
568	62C-222.55	Long An	2168	61K-595.59	Bình Dương	3768	62A-471.74	Long An
569	62D-015.33	Long An	2169	62A-484.84	Long An	3769	62A-472.33	Long An
570	62D-018.33	Long An	2170	62A-486.33	Long An	3770	62A-475.11	Long An
571	62D-018.44	Long An	2171	62C-225.11	Long An	3771	62A-476.89	Long An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
572	63A-327.86	Tiền Giang	2172	63A-324.88	Tiền Giang	3772	62A-482.68	Long An
573	63A-328.39	Tiền Giang	2173	63A-326.88	Tiền Giang	3773	62A-482.89	Long An
574	63A-330.33	Tiền Giang	2174	63A-332.32	Tiền Giang	3774	62A-484.00	Long An
575	63A-333.05	Tiền Giang	2175	63A-332.86	Tiền Giang	3775	62A-485.39	Long An
576	63A-333.06	Tiền Giang	2176	63A-333.22	Tiền Giang	3776	62A-486.99	Long An
577	63A-333.48	Tiền Giang	2177	63A-334.66	Tiền Giang	3777	62B-031.22	Long An
578	63A-338.77	Tiền Giang	2178	63B-036.89	Tiền Giang	3778	62B-031.99	Long An
579	63A-342.00	Tiền Giang	2179	63C-232.68	Tiền Giang	3779	62C-217.33	Long An
580	63B-036.11	Tiền Giang	2180	63C-233.77	Tiền Giang	3780	62C-219.33	Long An
581	63D-013.22	Tiền Giang	2181	63C-237.33	Tiền Giang	3781	62D-017.10	Long An
582	63D-014.41	Tiền Giang	2182	63D-014.22	Tiền Giang	3782	63A-326.33	Tiền Giang
583	63D-014.79	Tiền Giang	2183	64A-213.86	Vĩnh Long	3783	63A-332.68	Tiền Giang
584	63D-015.79	Tiền Giang	2184	65A-519.69	Cần Thơ	3784	63A-333.04	Tiền Giang
585	64A-203.89	Vĩnh Long	2185	65A-522.11	Cần Thơ	3785	63A-336.44	Tiền Giang
586	64A-204.99	Vĩnh Long	2186	65A-522.89	Cần Thơ	3786	63C-238.68	Tiền Giang
587	64A-207.66	Vĩnh Long	2187	65A-522.99	Cần Thơ	3787	63D-015.22	Tiền Giang
588	64A-208.68	Vĩnh Long	2188	65A-528.33	Cần Thơ	3788	63D-015.86	Tiền Giang
589	64A-212.13	Vĩnh Long	2189	65A-531.53	Cần Thơ	3789	64A-213.22	Vĩnh Long
590	64B-017.18	Vĩnh Long	2190	65A-531.77	Cần Thơ	3790	64C-135.31	Vĩnh Long
591	64B-019.91	Vĩnh Long	2191	65A-531.79	Cần Thơ	3791	65A-516.55	Cần Thơ
592	64C-135.68	Vĩnh Long	2192	65A-532.22	Cần Thơ	3792	65A-518.81	Cần Thơ
593	64C-136.88	Vĩnh Long	2193	65B-026.55	Cần Thơ	3793	65A-525.52	Cần Thơ
594	64C-137.66	Vĩnh Long	2194	65C-254.11	Cần Thơ	3794	65C-254.22	Cần Thơ
595	64D-009.39	Vĩnh Long	2195	65C-265.11	Cần Thơ	3795	65C-255.88	Cần Thơ
596	64D-009.69	Vĩnh Long	2196	65C-271.22	Cần Thơ	3796	65C-259.68	Cần Thơ
597	65A-523.33	Cần Thơ	2197	65C-280.69	Cần Thơ	3797	65C-260.00	Cần Thơ
598	65A-523.69	Cần Thơ	2198	65D-011.79	Cần Thơ	3798	65C-260.77	Cần Thơ
599	65A-528.68	Cần Thơ	2199	65D-013.31	Cần Thơ	3799	65C-277.88	Cần Thơ
600	65C-259.77	Cần Thơ	2200	66A-312.88	Đồng Tháp	3800	65C-278.55	Cần Thơ
601	65C-278.44	Cần Thơ	2201	66B-026.66	Đồng Tháp	3801	66A-307.03	Đồng Tháp
602	65D-013.01	Cần Thơ	2202	66C-186.18	Đồng Tháp	3802	66A-310.31	Đồng Tháp
603	66A-316.00	Đồng Tháp	2203	66C-191.79	Đồng Tháp	3803	66A-317.66	Đồng Tháp
604	66B-024.33	Đồng Tháp	2204	66D-013.22	Đồng Tháp	3804	66C-186.11	Đồng Tháp
605	66B-026.20	Đồng Tháp	2205	67A-330.77	An Giang	3805	66C-190.09	Đồng Tháp
606	66C-187.77	Đồng Tháp	2206	67A-333.86	An Giang	3806	66D-013.33	Đồng Tháp
607	67A-330.11	An Giang	2207	67A-334.77	An Giang	3807	66D-015.79	Đồng Tháp
608	67A-333.77	An Giang	2208	67A-340.66	An Giang	3808	67A-333.28	An Giang
609	67A-336.55	An Giang	2209	67A-343.69	An Giang	3809	67A-337.68	An Giang
610	67A-343.77	An Giang	2210	67A-345.86	An Giang	3810	67B-030.55	An Giang
611	67A-345.79	An Giang	2211	67B-031.66	An Giang	3811	68A-365.86	Kiên Giang
612	67B-033.77	An Giang	2212	68A-369.63	Kiên Giang	3812	68A-378.37	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	68A-365.99	Kiên Giang	2213	68A-373.68	Kiên Giang	3813	68A-378.66	Kiên Giang
614	68A-366.33	Kiên Giang	2214	68A-380.89	Kiên Giang	3814	68A-380.66	Kiên Giang
615	68A-368.44	Kiên Giang	2215	68B-035.00	Kiên Giang	3815	68A-381.81	Kiên Giang
616	68A-371.72	Kiên Giang	2216	68B-036.36	Kiên Giang	3816	68B-036.39	Kiên Giang
617	68A-372.22	Kiên Giang	2217	68C-178.39	Kiên Giang	3817	68D-007.44	Kiên Giang
618	68A-381.82	Kiên Giang	2218	68C-178.78	Kiên Giang	3818	68D-008.55	Kiên Giang
619	68B-035.77	Kiên Giang	2219	68C-178.87	Kiên Giang	3819	69A-171.33	Cà Mau
620	68B-036.63	Kiên Giang	2220	68C-181.77	Kiên Giang	3820	69A-174.47	Cà Mau
621	68D-008.77	Kiên Giang	2221	68C-183.11	Kiên Giang	3821	69D-007.44	Cà Mau
622	69A-170.68	Cà Mau	2222	68C-183.18	Kiên Giang	3822	69D-008.44	Cà Mau
623	69A-171.00	Cà Mau	2223	69A-176.44	Cà Mau	3823	70A-595.11	Tây Ninh
624	69A-172.00	Cà Mau	2224	69C-108.11	Cà Mau	3824	70A-598.44	Tây Ninh
625	69B-013.69	Cà Mau	2225	70A-590.66	Tây Ninh	3825	70A-612.69	Tây Ninh
626	69B-017.22	Cà Mau	2226	70A-591.55	Tây Ninh	3826	70A-613.16	Tây Ninh
627	69C-108.22	Cà Mau	2227	70A-591.92	Tây Ninh	3827	70A-615.33	Tây Ninh
628	69D-006.44	Cà Mau	2228	70A-595.95	Tây Ninh	3828	71A-218.39	Bến Tre
629	70A-591.77	Tây Ninh	2229	70A-596.11	Tây Ninh	3829	71A-219.39	Bến Tre
630	70A-591.91	Tây Ninh	2230	70A-603.11	Tây Ninh	3830	71C-137.55	Bến Tre
631	70A-606.33	Tây Ninh	2231	70A-610.55	Tây Ninh	3831	71C-138.44	Bến Tre
632	70A-607.70	Tây Ninh	2232	70A-614.66	Tây Ninh	3832	72A-845.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
633	70A-610.88	Tây Ninh	2233	70B-034.34	Tây Ninh	3833	72A-849.94	Bà Rịa - Vũng Tàu
634	70B-036.36	Tây Ninh	2234	70B-037.00	Tây Ninh	3834	72A-851.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
635	70B-036.66	Tây Ninh	2235	70C-218.11	Tây Ninh	3835	72A-854.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
636	70C-219.00	Tây Ninh	2236	71A-217.17	Bến Tre	3836	72A-861.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
637	70C-219.44	Tây Ninh	2237	71A-220.22	Bến Tre	3837	72A-862.62	Bà Rịa - Vũng Tàu
638	71A-213.00	Bến Tre	2238	71A-223.69	Bến Tre	3838	72A-878.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
639	71A-222.06	Bến Tre	2239	71A-223.89	Bến Tre	3839	72A-878.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
640	71A-222.08	Bến Tre	2240	71C-134.89	Bến Tre	3840	72A-884.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
641	71C-135.36	Bến Tre	2241	71D-006.33	Bến Tre	3841	72C-265.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
642	71C-138.83	Bến Tre	2242	72A-855.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	3842	72C-265.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
643	72A-871.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	2243	72A-864.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3843	72C-274.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
644	72A-871.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2244	72A-869.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3844	72C-279.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
645	72A-872.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2245	72A-874.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3845	72D-013.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	72A-883.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2246	72A-876.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3846	73B-016.89	Quảng Bình
647	72B-048.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2247	72A-876.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3847	73B-020.33	Quảng Bình
648	72C-276.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2248	72A-879.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3848	73C-192.22	Quảng Bình
649	72C-278.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2249	72B-047.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3849	73C-192.91	Quảng Bình
650	72D-014.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2250	72C-265.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	3850	73C-194.00	Quảng Bình
651	72D-014.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2251	72C-267.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3851	74A-282.99	Quảng Trị
652	73A-371.66	Quảng Bình	2252	72C-271.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3852	74A-286.89	Quảng Trị
653	73A-375.22	Quảng Bình	2253	72C-272.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3853	74B-019.88	Quảng Trị

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	73A-375.77	Quảng Bình	2254	72C-274.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3854	74D-013.13	Quảng Trị
655	73A-377.33	Quảng Bình	2255	72C-274.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	3855	74D-014.01	Quảng Trị
656	73A-378.37	Quảng Bình	2256	72C-278.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3856	74D-015.89	Quảng Trị
657	73B-017.10	Quảng Bình	2257	72C-281.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	3857	75A-399.68	Thừa Thiên Huế
658	73C-193.55	Quảng Bình	2258	73B-018.77	Quảng Bình	3858	75B-031.44	Thừa Thiên Huế
659	73C-197.69	Quảng Bình	2259	73C-193.94	Quảng Bình	3859	75C-161.89	Thừa Thiên Huế
660	73C-197.86	Quảng Bình	2260	74A-280.86	Quảng Trị	3860	76A-327.55	Quảng Ngãi
661	74A-285.00	Quảng Trị	2261	74B-019.11	Quảng Trị	3861	76D-012.11	Quảng Ngãi
662	75A-393.33	Thừa Thiên Huế	2262	74B-020.11	Quảng Trị	3862	77A-356.79	Bình Định
663	75A-394.66	Thừa Thiên Huế	2263	74C-147.88	Quảng Trị	3863	77A-359.22	Bình Định
664	75A-401.00	Thừa Thiên Huế	2264	74C-148.49	Quảng Trị	3864	77A-362.33	Bình Định
665	75A-402.02	Thừa Thiên Huế	2265	74D-013.44	Quảng Trị	3865	77A-369.63	Bình Định
666	75A-402.20	Thừa Thiên Huế	2266	75A-392.44	Thừa Thiên Huế	3866	77D-006.99	Bình Định
667	75B-029.02	Thừa Thiên Huế	2267	75C-160.33	Thừa Thiên Huế	3867	78A-219.68	Phú Yên
668	75B-029.11	Thừa Thiên Huế	2268	75C-163.11	Thừa Thiên Huế	3868	78A-222.78	Phú Yên
669	75B-030.44	Thừa Thiên Huế	2269	75D-010.66	Thừa Thiên Huế	3869	78C-127.89	Phú Yên
670	75B-032.68	Thừa Thiên Huế	2270	76A-325.86	Quảng Ngãi	3870	78C-129.44	Phú Yên
671	75C-161.79	Thừa Thiên Huế	2271	76A-331.32	Quảng Ngãi	3871	78D-006.60	Phú Yên
672	76A-324.79	Quảng Ngãi	2272	76A-332.11	Quảng Ngãi	3872	79A-569.56	Khánh Hòa
673	76A-327.11	Quảng Ngãi	2273	76A-335.99	Quảng Ngãi	3873	79A-588.69	Khánh Hòa
674	76B-028.28	Quảng Ngãi	2274	76A-336.36	Quảng Ngãi	3874	79A-592.33	Khánh Hòa
675	76D-012.68	Quảng Ngãi	2275	76B-029.33	Quảng Ngãi	3875	79A-592.77	Khánh Hòa
676	77A-356.35	Bình Định	2276	76D-014.22	Quảng Ngãi	3876	79A-592.79	Khánh Hòa
677	77A-357.39	Bình Định	2277	77A-367.67	Bình Định	3877	79D-012.55	Khánh Hòa
678	77A-360.39	Bình Định	2278	77A-370.68	Bình Định	3878	79D-013.01	Khánh Hòa
679	77A-361.22	Bình Định	2279	77B-038.30	Bình Định	3879	81A-453.88	Gia Lai
680	77A-362.86	Bình Định	2280	77B-038.86	Bình Định	3880	81A-459.88	Gia Lai
681	77A-366.63	Bình Định	2281	77C-261.88	Bình Định	3881	81A-463.22	Gia Lai
682	77C-264.44	Bình Định	2282	77C-265.79	Bình Định	3882	81A-463.46	Gia Lai
683	77C-267.44	Bình Định	2283	77D-007.69	Bình Định	3883	81A-472.33	Gia Lai
684	78A-217.39	Phú Yên	2284	78A-221.68	Phú Yên	3884	81A-479.11	Gia Lai
685	78A-217.79	Phú Yên	2285	78B-019.86	Phú Yên	3885	81C-283.89	Gia Lai
686	78A-219.66	Phú Yên	2286	79A-569.65	Khánh Hòa	3886	81C-287.33	Gia Lai
687	78C-128.00	Phú Yên	2287	79A-572.39	Khánh Hòa	3887	81C-298.33	Gia Lai
688	79A-570.88	Khánh Hòa	2288	79A-572.77	Khánh Hòa	3888	81C-299.33	Gia Lai
689	79A-571.22	Khánh Hòa	2289	79A-574.66	Khánh Hòa	3889	81D-017.00	Gia Lai
690	79A-573.55	Khánh Hòa	2290	79A-586.79	Khánh Hòa	3890	82A-161.77	Kon Tum
691	79A-575.33	Khánh Hòa	2291	79B-046.22	Khánh Hòa	3891	82A-164.33	Kon Tum
692	79A-578.69	Khánh Hòa	2292	79B-046.64	Khánh Hòa	3892	82A-165.39	Kon Tum
693	79A-579.97	Khánh Hòa	2293	79C-232.00	Khánh Hòa	3893	82B-020.99	Kon Tum
694	79A-595.33	Khánh Hòa	2294	79D-014.11	Khánh Hòa	3894	82C-097.09	Kon Tum

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	79B-046.86	Khánh Hòa	2295	81A-461.39	Gia Lai	3895	82D-014.00	Kon Tum
696	79C-229.29	Khánh Hòa	2296	81A-466.79	Gia Lai	3896	83A-195.00	Sóc Trăng
697	79C-234.68	Khánh Hòa	2297	81A-467.69	Gia Lai	3897	83A-196.22	Sóc Trăng
698	79D-011.01	Khánh Hòa	2298	81A-470.33	Gia Lai	3898	83A-197.11	Sóc Trăng
699	79D-014.15	Khánh Hòa	2299	81A-473.69	Gia Lai	3899	83A-198.66	Sóc Trăng
700	81A-460.11	Gia Lai	2300	81A-475.88	Gia Lai	3900	83A-198.79	Sóc Trăng
701	81A-462.99	Gia Lai	2301	81B-028.89	Gia Lai	3901	83B-023.86	Sóc Trăng
702	81A-477.88	Gia Lai	2302	81B-029.02	Gia Lai	3902	83B-026.11	Sóc Trăng
703	81C-285.85	Gia Lai	2303	81B-030.03	Gia Lai	3903	83C-132.77	Sóc Trăng
704	81D-014.66	Gia Lai	2304	81C-290.00	Gia Lai	3904	83C-134.69	Sóc Trăng
705	81D-015.11	Gia Lai	2305	81C-294.33	Gia Lai	3905	83D-009.00	Sóc Trăng
706	81D-016.68	Gia Lai	2306	81D-015.22	Gia Lai	3906	84A-150.15	Trà Vinh
707	82A-165.11	Kon Tum	2307	82A-164.22	Kon Tum	3907	84A-150.50	Trà Vinh
708	82B-024.00	Kon Tum	2308	82B-022.88	Kon Tum	3908	84A-154.11	Trà Vinh
709	82D-010.88	Kon Tum	2309	82C-095.39	Kon Tum	3909	84D-005.86	Trà Vinh
710	82D-012.99	Kon Tum	2310	82D-011.10	Kon Tum	3910	84D-006.07	Trà Vinh
711	83C-137.33	Sóc Trăng	2311	83A-196.88	Sóc Trăng	3911	85A-148.00	Ninh Thuận
712	83D-008.22	Sóc Trăng	2312	83B-023.32	Sóc Trăng	3912	85C-086.77	Ninh Thuận
713	83D-009.66	Sóc Trăng	2313	83C-133.22	Sóc Trăng	3913	85C-087.33	Ninh Thuận
714	83D-009.96	Sóc Trăng	2314	83C-135.86	Sóc Trăng	3914	86A-322.44	Bình Thuận
715	83D-010.33	Sóc Trăng	2315	84A-150.88	Trà Vinh	3915	86A-328.00	Bình Thuận
716	83D-011.00	Sóc Trăng	2316	84B-022.68	Trà Vinh	3916	86A-330.55	Bình Thuận
717	84C-127.11	Trà Vinh	2317	84D-007.66	Trà Vinh	3917	86B-025.39	Bình Thuận
718	84C-128.00	Trà Vinh	2318	85A-149.49	Ninh Thuận	3918	86B-025.44	Bình Thuận
719	84C-128.99	Trà Vinh	2319	85A-153.33	Ninh Thuận	3919	86C-209.79	Bình Thuận
720	84D-007.88	Trà Vinh	2320	85B-017.68	Ninh Thuận	3920	86C-214.00	Bình Thuận
721	84D-008.66	Trà Vinh	2321	86A-322.79	Bình Thuận	3921	86C-214.33	Bình Thuận
722	85A-152.79	Ninh Thuận	2322	86A-322.89	Bình Thuận	3922	88A-791.86	Vĩnh Phúc
723	85D-006.88	Ninh Thuận	2323	86A-328.86	Bình Thuận	3923	88A-797.44	Vĩnh Phúc
724	85D-008.79	Ninh Thuận	2324	86A-329.29	Bình Thuận	3924	88A-797.98	Vĩnh Phúc
725	86A-331.33	Bình Thuận	2325	86A-333.15	Bình Thuận	3925	88A-803.66	Vĩnh Phúc
726	86A-333.46	Bình Thuận	2326	86A-333.24	Bình Thuận	3926	88A-806.06	Vĩnh Phúc
727	86B-025.52	Bình Thuận	2327	86A-334.55	Bình Thuận	3927	88A-806.11	Vĩnh Phúc
728	86B-027.66	Bình Thuận	2328	86B-025.88	Bình Thuận	3928	88A-815.99	Vĩnh Phúc
729	86C-212.88	Bình Thuận	2329	86B-027.55	Bình Thuận	3929	88A-816.69	Vĩnh Phúc
730	88A-788.11	Vĩnh Phúc	2330	86C-213.68	Bình Thuận	3930	88A-817.69	Vĩnh Phúc
731	88A-791.91	Vĩnh Phúc	2331	86C-215.44	Bình Thuận	3931	88A-821.21	Vĩnh Phúc
732	88A-801.99	Vĩnh Phúc	2332	88A-791.92	Vĩnh Phúc	3932	88A-822.89	Vĩnh Phúc
733	88A-802.22	Vĩnh Phúc	2333	88A-793.11	Vĩnh Phúc	3933	88A-823.89	Vĩnh Phúc
734	88A-808.79	Vĩnh Phúc	2334	88A-795.79	Vĩnh Phúc	3934	88A-826.00	Vĩnh Phúc
735	88A-825.86	Vĩnh Phúc	2335	88A-798.97	Vĩnh Phúc	3935	88A-826.88	Vĩnh Phúc

31/10/2024
 CÔNG
 ĐẤU G
 ỚP ĐÀ
 VIỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	88B-022.68	Vĩnh Phúc	2336	88A-806.77	Vĩnh Phúc	3936	88C-319.77	Vĩnh Phúc
737	88B-024.44	Vĩnh Phúc	2337	88A-807.33	Vĩnh Phúc	3937	88C-326.44	Vĩnh Phúc
738	88B-025.11	Vĩnh Phúc	2338	88A-809.55	Vĩnh Phúc	3938	88D-021.55	Vĩnh Phúc
739	88C-310.10	Vĩnh Phúc	2339	88A-814.66	Vĩnh Phúc	3939	89A-534.68	Hung Yên
740	88C-311.00	Vĩnh Phúc	2340	88C-312.22	Vĩnh Phúc	3940	89A-536.63	Hung Yên
741	88C-314.89	Vĩnh Phúc	2341	88C-316.22	Vĩnh Phúc	3941	89A-548.77	Hung Yên
742	88C-320.88	Vĩnh Phúc	2342	88C-320.39	Vĩnh Phúc	3942	89A-553.44	Hung Yên
743	88C-321.22	Vĩnh Phúc	2343	88D-023.44	Vĩnh Phúc	3943	89A-556.00	Hung Yên
744	89A-537.22	Hung Yên	2344	89A-538.68	Hung Yên	3944	89A-557.88	Hung Yên
745	89A-540.66	Hung Yên	2345	89A-546.64	Hung Yên	3945	89A-563.66	Hung Yên
746	89A-545.22	Hung Yên	2346	89A-547.00	Hung Yên	3946	89B-025.25	Hung Yên
747	89A-550.99	Hung Yên	2347	89A-548.54	Hung Yên	3947	89C-350.66	Hung Yên
748	89A-562.62	Hung Yên	2348	89A-551.89	Hung Yên	3948	89C-351.33	Hung Yên
749	89C-347.33	Hung Yên	2349	89A-553.53	Hung Yên	3949	89C-351.55	Hung Yên
750	89C-347.99	Hung Yên	2350	89A-562.77	Hung Yên	3950	89C-354.53	Hung Yên
751	89C-356.57	Hung Yên	2351	89B-027.77	Hung Yên	3951	89C-356.00	Hung Yên
752	89C-359.77	Hung Yên	2352	89B-028.39	Hung Yên	3952	89C-356.69	Hung Yên
753	90A-291.39	Hà Nam	2353	89C-348.68	Hung Yên	3953	89C-358.66	Hung Yên
754	90A-293.44	Hà Nam	2354	90A-297.44	Hà Nam	3954	89D-023.79	Hung Yên
755	90A-301.89	Hà Nam	2355	90B-013.44	Hà Nam	3955	89D-025.66	Hung Yên
756	90A-302.20	Hà Nam	2356	90B-015.86	Hà Nam	3956	90A-295.79	Hà Nam
757	90B-015.51	Hà Nam	2357	90B-016.44	Hà Nam	3957	90A-300.33	Hà Nam
758	90C-154.69	Hà Nam	2358	90D-013.10	Hà Nam	3958	90B-012.89	Hà Nam
759	90D-012.68	Hà Nam	2359	92A-433.79	Quảng Nam	3959	90B-013.86	Hà Nam
760	92A-435.11	Quảng Nam	2360	92A-441.68	Quảng Nam	3960	90C-155.00	Hà Nam
761	92A-437.68	Quảng Nam	2361	92A-444.06	Quảng Nam	3961	92A-436.33	Quảng Nam
762	92A-443.34	Quảng Nam	2362	92A-447.79	Quảng Nam	3962	92A-436.34	Quảng Nam
763	92A-447.11	Quảng Nam	2363	92B-039.89	Quảng Nam	3963	92A-436.37	Quảng Nam
764	92B-041.14	Quảng Nam	2364	92D-016.61	Quảng Nam	3964	92A-444.11	Quảng Nam
765	92C-263.89	Quảng Nam	2365	93A-506.86	Bình Phước	3965	92A-446.79	Quảng Nam
766	93A-505.69	Bình Phước	2366	93A-509.39	Bình Phước	3966	92B-039.77	Quảng Nam
767	93A-506.00	Bình Phước	2367	93A-518.89	Bình Phước	3967	92D-013.99	Quảng Nam
768	93A-506.68	Bình Phước	2368	93A-524.00	Bình Phước	3968	92D-014.14	Quảng Nam
769	93A-508.08	Bình Phước	2369	93C-203.20	Bình Phước	3969	93A-506.69	Bình Phước
770	93C-202.79	Bình Phước	2370	93C-203.22	Bình Phước	3970	93A-506.99	Bình Phước
771	93D-008.00	Bình Phước	2371	93C-203.99	Bình Phước	3971	93A-507.77	Bình Phước
772	93D-009.22	Bình Phước	2372	93C-206.44	Bình Phước	3972	93A-518.66	Bình Phước
773	94A-110.44	Bạc Liêu	2373	93C-207.77	Bình Phước	3973	93B-024.02	Bình Phước
774	94A-112.11	Bạc Liêu	2374	94A-112.86	Bạc Liêu	3974	94A-111.44	Bạc Liêu
775	94B-017.55	Bạc Liêu	2375	94B-015.89	Bạc Liêu	3975	94B-016.11	Bạc Liêu
776	94C-085.69	Bạc Liêu	2376	94B-016.44	Bạc Liêu	3976	94D-006.22	Bạc Liêu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	94D-006.07	Bạc Liêu	2377	95C-093.11	Hậu Giang	3977	95B-016.55	Hậu Giang
778	94D-006.79	Bạc Liêu	2378	95D-026.33	Hậu Giang	3978	95B-017.55	Hậu Giang
779	94D-007.68	Bạc Liêu	2379	95D-026.69	Hậu Giang	3979	95B-017.88	Hậu Giang
780	95B-020.02	Hậu Giang	2380	98A-867.88	Bắc Giang	3980	95C-092.86	Hậu Giang
781	97C-053.22	Bắc Kạn	2381	98A-872.27	Bắc Giang	3981	95D-024.11	Hậu Giang
782	97D-007.89	Bắc Kạn	2382	98A-872.44	Bắc Giang	3982	97B-016.69	Bắc Kạn
783	98A-860.11	Bắc Giang	2383	98A-876.87	Bắc Giang	3983	97B-018.66	Bắc Kạn
784	98A-863.68	Bắc Giang	2384	98A-878.44	Bắc Giang	3984	97C-050.55	Bắc Kạn
785	98A-876.99	Bắc Giang	2385	98A-882.44	Bắc Giang	3985	97C-050.69	Bắc Kạn
786	98A-877.33	Bắc Giang	2386	98A-882.99	Bắc Giang	3986	97C-052.86	Bắc Kạn
787	98A-880.69	Bắc Giang	2387	98A-884.85	Bắc Giang	3987	98A-869.39	Bắc Giang
788	98A-883.55	Bắc Giang	2388	98A-890.11	Bắc Giang	3988	98A-873.89	Bắc Giang
789	98A-888.02	Bắc Giang	2389	98A-890.39	Bắc Giang	3989	98A-875.89	Bắc Giang
790	98A-888.17	Bắc Giang	2390	98A-901.88	Bắc Giang	3990	98A-878.79	Bắc Giang
791	98A-888.24	Bắc Giang	2391	98A-904.86	Bắc Giang	3991	98A-884.48	Bắc Giang
792	98A-891.11	Bắc Giang	2392	98A-910.44	Bắc Giang	3992	98A-902.99	Bắc Giang
793	98A-897.22	Bắc Giang	2393	98B-046.66	Bắc Giang	3993	98A-903.44	Bắc Giang
794	98A-899.33	Bắc Giang	2394	98C-377.73	Bắc Giang	3994	98A-905.22	Bắc Giang
795	98A-907.00	Bắc Giang	2395	98C-382.89	Bắc Giang	3995	98B-045.33	Bắc Giang
796	98A-907.55	Bắc Giang	2396	98C-386.83	Bắc Giang	3996	98C-381.83	Bắc Giang
797	98C-382.28	Bắc Giang	2397	98C-388.83	Bắc Giang	3997	98C-382.79	Bắc Giang
798	98C-387.79	Bắc Giang	2398	99A-857.85	Bắc Ninh	3998	98D-024.22	Bắc Giang
799	98C-388.79	Bắc Giang	2399	99A-862.11	Bắc Ninh	3999	99A-851.88	Bắc Ninh
800	98C-389.55	Bắc Giang	2400	99A-872.39	Bắc Ninh	4000	99A-854.39	Bắc Ninh
801	98C-392.92	Bắc Giang	2401	99A-872.55	Bắc Ninh	4001	99A-857.44	Bắc Ninh
802	98C-396.00	Bắc Giang	2402	99A-873.68	Bắc Ninh	4002	99A-864.46	Bắc Ninh
803	98C-396.68	Bắc Giang	2403	99A-874.68	Bắc Ninh	4003	99A-870.00	Bắc Ninh
804	98D-024.42	Bắc Giang	2404	99A-874.86	Bắc Ninh	4004	99A-888.17	Bắc Ninh
805	99A-855.44	Bắc Ninh	2405	99A-883.83	Bắc Ninh	4005	99A-894.94	Bắc Ninh
806	99A-893.66	Bắc Ninh	2406	99A-886.11	Bắc Ninh	4006	99A-895.59	Bắc Ninh
807	99C-334.99	Bắc Ninh	2407	99A-887.86	Bắc Ninh	4007	99A-896.11	Bắc Ninh
808	99C-338.44	Bắc Ninh	2408	99A-891.77	Bắc Ninh	4008	99B-030.03	Bắc Ninh
809	99C-340.77	Bắc Ninh	2409	99A-894.66	Bắc Ninh	4009	99B-032.30	Bắc Ninh
810	99C-340.86	Bắc Ninh	2410	99A-896.68	Bắc Ninh	4010	99C-333.27	Bắc Ninh
811	99C-342.43	Bắc Ninh	2411	99C-331.44	Bắc Ninh	4011	99C-341.89	Bắc Ninh
812	99C-346.88	Bắc Ninh	2412	99C-343.33	Bắc Ninh	4012	99C-344.66	Bắc Ninh
813	99D-026.88	Bắc Ninh	2413	99D-025.00	Bắc Ninh	4013	99C-345.00	Bắc Ninh
814	11A-140.56	Cao Bằng	2414	11A-135.63	Cao Bằng	4014	11C-087.58	Cao Bằng
815	11C-089.59	Cao Bằng	2415	11A-135.83	Cao Bằng	4015	11D-012.56	Cao Bằng
816	12A-267.85	Lạng Sơn	2416	11A-138.08	Cao Bằng	4016	12A-264.06	Lạng Sơn
817	12A-267.96	Lạng Sơn	2417	11B-016.95	Cao Bằng	4017	12A-264.16	Lạng Sơn

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	12C-144.35	Lạng Sơn	2418	11C-088.28	Cao Bằng	4018	12A-272.19	Lạng Sơn
819	12D-010.08	Lạng Sơn	2419	12A-265.09	Lạng Sơn	4019	12A-272.85	Lạng Sơn
820	14A-990.25	Quảng Ninh	2420	12A-267.56	Lạng Sơn	4020	12B-017.85	Lạng Sơn
821	14A-990.63	Quảng Ninh	2421	12B-018.35	Lạng Sơn	4021	12B-018.98	Lạng Sơn
822	14A-995.19	Quảng Ninh	2422	12B-018.96	Lạng Sơn	4022	12C-140.28	Lạng Sơn
823	14B-053.15	Quảng Ninh	2423	14A-991.25	Quảng Ninh	4023	12C-140.85	Lạng Sơn
824	14B-056.25	Quảng Ninh	2424	14C-451.35	Quảng Ninh	4024	12C-142.35	Lạng Sơn
825	14C-450.19	Quảng Ninh	2425	14C-452.58	Quảng Ninh	4025	12C-142.65	Lạng Sơn
826	14C-452.18	Quảng Ninh	2426	14C-464.95	Quảng Ninh	4026	12D-008.63	Lạng Sơn
827	14C-452.28	Quảng Ninh	2427	14C-467.96	Quảng Ninh	4027	14A-992.98	Quảng Ninh
828	14C-461.95	Quảng Ninh	2428	14D-032.59	Quảng Ninh	4028	14A-994.25	Quảng Ninh
829	14C-463.09	Quảng Ninh	2429	14K-002.83	Quảng Ninh	4029	14A-998.36	Quảng Ninh
830	14C-464.08	Quảng Ninh	2430	14K-004.83	Quảng Ninh	4030	14A-998.63	Quảng Ninh
831	14C-466.19	Quảng Ninh	2431	14K-006.83	Quảng Ninh	4031	14C-453.15	Quảng Ninh
832	14K-001.28	Quảng Ninh	2432	14K-011.16	Quảng Ninh	4032	14C-453.85	Quảng Ninh
833	14K-009.18	Quảng Ninh	2433	14K-011.63	Quảng Ninh	4033	14C-454.83	Quảng Ninh
834	14K-012.15	Quảng Ninh	2434	14K-014.96	Quảng Ninh	4034	14C-458.96	Quảng Ninh
835	14K-032.19	Quảng Ninh	2435	14K-017.08	Quảng Ninh	4035	14C-459.25	Quảng Ninh
836	14K-032.59	Quảng Ninh	2436	14K-018.16	Quảng Ninh	4036	14C-467.85	Quảng Ninh
837	14K-034.59	Quảng Ninh	2437	14K-018.29	Quảng Ninh	4037	14D-030.58	Quảng Ninh
838	14K-039.25	Quảng Ninh	2438	14K-024.38	Quảng Ninh	4038	14K-003.83	Quảng Ninh
839	14K-040.28	Quảng Ninh	2439	14K-028.83	Quảng Ninh	4039	14K-004.36	Quảng Ninh
840	15C-484.15	Hải Phòng	2440	14K-030.29	Quảng Ninh	4040	14K-006.35	Quảng Ninh
841	15C-484.35	Hải Phòng	2441	14K-035.59	Quảng Ninh	4041	14K-006.65	Quảng Ninh
842	15C-487.38	Hải Phòng	2442	14K-039.16	Quảng Ninh	4042	14K-012.09	Quảng Ninh
843	15C-489.59	Hải Phòng	2443	14K-042.09	Quảng Ninh	4043	14K-015.95	Quảng Ninh
844	15C-493.63	Hải Phòng	2444	14K-044.25	Quảng Ninh	4044	14K-025.38	Quảng Ninh
845	15C-493.85	Hải Phòng	2445	14K-047.58	Quảng Ninh	4045	14K-029.59	Quảng Ninh
846	15K-426.29	Hải Phòng	2446	14K-049.09	Quảng Ninh	4046	14K-034.19	Quảng Ninh
847	15K-428.25	Hải Phòng	2447	15B-054.83	Hải Phòng	4047	14K-037.65	Quảng Ninh
848	15K-442.08	Hải Phòng	2448	15B-058.56	Hải Phòng	4048	14K-046.28	Quảng Ninh
849	15K-450.38	Hải Phòng	2449	15C-497.63	Hải Phòng	4049	15B-057.35	Hải Phòng
850	15K-456.63	Hải Phòng	2450	15K-427.96	Hải Phòng	4050	15C-482.56	Hải Phòng
851	15K-456.98	Hải Phòng	2451	15K-442.29	Hải Phòng	4051	15C-488.15	Hải Phòng
852	15K-458.38	Hải Phòng	2452	15K-446.58	Hải Phòng	4052	15C-490.25	Hải Phòng
853	15K-461.36	Hải Phòng	2453	15K-450.35	Hải Phòng	4053	15C-490.65	Hải Phòng
854	15K-464.29	Hải Phòng	2454	15K-468.63	Hải Phòng	4054	15C-494.85	Hải Phòng
855	15K-466.19	Hải Phòng	2455	15K-469.59	Hải Phòng	4055	15C-495.28	Hải Phòng
856	15K-466.35	Hải Phòng	2456	15K-470.56	Hải Phòng	4056	15D-056.18	Hải Phòng
857	15K-467.36	Hải Phòng	2457	15K-474.59	Hải Phòng	4057	15K-427.06	Hải Phòng
858	15K-468.15	Hải Phòng	2458	15K-476.25	Hải Phòng	4058	15K-427.98	Hải Phòng

Đ
 CỘNG
 Đ
 HỢP
 VIỆT
 X

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	15K-472.28	Hải Phòng	2459	15K-493.96	Hải Phòng	4059	15K-429.06	Hải Phòng
860	15K-476.83	Hải Phòng	2460	15K-495.83	Hải Phòng	4060	15K-430.58	Hải Phòng
861	15K-486.26	Hải Phòng	2461	15K-496.56	Hải Phòng	4061	15K-433.06	Hải Phòng
862	15K-489.06	Hải Phòng	2462	15K-505.29	Hải Phòng	4062	15K-434.95	Hải Phòng
863	15K-495.85	Hải Phòng	2463	15K-507.25	Hải Phòng	4063	15K-442.35	Hải Phòng
864	15K-507.65	Hải Phòng	2464	15K-507.38	Hải Phòng	4064	15K-446.59	Hải Phòng
865	17A-502.83	Thái Bình	2465	15K-510.56	Hải Phòng	4065	15K-449.25	Hải Phòng
866	17A-504.18	Thái Bình	2466	15K-513.16	Hải Phòng	4066	15K-456.18	Hải Phòng
867	17A-505.16	Thái Bình	2467	17A-494.35	Thái Bình	4067	15K-458.28	Hải Phòng
868	17A-507.98	Thái Bình	2468	17A-501.16	Thái Bình	4068	15K-459.09	Hải Phòng
869	17B-030.25	Thái Bình	2469	17A-501.18	Thái Bình	4069	15K-464.83	Hải Phòng
870	17C-217.25	Thái Bình	2470	17C-215.38	Thái Bình	4070	15K-467.35	Hải Phòng
871	17C-218.15	Thái Bình	2471	17C-217.85	Thái Bình	4071	15K-473.58	Hải Phòng
872	18A-499.63	Nam Định	2472	17C-218.08	Thái Bình	4072	15K-476.19	Hải Phòng
873	18A-503.16	Nam Định	2473	17C-218.96	Thái Bình	4073	15K-476.29	Hải Phòng
874	18C-175.36	Nam Định	2474	17C-219.18	Thái Bình	4074	15K-478.36	Hải Phòng
875	19A-731.16	Phú Thọ	2475	17D-015.09	Thái Bình	4075	15K-486.09	Hải Phòng
876	19A-734.38	Phú Thọ	2476	18A-495.83	Nam Định	4076	15K-487.98	Hải Phòng
877	19A-737.26	Phú Thọ	2477	18A-497.18	Nam Định	4077	15K-490.18	Hải Phòng
878	19A-742.26	Phú Thọ	2478	18A-504.95	Nam Định	4078	15K-492.15	Hải Phòng
879	19A-743.36	Phú Thọ	2479	18A-506.96	Nam Định	4079	15K-503.95	Hải Phòng
880	19A-743.98	Phú Thọ	2480	18A-509.98	Nam Định	4080	17A-493.29	Thái Bình
881	19A-745.56	Phú Thọ	2481	18C-179.65	Nam Định	4081	17A-499.08	Thái Bình
882	19A-747.63	Phú Thọ	2482	18C-181.96	Nam Định	4082	17A-500.15	Thái Bình
883	19A-749.16	Phú Thọ	2483	18C-183.15	Nam Định	4083	17A-502.09	Thái Bình
884	19A-754.19	Phú Thọ	2484	18D-017.06	Nam Định	4084	17A-511.19	Thái Bình
885	19A-754.85	Phú Thọ	2485	18D-018.28	Nam Định	4085	17B-031.65	Thái Bình
886	19A-756.63	Phú Thọ	2486	18D-018.58	Nam Định	4086	17C-219.83	Thái Bình
887	19C-266.59	Phú Thọ	2487	19A-721.19	Phú Thọ	4087	17D-013.18	Thái Bình
888	19C-272.85	Phú Thọ	2488	19A-723.18	Phú Thọ	4088	17D-013.25	Thái Bình
889	19C-273.65	Phú Thọ	2489	19A-723.25	Phú Thọ	4089	18A-491.98	Nam Định
890	19C-277.16	Phú Thọ	2490	19A-727.18	Phú Thọ	4090	18A-496.83	Nam Định
891	20A-861.09	Thái Nguyên	2491	19A-728.58	Phú Thọ	4091	18A-505.19	Nam Định
892	20A-861.65	Thái Nguyên	2492	19A-739.25	Phú Thọ	4092	18A-512.98	Nam Định
893	20A-866.25	Thái Nguyên	2493	19A-741.35	Phú Thọ	4093	18C-178.63	Nam Định
894	20A-866.58	Thái Nguyên	2494	19A-741.95	Phú Thọ	4094	18D-015.26	Nam Định
895	20A-880.18	Thái Nguyên	2495	19A-742.58	Phú Thọ	4095	18D-017.25	Nam Định
896	20A-881.28	Thái Nguyên	2496	19A-746.18	Phú Thọ	4096	19A-717.36	Phú Thọ
897	20A-897.65	Thái Nguyên	2497	19A-750.95	Phú Thọ	4097	19A-720.65	Phú Thọ
898	20A-902.59	Thái Nguyên	2498	19A-751.09	Phú Thọ	4098	19A-721.16	Phú Thọ
899	20A-906.28	Thái Nguyên	2499	19A-753.38	Phú Thọ	4099	19A-722.18	Phú Thọ

T.Y
GIÁ
ANH
NAM
1-T.P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	20A-906.36	Thái Nguyên	2500	19A-754.28	Phú Thọ	4100	19A-727.26	Phú Thọ
901	20C-310.16	Thái Nguyên	2501	19B-027.85	Phú Thọ	4101	19A-731.38	Phú Thọ
902	20C-310.58	Thái Nguyên	2502	19C-265.16	Phú Thọ	4102	19A-733.26	Phú Thọ
903	20C-315.19	Thái Nguyên	2503	19C-265.28	Phú Thọ	4103	19A-743.96	Phú Thọ
904	20C-321.16	Thái Nguyên	2504	19C-266.29	Phú Thọ	4104	19A-755.65	Phú Thọ
905	20C-322.25	Thái Nguyên	2505	19C-268.35	Phú Thọ	4105	19C-266.19	Phú Thọ
906	20C-323.65	Thái Nguyên	2506	19C-272.98	Phú Thọ	4106	19C-267.58	Phú Thọ
907	20D-032.96	Thái Nguyên	2507	19C-276.98	Phú Thọ	4107	19C-268.98	Phú Thọ
908	21A-223.95	Yên Bái	2508	19C-277.06	Phú Thọ	4108	19C-270.16	Phú Thọ
909	21A-229.98	Yên Bái	2509	20A-862.25	Thái Nguyên	4109	19C-270.28	Phú Thọ
910	21B-014.95	Yên Bái	2510	20A-869.63	Thái Nguyên	4110	19D-019.26	Phú Thọ
911	21B-015.85	Yên Bái	2511	20A-870.35	Thái Nguyên	4111	20A-861.95	Thái Nguyên
912	21C-114.25	Yên Bái	2512	20A-870.36	Thái Nguyên	4112	20A-865.95	Thái Nguyên
913	21D-009.26	Yên Bái	2513	20A-870.65	Thái Nguyên	4113	20A-866.28	Thái Nguyên
914	22A-279.98	Tuyên Quang	2514	20A-871.85	Thái Nguyên	4114	20A-871.58	Thái Nguyên
915	22A-280.63	Tuyên Quang	2515	20A-873.25	Thái Nguyên	4115	20A-874.06	Thái Nguyên
916	22C-118.26	Tuyên Quang	2516	20A-878.28	Thái Nguyên	4116	20A-875.95	Thái Nguyên
917	23A-169.06	Hà Giang	2517	20A-884.65	Thái Nguyên	4117	20A-879.28	Thái Nguyên
918	23B-012.16	Hà Giang	2518	20A-893.38	Thái Nguyên	4118	20A-889.28	Thái Nguyên
919	23B-013.98	Hà Giang	2519	20A-894.96	Thái Nguyên	4119	20A-893.96	Thái Nguyên
920	24A-322.15	Lào Cai	2520	20B-036.96	Thái Nguyên	4120	20A-896.85	Thái Nguyên
921	25B-008.28	Lai Châu	2521	20C-316.09	Thái Nguyên	4121	20A-897.36	Thái Nguyên
922	26A-241.65	Sơn La	2522	20C-320.18	Thái Nguyên	4122	20A-897.85	Thái Nguyên
923	26C-164.83	Sơn La	2523	20C-320.36	Thái Nguyên	4123	20A-898.59	Thái Nguyên
924	26C-165.18	Sơn La	2524	21A-229.25	Yên Bái	4124	20A-900.96	Thái Nguyên
925	26D-015.08	Sơn La	2525	21B-014.09	Yên Bái	4125	20C-309.95	Thái Nguyên
926	26D-016.36	Sơn La	2526	21B-014.83	Yên Bái	4126	20C-315.95	Thái Nguyên
927	27A-129.38	Điện Biên	2527	21B-014.85	Yên Bái	4127	20C-318.09	Thái Nguyên
928	27A-135.18	Điện Biên	2528	21B-015.28	Yên Bái	4128	20C-320.16	Thái Nguyên
929	27B-015.26	Điện Biên	2529	21D-009.63	Yên Bái	4129	20C-321.85	Thái Nguyên
930	27D-007.65	Điện Biên	2530	22A-271.36	Tuyên Quang	4130	20D-035.18	Thái Nguyên
931	27D-010.18	Điện Biên	2531	22C-114.16	Tuyên Quang	4131	21A-225.06	Yên Bái
932	28A-260.65	Hòa Bình	2532	22D-010.28	Tuyên Quang	4132	21A-225.29	Yên Bái
933	28B-020.08	Hòa Bình	2533	22D-012.98	Tuyên Quang	4133	21A-226.56	Yên Bái
934	28B-020.09	Hòa Bình	2534	22D-013.38	Tuyên Quang	4134	21A-230.58	Yên Bái
935	28B-020.25	Hòa Bình	2535	23A-168.58	Hà Giang	4135	21D-008.98	Yên Bái
936	28C-124.29	Hòa Bình	2536	23B-012.25	Hà Giang	4136	22A-271.95	Tuyên Quang
937	28C-126.08	Hòa Bình	2537	23B-014.06	Hà Giang	4137	22A-278.26	Tuyên Quang
938	29D-630.28	Hà Nội	2538	24A-326.58	Lào Cai	4138	22B-016.06	Tuyên Quang
939	29D-639.26	Hà Nội	2539	24B-020.59	Lào Cai	4139	22C-116.96	Tuyên Quang
940	29K-328.83	Hà Nội	2540	24D-009.98	Lào Cai	4140	23A-168.95	Hà Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	29K-331.59	Hà Nội	2541	24D-012.95	Lào Cai	4141	23B-012.18	Hà Giang
942	29K-334.85	Hà Nội	2542	24D-012.98	Lào Cai	4142	23C-093.29	Hà Giang
943	29K-337.28	Hà Nội	2543	25A-088.16	Lai Châu	4143	24A-321.25	Lào Cai
944	29K-383.06	Hà Nội	2544	25B-010.09	Lai Châu	4144	24A-321.65	Lào Cai
945	29K-393.29	Hà Nội	2545	25D-009.15	Lai Châu	4145	24A-325.06	Lào Cai
946	29K-393.65	Hà Nội	2546	26A-238.06	Sơn La	4146	24C-167.25	Lào Cai
947	29K-395.19	Hà Nội	2547	26A-243.18	Sơn La	4147	24D-009.65	Lào Cai
948	29K-400.95	Hà Nội	2548	26B-018.96	Sơn La	4148	25A-088.36	Lai Châu
949	29K-403.29	Hà Nội	2549	26C-164.15	Sơn La	4149	25B-010.58	Lai Châu
950	29K-404.06	Hà Nội	2550	26C-164.25	Sơn La	4150	26A-238.36	Sơn La
951	29K-414.08	Hà Nội	2551	26C-167.18	Sơn La	4151	26C-167.36	Sơn La
952	29K-429.19	Hà Nội	2552	26C-167.35	Sơn La	4152	26D-016.59	Sơn La
953	29K-429.98	Hà Nội	2553	27B-016.65	Điện Biên	4153	27A-129.36	Điện Biên
954	29K-434.58	Hà Nội	2554	27C-075.09	Điện Biên	4154	27D-007.09	Điện Biên
955	29K-448.26	Hà Nội	2555	28A-266.36	Hòa Bình	4155	28A-264.85	Hòa Bình
956	29K-450.15	Hà Nội	2556	28A-269.58	Hòa Bình	4156	28C-123.56	Hòa Bình
957	29K-454.59	Hà Nội	2557	28C-124.35	Hòa Bình	4157	28D-011.63	Hòa Bình
958	29K-460.15	Hà Nội	2558	28C-124.56	Hòa Bình	4158	29D-627.16	Hà Nội
959	29K-462.09	Hà Nội	2559	28D-011.83	Hòa Bình	4159	29D-630.58	Hà Nội
960	29K-462.29	Hà Nội	2560	28D-014.19	Hòa Bình	4160	29D-632.19	Hà Nội
961	29K-463.83	Hà Nội	2561	29D-627.85	Hà Nội	4161	29D-633.25	Hà Nội
962	29K-464.15	Hà Nội	2562	29D-639.09	Hà Nội	4162	29D-636.15	Hà Nội
963	29K-474.08	Hà Nội	2563	29K-327.06	Hà Nội	4163	29D-636.28	Hà Nội
964	29K-477.06	Hà Nội	2564	29K-332.58	Hà Nội	4164	29D-638.96	Hà Nội
965	30M-030.36	Hà Nội	2565	29K-334.19	Hà Nội	4165	29D-640.35	Hà Nội
966	30M-031.59	Hà Nội	2566	29K-336.38	Hà Nội	4166	29D-641.28	Hà Nội
967	30M-031.63	Hà Nội	2567	29K-339.65	Hà Nội	4167	29K-329.98	Hà Nội
968	30M-034.96	Hà Nội	2568	29K-347.85	Hà Nội	4168	29K-330.16	Hà Nội
969	30M-035.15	Hà Nội	2569	29K-352.56	Hà Nội	4169	29K-332.95	Hà Nội
970	30M-037.95	Hà Nội	2570	29K-359.28	Hà Nội	4170	29K-334.36	Hà Nội
971	30M-038.85	Hà Nội	2571	29K-367.83	Hà Nội	4171	29K-337.19	Hà Nội
972	30M-040.85	Hà Nội	2572	29K-369.28	Hà Nội	4172	29K-344.58	Hà Nội
973	30M-046.98	Hà Nội	2573	29K-370.85	Hà Nội	4173	29K-344.83	Hà Nội
974	30M-048.09	Hà Nội	2574	29K-373.06	Hà Nội	4174	29K-344.98	Hà Nội
975	30M-048.83	Hà Nội	2575	29K-377.08	Hà Nội	4175	29K-354.15	Hà Nội
976	30M-049.85	Hà Nội	2576	29K-382.25	Hà Nội	4176	29K-365.38	Hà Nội
977	30M-056.96	Hà Nội	2577	29K-389.36	Hà Nội	4177	29K-376.16	Hà Nội
978	30M-066.09	Hà Nội	2578	29K-392.35	Hà Nội	4178	29K-377.65	Hà Nội
979	30M-066.58	Hà Nội	2579	29K-395.28	Hà Nội	4179	29K-377.83	Hà Nội
980	30M-067.98	Hà Nội	2580	29K-404.35	Hà Nội	4180	29K-385.15	Hà Nội
981	30M-069.26	Hà Nội	2581	29K-416.09	Hà Nội	4181	29K-390.95	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	30M-091.25	Hà Nội	2582	29K-416.56	Hà Nội	4182	29K-394.96	Hà Nội
983	30M-095.65	Hà Nội	2583	29K-419.38	Hà Nội	4183	29K-402.96	Hà Nội
984	30M-100.16	Hà Nội	2584	29K-423.25	Hà Nội	4184	29K-406.95	Hà Nội
985	30M-104.59	Hà Nội	2585	29K-432.25	Hà Nội	4185	29K-416.98	Hà Nội
986	30M-105.36	Hà Nội	2586	29K-433.26	Hà Nội	4186	29K-424.19	Hà Nội
987	30M-110.28	Hà Nội	2587	29K-436.29	Hà Nội	4187	29K-424.26	Hà Nội
988	30M-121.18	Hà Nội	2588	29K-437.58	Hà Nội	4188	29K-434.06	Hà Nội
989	30M-126.95	Hà Nội	2589	29K-455.08	Hà Nội	4189	29K-445.09	Hà Nội
990	30M-128.25	Hà Nội	2590	29K-469.18	Hà Nội	4190	29K-445.96	Hà Nội
991	30M-134.18	Hà Nội	2591	29K-474.18	Hà Nội	4191	29K-453.59	Hà Nội
992	30M-141.16	Hà Nội	2592	29K-475.08	Hà Nội	4192	29K-458.83	Hà Nội
993	30M-148.58	Hà Nội	2593	30M-034.85	Hà Nội	4193	29K-462.59	Hà Nội
994	30M-150.28	Hà Nội	2594	30M-035.19	Hà Nội	4194	29K-468.98	Hà Nội
995	30M-150.29	Hà Nội	2595	30M-041.36	Hà Nội	4195	30M-031.38	Hà Nội
996	30M-160.85	Hà Nội	2596	30M-043.83	Hà Nội	4196	30M-034.06	Hà Nội
997	30M-161.85	Hà Nội	2597	30M-051.19	Hà Nội	4197	30M-034.95	Hà Nội
998	30M-177.18	Hà Nội	2598	30M-053.38	Hà Nội	4198	30M-039.28	Hà Nội
999	30M-178.06	Hà Nội	2599	30M-063.58	Hà Nội	4199	30M-039.63	Hà Nội
1000	30M-179.56	Hà Nội	2600	30M-064.28	Hà Nội	4200	30M-054.09	Hà Nội
1001	30M-179.63	Hà Nội	2601	30M-064.98	Hà Nội	4201	30M-058.06	Hà Nội
1002	30M-187.35	Hà Nội	2602	30M-069.25	Hà Nội	4202	30M-058.19	Hà Nội
1003	30M-199.59	Hà Nội	2603	30M-077.36	Hà Nội	4203	30M-059.09	Hà Nội
1004	30M-201.98	Hà Nội	2604	30M-077.83	Hà Nội	4204	30M-064.18	Hà Nội
1005	30M-207.26	Hà Nội	2605	30M-080.16	Hà Nội	4205	30M-068.38	Hà Nội
1006	30M-208.95	Hà Nội	2606	30M-085.06	Hà Nội	4206	30M-074.65	Hà Nội
1007	30M-216.85	Hà Nội	2607	30M-088.96	Hà Nội	4207	30M-074.85	Hà Nội
1008	30M-220.18	Hà Nội	2608	30M-089.63	Hà Nội	4208	30M-077.38	Hà Nội
1009	30M-224.15	Hà Nội	2609	30M-090.63	Hà Nội	4209	30M-078.35	Hà Nội
1010	30M-224.16	Hà Nội	2610	30M-101.38	Hà Nội	4210	30M-084.25	Hà Nội
1011	30M-226.85	Hà Nội	2611	30M-109.98	Hà Nội	4211	30M-087.65	Hà Nội
1012	30M-238.26	Hà Nội	2612	30M-137.96	Hà Nội	4212	30M-092.19	Hà Nội
1013	30M-246.28	Hà Nội	2613	30M-145.15	Hà Nội	4213	30M-097.28	Hà Nội
1014	30M-254.36	Hà Nội	2614	30M-146.09	Hà Nội	4214	30M-101.98	Hà Nội
1015	30M-265.36	Hà Nội	2615	30M-147.25	Hà Nội	4215	30M-102.85	Hà Nội
1016	30M-265.63	Hà Nội	2616	30M-148.96	Hà Nội	4216	30M-107.26	Hà Nội
1017	30M-268.06	Hà Nội	2617	30M-149.08	Hà Nội	4217	30M-110.25	Hà Nội
1018	30M-272.08	Hà Nội	2618	30M-154.19	Hà Nội	4218	30M-112.65	Hà Nội
1019	30M-276.09	Hà Nội	2619	30M-156.08	Hà Nội	4219	30M-116.36	Hà Nội
1020	30M-276.18	Hà Nội	2620	30M-160.95	Hà Nội	4220	30M-120.65	Hà Nội
1021	30M-276.96	Hà Nội	2621	30M-172.15	Hà Nội	4221	30M-138.19	Hà Nội
1022	30M-277.29	Hà Nội	2622	30M-177.35	Hà Nội	4222	30M-139.36	Hà Nội

21
 ÔN
 ĐẦU
 ỚP
 IẾT
 XUA

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-278.58	Hà Nội	2623	30M-181.26	Hà Nội	4223	30M-142.19	Hà Nội
1024	30M-285.08	Hà Nội	2624	30M-184.56	Hà Nội	4224	30M-142.38	Hà Nội
1025	30M-288.15	Hà Nội	2625	30M-187.06	Hà Nội	4225	30M-149.35	Hà Nội
1026	30M-300.29	Hà Nội	2626	30M-195.65	Hà Nội	4226	30M-153.29	Hà Nội
1027	30M-310.19	Hà Nội	2627	30M-198.59	Hà Nội	4227	30M-154.36	Hà Nội
1028	30M-311.25	Hà Nội	2628	30M-205.56	Hà Nội	4228	30M-158.98	Hà Nội
1029	30M-321.38	Hà Nội	2629	30M-206.36	Hà Nội	4229	30M-159.35	Hà Nội
1030	30M-321.98	Hà Nội	2630	30M-211.95	Hà Nội	4230	30M-166.38	Hà Nội
1031	30M-325.59	Hà Nội	2631	30M-232.56	Hà Nội	4231	30M-170.09	Hà Nội
1032	30M-325.65	Hà Nội	2632	30M-236.58	Hà Nội	4232	30M-172.08	Hà Nội
1033	30M-327.56	Hà Nội	2633	30M-259.63	Hà Nội	4233	30M-182.26	Hà Nội
1034	30M-328.65	Hà Nội	2634	30M-259.98	Hà Nội	4234	30M-206.15	Hà Nội
1035	30M-329.08	Hà Nội	2635	30M-269.25	Hà Nội	4235	30M-207.38	Hà Nội
1036	30M-335.18	Hà Nội	2636	30M-274.98	Hà Nội	4236	30M-209.19	Hà Nội
1037	30M-336.28	Hà Nội	2637	30M-277.95	Hà Nội	4237	30M-212.65	Hà Nội
1038	30M-347.26	Hà Nội	2638	30M-280.85	Hà Nội	4238	30M-223.35	Hà Nội
1039	30M-355.26	Hà Nội	2639	30M-282.98	Hà Nội	4239	30M-227.36	Hà Nội
1040	30M-360.95	Hà Nội	2640	30M-286.25	Hà Nội	4240	30M-233.35	Hà Nội
1041	30M-361.09	Hà Nội	2641	30M-290.65	Hà Nội	4241	30M-238.35	Hà Nội
1042	30M-363.98	Hà Nội	2642	30M-300.08	Hà Nội	4242	30M-240.63	Hà Nội
1043	30M-371.58	Hà Nội	2643	30M-305.56	Hà Nội	4243	30M-248.06	Hà Nội
1044	30M-373.56	Hà Nội	2644	30M-306.58	Hà Nội	4244	30M-261.25	Hà Nội
1045	30M-381.09	Hà Nội	2645	30M-310.95	Hà Nội	4245	30M-267.36	Hà Nội
1046	30M-383.98	Hà Nội	2646	30M-312.06	Hà Nội	4246	30M-272.09	Hà Nội
1047	30M-384.06	Hà Nội	2647	30M-323.19	Hà Nội	4247	30M-284.56	Hà Nội
1048	30M-384.09	Hà Nội	2648	30M-326.29	Hà Nội	4248	30M-294.38	Hà Nội
1049	30M-384.19	Hà Nội	2649	30M-338.63	Hà Nội	4249	30M-303.96	Hà Nội
1050	30M-398.28	Hà Nội	2650	30M-346.59	Hà Nội	4250	30M-307.95	Hà Nội
1051	30M-405.35	Hà Nội	2651	30M-351.98	Hà Nội	4251	30M-313.36	Hà Nội
1052	30M-413.56	Hà Nội	2652	30M-369.15	Hà Nội	4252	30M-316.96	Hà Nội
1053	34A-924.18	Hải Dương	2653	30M-377.18	Hà Nội	4253	30M-334.96	Hà Nội
1054	34A-927.16	Hải Dương	2654	30M-380.36	Hà Nội	4254	30M-337.59	Hà Nội
1055	34A-943.59	Hải Dương	2655	30M-389.19	Hà Nội	4255	30M-343.18	Hà Nội
1056	34A-947.06	Hải Dương	2656	30M-394.96	Hà Nội	4256	30M-350.96	Hà Nội
1057	34A-949.06	Hải Dương	2657	30M-396.25	Hà Nội	4257	30M-361.38	Hà Nội
1058	34A-955.25	Hải Dương	2658	30M-400.25	Hà Nội	4258	30M-362.25	Hà Nội
1059	34B-046.98	Hải Dương	2659	30M-404.28	Hà Nội	4259	30M-362.35	Hà Nội
1060	34C-435.58	Hải Dương	2660	30M-404.35	Hà Nội	4260	30M-362.98	Hà Nội
1061	34C-437.36	Hải Dương	2661	30M-407.36	Hà Nội	4261	30M-373.96	Hà Nội
1062	34C-438.28	Hải Dương	2662	30M-410.25	Hà Nội	4262	30M-377.36	Hà Nội
1063	34C-443.16	Hải Dương	2663	30M-420.15	Hà Nội	4263	30M-387.96	Hà Nội

TY
 GIA
 NH
 IAM
 - T.P.V

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34C-443.18	Hải Dương	2664	34A-920.35	Hải Dương	4264	30M-390.19	Hà Nội
1065	34C-445.59	Hải Dương	2665	34A-921.16	Hải Dương	4265	30M-414.26	Hà Nội
1066	34C-449.83	Hải Dương	2666	34A-924.85	Hải Dương	4266	30M-416.15	Hà Nội
1067	34C-453.15	Hải Dương	2667	34A-927.59	Hải Dương	4267	34A-936.09	Hải Dương
1068	35A-465.18	Ninh Bình	2668	34A-931.16	Hải Dương	4268	34A-943.28	Hải Dương
1069	35A-469.26	Ninh Bình	2669	34A-935.18	Hải Dương	4269	34A-950.26	Hải Dương
1070	35A-470.25	Ninh Bình	2670	34A-936.25	Hải Dương	4270	34A-954.83	Hải Dương
1071	35A-473.19	Ninh Bình	2671	34A-947.28	Hải Dương	4271	34A-961.26	Hải Dương
1072	35A-482.25	Ninh Bình	2672	34A-953.25	Hải Dương	4272	34A-961.65	Hải Dương
1073	35B-023.18	Ninh Bình	2673	34A-954.25	Hải Dương	4273	34B-047.15	Hải Dương
1074	35B-025.96	Ninh Bình	2674	34A-960.95	Hải Dương	4274	34C-440.06	Hải Dương
1075	35D-016.85	Ninh Bình	2675	34A-964.35	Hải Dương	4275	34C-446.58	Hải Dương
1076	35D-018.95	Ninh Bình	2676	34A-969.26	Hải Dương	4276	34C-446.59	Hải Dương
1077	36B-047.15	Thanh Hóa	2677	34A-975.98	Hải Dương	4277	34C-447.28	Hải Dương
1078	36C-561.26	Thanh Hóa	2678	34C-436.19	Hải Dương	4278	34C-452.35	Hải Dương
1079	36D-029.59	Thanh Hóa	2679	34C-447.09	Hải Dương	4279	34D-041.29	Hải Dương
1080	36D-031.59	Thanh Hóa	2680	34C-451.95	Hải Dương	4280	35A-464.28	Ninh Bình
1081	36K-238.36	Thanh Hóa	2681	34C-451.98	Hải Dương	4281	35A-464.96	Ninh Bình
1082	36K-263.06	Thanh Hóa	2682	35A-475.63	Ninh Bình	4282	35A-472.15	Ninh Bình
1083	36K-269.18	Thanh Hóa	2683	35A-483.65	Ninh Bình	4283	35A-484.16	Ninh Bình
1084	36K-272.98	Thanh Hóa	2684	35C-180.26	Ninh Bình	4284	35C-183.26	Ninh Bình
1085	36K-276.35	Thanh Hóa	2685	35C-184.38	Ninh Bình	4285	36C-546.96	Thanh Hóa
1086	36K-279.18	Thanh Hóa	2686	35C-185.06	Ninh Bình	4286	36C-552.16	Thanh Hóa
1087	36K-279.98	Thanh Hóa	2687	36B-050.96	Thanh Hóa	4287	36C-556.63	Thanh Hóa
1088	36K-282.15	Thanh Hóa	2688	36C-549.63	Thanh Hóa	4288	36C-560.98	Thanh Hóa
1089	36K-283.08	Thanh Hóa	2689	36C-557.25	Thanh Hóa	4289	36C-563.59	Thanh Hóa
1090	36K-285.59	Thanh Hóa	2690	36C-559.29	Thanh Hóa	4290	36C-573.28	Thanh Hóa
1091	36K-285.63	Thanh Hóa	2691	36C-578.19	Thanh Hóa	4291	36K-242.06	Thanh Hóa
1092	36K-292.16	Thanh Hóa	2692	36K-234.26	Thanh Hóa	4292	36K-243.96	Thanh Hóa
1093	36K-293.95	Thanh Hóa	2693	36K-235.59	Thanh Hóa	4293	36K-244.95	Thanh Hóa
1094	36K-301.19	Thanh Hóa	2694	36K-235.85	Thanh Hóa	4294	36K-245.16	Thanh Hóa
1095	36K-301.83	Thanh Hóa	2695	36K-236.29	Thanh Hóa	4295	36K-248.36	Thanh Hóa
1096	37B-047.19	Nghệ An	2696	36K-245.35	Thanh Hóa	4296	36K-250.95	Thanh Hóa
1097	37C-583.18	Nghệ An	2697	36K-251.85	Thanh Hóa	4297	36K-254.36	Thanh Hóa
1098	37C-590.28	Nghệ An	2698	36K-254.98	Thanh Hóa	4298	36K-260.09	Thanh Hóa
1099	37C-595.98	Nghệ An	2699	36K-264.85	Thanh Hóa	4299	36K-260.65	Thanh Hóa
1100	37D-047.63	Nghệ An	2700	36K-264.96	Thanh Hóa	4300	36K-282.08	Thanh Hóa
1101	37K-489.08	Nghệ An	2701	36K-278.29	Thanh Hóa	4301	36K-283.09	Thanh Hóa
1102	37K-490.98	Nghệ An	2702	37B-046.63	Nghệ An	4302	36K-285.15	Thanh Hóa
1103	37K-492.26	Nghệ An	2703	37C-582.08	Nghệ An	4303	36K-287.63	Thanh Hóa
1104	37K-493.58	Nghệ An	2704	37C-582.19	Nghệ An	4304	36K-300.85	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	37K-495.58	Nghệ An	2705	37C-585.25	Nghệ An	4305	36K-304.98	Thanh Hóa
1106	37K-513.65	Nghệ An	2706	37C-589.15	Nghệ An	4306	37C-566.98	Nghệ An
1107	37K-515.38	Nghệ An	2707	37C-596.08	Nghệ An	4307	37C-580.98	Nghệ An
1108	37K-521.16	Nghệ An	2708	37D-048.65	Nghệ An	4308	37C-581.16	Nghệ An
1109	37K-529.98	Nghệ An	2709	37K-483.65	Nghệ An	4309	37C-584.16	Nghệ An
1110	37K-538.63	Nghệ An	2710	37K-487.35	Nghệ An	4310	37C-586.35	Nghệ An
1111	37K-548.06	Nghệ An	2711	37K-488.26	Nghệ An	4311	37C-595.09	Nghệ An
1112	37K-563.09	Nghệ An	2712	37K-490.58	Nghệ An	4312	37D-048.15	Nghệ An
1113	37K-565.29	Nghệ An	2713	37K-494.09	Nghệ An	4313	37D-049.59	Nghệ An
1114	38A-684.63	Hà Tĩnh	2714	37K-505.63	Nghệ An	4314	37K-483.36	Nghệ An
1115	38A-705.16	Hà Tĩnh	2715	37K-505.83	Nghệ An	4315	37K-509.36	Nghệ An
1116	38A-706.35	Hà Tĩnh	2716	37K-513.29	Nghệ An	4316	37K-511.26	Nghệ An
1117	38A-709.36	Hà Tĩnh	2717	37K-515.06	Nghệ An	4317	37K-515.65	Nghệ An
1118	38C-247.18	Hà Tĩnh	2718	37K-522.83	Nghệ An	4318	37K-516.98	Nghệ An
1119	38C-250.83	Hà Tĩnh	2719	37K-525.18	Nghệ An	4319	37K-523.15	Nghệ An
1120	38C-253.26	Hà Tĩnh	2720	37K-525.29	Nghệ An	4320	37K-524.15	Nghệ An
1121	38C-253.63	Hà Tĩnh	2721	37K-527.15	Nghệ An	4321	37K-525.59	Nghệ An
1122	38D-022.58	Hà Tĩnh	2722	37K-535.56	Nghệ An	4322	37K-525.63	Nghệ An
1123	38D-022.95	Hà Tĩnh	2723	37K-535.65	Nghệ An	4323	37K-527.85	Nghệ An
1124	43A-942.63	Đà Nẵng	2724	37K-543.38	Nghệ An	4324	37K-536.18	Nghệ An
1125	43A-947.15	Đà Nẵng	2725	37K-548.59	Nghệ An	4325	37K-537.16	Nghệ An
1126	43A-948.59	Đà Nẵng	2726	37K-549.09	Nghệ An	4326	37K-540.09	Nghệ An
1127	43A-951.26	Đà Nẵng	2727	37K-551.58	Nghệ An	4327	37K-543.29	Nghệ An
1128	43A-962.83	Đà Nẵng	2728	37K-551.83	Nghệ An	4328	37K-545.08	Nghệ An
1129	43A-968.16	Đà Nẵng	2729	37K-558.06	Nghệ An	4329	37K-545.63	Nghệ An
1130	43A-972.26	Đà Nẵng	2730	37K-559.19	Nghệ An	4330	37K-546.25	Nghệ An
1131	43A-978.85	Đà Nẵng	2731	37K-572.96	Nghệ An	4331	37K-548.56	Nghệ An
1132	43C-315.36	Đà Nẵng	2732	38A-679.19	Hà Tĩnh	4332	37K-551.35	Nghệ An
1133	43C-316.36	Đà Nẵng	2733	38A-689.18	Hà Tĩnh	4333	37K-551.63	Nghệ An
1134	43C-318.06	Đà Nẵng	2734	38A-690.08	Hà Tĩnh	4334	37K-556.98	Nghệ An
1135	43D-012.85	Đà Nẵng	2735	38A-693.15	Hà Tĩnh	4335	37K-566.09	Nghệ An
1136	43D-013.15	Đà Nẵng	2736	38A-695.56	Hà Tĩnh	4336	37K-572.19	Nghệ An
1137	43D-013.59	Đà Nẵng	2737	38A-701.18	Hà Tĩnh	4337	38A-679.26	Hà Tĩnh
1138	47A-813.95	Đắk Lắk	2738	38A-706.38	Hà Tĩnh	4338	38A-688.09	Hà Tĩnh
1139	47A-819.16	Đắk Lắk	2739	38B-023.36	Hà Tĩnh	4339	38A-688.56	Hà Tĩnh
1140	47A-825.29	Đắk Lắk	2740	38C-246.63	Hà Tĩnh	4340	38A-690.35	Hà Tĩnh
1141	47A-833.19	Đắk Lắk	2741	43A-943.95	Đà Nẵng	4341	38A-701.38	Hà Tĩnh
1142	47A-835.06	Đắk Lắk	2742	43A-946.19	Đà Nẵng	4342	38C-247.85	Hà Tĩnh
1143	47A-836.15	Đắk Lắk	2743	43A-947.09	Đà Nẵng	4343	38C-249.58	Hà Tĩnh
1144	47A-836.25	Đắk Lắk	2744	43A-955.28	Đà Nẵng	4344	43A-942.29	Đà Nẵng
1145	47A-837.36	Đắk Lắk	2745	43A-956.38	Đà Nẵng	4345	43A-947.35	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	47A-846.59	Đắk Lắk	2746	43A-958.15	Đà Nẵng	4346	43A-950.09	Đà Nẵng
1147	47A-851.29	Đắk Lắk	2747	43A-962.35	Đà Nẵng	4347	43A-952.19	Đà Nẵng
1148	47A-863.56	Đắk Lắk	2748	43A-971.38	Đà Nẵng	4348	43A-952.29	Đà Nẵng
1149	47C-398.16	Đắk Lắk	2749	43A-975.35	Đà Nẵng	4349	43A-952.96	Đà Nẵng
1150	47C-403.15	Đắk Lắk	2750	43D-012.25	Đà Nẵng	4350	43A-953.08	Đà Nẵng
1151	47C-404.58	Đắk Lắk	2751	47A-821.38	Đắk Lắk	4351	43A-965.09	Đà Nẵng
1152	47C-411.16	Đắk Lắk	2752	47A-822.35	Đắk Lắk	4352	43A-965.18	Đà Nẵng
1153	47C-412.29	Đắk Lắk	2753	47A-823.95	Đắk Lắk	4353	43A-969.38	Đà Nẵng
1154	47C-417.16	Đắk Lắk	2754	47A-825.35	Đắk Lắk	4354	43B-066.98	Đà Nẵng
1155	47C-418.56	Đắk Lắk	2755	47A-826.25	Đắk Lắk	4355	43C-319.63	Đà Nẵng
1156	48A-250.65	Đắk Nông	2756	47A-833.98	Đắk Lắk	4356	43C-320.58	Đà Nẵng
1157	48C-120.58	Đắk Nông	2757	47A-834.19	Đắk Lắk	4357	43C-322.19	Đà Nẵng
1158	48D-008.36	Đắk Nông	2758	47A-834.65	Đắk Lắk	4358	43D-013.28	Đà Nẵng
1159	48D-009.28	Đắk Nông	2759	47A-834.98	Đắk Lắk	4359	43D-014.95	Đà Nẵng
1160	49A-745.98	Lâm Đồng	2760	47A-837.26	Đắk Lắk	4360	47A-815.28	Đắk Lắk
1161	49A-751.25	Lâm Đồng	2761	47A-846.19	Đắk Lắk	4361	47A-815.38	Đắk Lắk
1162	49A-751.59	Lâm Đồng	2762	47A-850.29	Đắk Lắk	4362	47A-816.26	Đắk Lắk
1163	49A-756.83	Lâm Đồng	2763	47A-851.56	Đắk Lắk	4363	47A-819.26	Đắk Lắk
1164	49A-759.15	Lâm Đồng	2764	47A-854.56	Đắk Lắk	4364	47A-821.29	Đắk Lắk
1165	49A-761.06	Lâm Đồng	2765	47A-855.65	Đắk Lắk	4365	47A-823.25	Đắk Lắk
1166	49A-762.59	Lâm Đồng	2766	47A-857.36	Đắk Lắk	4366	47A-824.85	Đắk Lắk
1167	49A-775.18	Lâm Đồng	2767	47A-863.85	Đắk Lắk	4367	47A-828.63	Đắk Lắk
1168	49A-778.19	Lâm Đồng	2768	47A-863.98	Đắk Lắk	4368	47A-832.26	Đắk Lắk
1169	49A-778.83	Lâm Đồng	2769	47C-404.19	Đắk Lắk	4369	47A-839.58	Đắk Lắk
1170	49B-034.29	Lâm Đồng	2770	47C-405.16	Đắk Lắk	4370	47A-841.26	Đắk Lắk
1171	49C-383.56	Lâm Đồng	2771	47D-025.58	Đắk Lắk	4371	47A-846.83	Đắk Lắk
1172	49C-398.36	Lâm Đồng	2772	48A-248.85	Đắk Nông	4372	47A-848.29	Đắk Lắk
1173	49C-400.19	Lâm Đồng	2773	48A-250.56	Đắk Nông	4373	47A-848.96	Đắk Lắk
1174	51B-714.96	Hồ Chí Minh	2774	48A-250.85	Đắk Nông	4374	47A-852.95	Đắk Lắk
1175	51B-715.83	Hồ Chí Minh	2775	48A-251.95	Đắk Nông	4375	47A-853.25	Đắk Lắk
1176	51E-344.95	Hồ Chí Minh	2776	48A-255.96	Đắk Nông	4376	47A-854.19	Đắk Lắk
1177	51E-353.59	Hồ Chí Minh	2777	48C-118.25	Đắk Nông	4377	47A-862.16	Đắk Lắk
1178	51L-905.28	Hồ Chí Minh	2778	48C-119.06	Đắk Nông	4378	47C-399.16	Đắk Lắk
1179	51L-908.15	Hồ Chí Minh	2779	48C-119.58	Đắk Nông	4379	47C-400.58	Đắk Lắk
1180	51L-910.28	Hồ Chí Minh	2780	48C-121.95	Đắk Nông	4380	47C-401.18	Đắk Lắk
1181	51L-914.26	Hồ Chí Minh	2781	48C-122.15	Đắk Nông	4381	47C-401.36	Đắk Lắk
1182	51L-915.65	Hồ Chí Minh	2782	48D-006.25	Đắk Nông	4382	47C-402.63	Đắk Lắk
1183	51L-922.06	Hồ Chí Minh	2783	48D-006.65	Đắk Nông	4383	47C-405.63	Đắk Lắk
1184	51L-922.36	Hồ Chí Minh	2784	48D-009.06	Đắk Nông	4384	47C-411.18	Đắk Lắk
1185	51L-923.09	Hồ Chí Minh	2785	49A-748.63	Lâm Đồng	4385	47C-422.28	Đắk Lắk
1186	51L-940.56	Hồ Chí Minh	2786	49A-757.63	Lâm Đồng	4386	48A-253.18	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	51L-942.18	Hồ Chí Minh	2787	49A-758.96	Lâm Đồng	4387	48A-256.15	Đắk Nông
1188	51L-947.08	Hồ Chí Minh	2788	49A-764.83	Lâm Đồng	4388	48A-260.08	Đắk Nông
1189	51L-956.38	Hồ Chí Minh	2789	49A-771.83	Lâm Đồng	4389	48C-117.85	Đắk Nông
1190	51L-960.58	Hồ Chí Minh	2790	49A-773.95	Lâm Đồng	4390	48C-117.95	Đắk Nông
1191	51L-965.06	Hồ Chí Minh	2791	49C-386.98	Lâm Đồng	4391	48C-118.36	Đắk Nông
1192	51L-968.18	Hồ Chí Minh	2792	49C-387.58	Lâm Đồng	4392	48D-006.58	Đắk Nông
1193	51L-979.06	Hồ Chí Minh	2793	49C-388.59	Lâm Đồng	4393	48D-007.95	Đắk Nông
1194	51L-986.58	Hồ Chí Minh	2794	49C-390.58	Lâm Đồng	4394	49A-748.16	Lâm Đồng
1195	51L-987.18	Hồ Chí Minh	2795	49C-390.85	Lâm Đồng	4395	49A-748.29	Lâm Đồng
1196	51L-988.63	Hồ Chí Minh	2796	49C-391.28	Lâm Đồng	4396	49A-749.35	Lâm Đồng
1197	51L-989.28	Hồ Chí Minh	2797	49C-395.09	Lâm Đồng	4397	49A-754.98	Lâm Đồng
1198	51L-994.15	Hồ Chí Minh	2798	49C-399.06	Lâm Đồng	4398	49A-777.83	Lâm Đồng
1199	51L-997.15	Hồ Chí Minh	2799	51B-714.38	Hồ Chí Minh	4399	49A-781.09	Lâm Đồng
1200	51M-056.15	Hồ Chí Minh	2800	51E-343.19	Hồ Chí Minh	4400	49C-396.83	Lâm Đồng
1201	51M-057.25	Hồ Chí Minh	2801	51E-343.26	Hồ Chí Minh	4401	49D-018.08	Lâm Đồng
1202	51M-057.35	Hồ Chí Minh	2802	51E-349.59	Hồ Chí Minh	4402	51B-715.09	Hồ Chí Minh
1203	51M-072.15	Hồ Chí Minh	2803	51L-896.85	Hồ Chí Minh	4403	51E-343.96	Hồ Chí Minh
1204	51M-098.83	Hồ Chí Minh	2804	51L-901.06	Hồ Chí Minh	4404	51E-353.15	Hồ Chí Minh
1205	51M-099.26	Hồ Chí Minh	2805	51L-903.65	Hồ Chí Minh	4405	51L-899.06	Hồ Chí Minh
1206	51M-105.36	Hồ Chí Minh	2806	51L-904.35	Hồ Chí Minh	4406	51L-900.16	Hồ Chí Minh
1207	51M-105.96	Hồ Chí Minh	2807	51L-909.35	Hồ Chí Minh	4407	51L-910.85	Hồ Chí Minh
1208	51M-110.26	Hồ Chí Minh	2808	51L-909.36	Hồ Chí Minh	4408	51L-913.16	Hồ Chí Minh
1209	51M-117.16	Hồ Chí Minh	2809	51L-910.83	Hồ Chí Minh	4409	51L-916.28	Hồ Chí Minh
1210	51M-127.06	Hồ Chí Minh	2810	51L-918.85	Hồ Chí Minh	4410	51L-920.38	Hồ Chí Minh
1211	51M-127.35	Hồ Chí Minh	2811	51L-919.29	Hồ Chí Minh	4411	51L-920.95	Hồ Chí Minh
1212	51M-140.98	Hồ Chí Minh	2812	51L-919.85	Hồ Chí Minh	4412	51L-926.16	Hồ Chí Minh
1213	51M-147.95	Hồ Chí Minh	2813	51L-929.65	Hồ Chí Minh	4413	51L-927.36	Hồ Chí Minh
1214	51M-148.65	Hồ Chí Minh	2814	51L-933.25	Hồ Chí Minh	4414	51L-932.28	Hồ Chí Minh
1215	51M-150.16	Hồ Chí Minh	2815	51L-937.09	Hồ Chí Minh	4415	51L-932.35	Hồ Chí Minh
1216	51M-154.16	Hồ Chí Minh	2816	51L-940.36	Hồ Chí Minh	4416	51L-938.19	Hồ Chí Minh
1217	51M-157.65	Hồ Chí Minh	2817	51L-944.18	Hồ Chí Minh	4417	51L-939.83	Hồ Chí Minh
1218	51M-163.25	Hồ Chí Minh	2818	51L-948.38	Hồ Chí Minh	4418	51L-941.15	Hồ Chí Minh
1219	51M-163.28	Hồ Chí Minh	2819	51L-951.83	Hồ Chí Minh	4419	51L-941.59	Hồ Chí Minh
1220	51M-167.09	Hồ Chí Minh	2820	51L-955.36	Hồ Chí Minh	4420	51L-942.28	Hồ Chí Minh
1221	51M-169.15	Hồ Chí Minh	2821	51L-958.35	Hồ Chí Minh	4421	51L-943.96	Hồ Chí Minh
1222	51M-174.63	Hồ Chí Minh	2822	51L-963.16	Hồ Chí Minh	4422	51L-948.15	Hồ Chí Minh
1223	51M-177.19	Hồ Chí Minh	2823	51L-964.35	Hồ Chí Minh	4423	51L-952.18	Hồ Chí Minh
1224	51M-181.95	Hồ Chí Minh	2824	51L-965.95	Hồ Chí Minh	4424	51L-952.26	Hồ Chí Minh
1225	51M-189.09	Hồ Chí Minh	2825	51L-967.19	Hồ Chí Minh	4425	51L-972.58	Hồ Chí Minh
1226	51M-190.56	Hồ Chí Minh	2826	51L-972.09	Hồ Chí Minh	4426	51L-977.29	Hồ Chí Minh
1227	51M-190.96	Hồ Chí Minh	2827	51L-973.98	Hồ Chí Minh	4427	51L-997.65	Hồ Chí Minh

Y
A
NH
AM
- T.P.H.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51M-206.28	Hồ Chí Minh	2828	51L-974.28	Hồ Chí Minh	4428	51M-056.96	Hồ Chí Minh
1229	51M-206.63	Hồ Chí Minh	2829	51L-974.95	Hồ Chí Minh	4429	51M-057.65	Hồ Chí Minh
1230	51M-218.83	Hồ Chí Minh	2830	51L-985.08	Hồ Chí Minh	4430	51M-062.36	Hồ Chí Minh
1231	51M-220.95	Hồ Chí Minh	2831	51L-988.18	Hồ Chí Minh	4431	51M-077.16	Hồ Chí Minh
1232	51M-222.83	Hồ Chí Minh	2832	51M-053.85	Hồ Chí Minh	4432	51M-087.36	Hồ Chí Minh
1233	51M-224.95	Hồ Chí Minh	2833	51M-054.15	Hồ Chí Minh	4433	51M-096.38	Hồ Chí Minh
1234	51M-229.19	Hồ Chí Minh	2834	51M-058.15	Hồ Chí Minh	4434	51M-098.16	Hồ Chí Minh
1235	51M-230.15	Hồ Chí Minh	2835	51M-070.25	Hồ Chí Minh	4435	51M-104.29	Hồ Chí Minh
1236	51M-232.98	Hồ Chí Minh	2836	51M-074.98	Hồ Chí Minh	4436	51M-109.16	Hồ Chí Minh
1237	51M-240.58	Hồ Chí Minh	2837	51M-080.06	Hồ Chí Minh	4437	51M-122.16	Hồ Chí Minh
1238	51M-241.63	Hồ Chí Minh	2838	51M-080.19	Hồ Chí Minh	4438	51M-123.98	Hồ Chí Minh
1239	51M-242.08	Hồ Chí Minh	2839	51M-081.85	Hồ Chí Minh	4439	51M-133.83	Hồ Chí Minh
1240	51M-246.83	Hồ Chí Minh	2840	51M-082.85	Hồ Chí Minh	4440	51M-142.09	Hồ Chí Minh
1241	51M-252.06	Hồ Chí Minh	2841	51M-087.28	Hồ Chí Minh	4441	51M-143.26	Hồ Chí Minh
1242	51M-252.95	Hồ Chí Minh	2842	51M-090.98	Hồ Chí Minh	4442	51M-147.18	Hồ Chí Minh
1243	51M-260.95	Hồ Chí Minh	2843	51M-092.38	Hồ Chí Minh	4443	51M-147.59	Hồ Chí Minh
1244	51M-266.95	Hồ Chí Minh	2844	51M-096.83	Hồ Chí Minh	4444	51M-155.98	Hồ Chí Minh
1245	51M-268.65	Hồ Chí Minh	2845	51M-100.25	Hồ Chí Minh	4445	51M-158.63	Hồ Chí Minh
1246	51M-272.25	Hồ Chí Minh	2846	51M-110.16	Hồ Chí Minh	4446	51M-162.15	Hồ Chí Minh
1247	51M-274.63	Hồ Chí Minh	2847	51M-114.28	Hồ Chí Minh	4447	51M-162.35	Hồ Chí Minh
1248	51M-275.95	Hồ Chí Minh	2848	51M-116.56	Hồ Chí Minh	4448	51M-181.08	Hồ Chí Minh
1249	51M-279.58	Hồ Chí Minh	2849	51M-120.98	Hồ Chí Minh	4449	51M-182.38	Hồ Chí Minh
1250	51M-286.63	Hồ Chí Minh	2850	51M-123.16	Hồ Chí Minh	4450	51M-186.63	Hồ Chí Minh
1251	51M-295.58	Hồ Chí Minh	2851	51M-129.16	Hồ Chí Minh	4451	51M-188.56	Hồ Chí Minh
1252	51M-304.96	Hồ Chí Minh	2852	51M-132.98	Hồ Chí Minh	4452	51M-195.15	Hồ Chí Minh
1253	51M-305.28	Hồ Chí Minh	2853	51M-144.26	Hồ Chí Minh	4453	51M-205.85	Hồ Chí Minh
1254	51M-306.65	Hồ Chí Minh	2854	51M-144.85	Hồ Chí Minh	4454	51M-221.16	Hồ Chí Minh
1255	51M-310.16	Hồ Chí Minh	2855	51M-148.96	Hồ Chí Minh	4455	51M-221.83	Hồ Chí Minh
1256	51N-002.95	Hồ Chí Minh	2856	51M-163.09	Hồ Chí Minh	4456	51M-225.98	Hồ Chí Minh
1257	51N-005.09	Hồ Chí Minh	2857	51M-167.36	Hồ Chí Minh	4457	51M-231.98	Hồ Chí Minh
1258	51N-008.65	Hồ Chí Minh	2858	51M-170.26	Hồ Chí Minh	4458	51M-245.29	Hồ Chí Minh
1259	51N-010.58	Hồ Chí Minh	2859	51M-180.63	Hồ Chí Minh	4459	51M-253.19	Hồ Chí Minh
1260	51N-011.65	Hồ Chí Minh	2860	51M-181.28	Hồ Chí Minh	4460	51M-261.08	Hồ Chí Minh
1261	51N-018.36	Hồ Chí Minh	2861	51M-185.83	Hồ Chí Minh	4461	51M-261.38	Hồ Chí Minh
1262	51N-018.83	Hồ Chí Minh	2862	51M-187.63	Hồ Chí Minh	4462	51M-264.19	Hồ Chí Minh
1263	51N-034.18	Hồ Chí Minh	2863	51M-201.36	Hồ Chí Minh	4463	51M-273.18	Hồ Chí Minh
1264	51N-034.25	Hồ Chí Minh	2864	51M-202.29	Hồ Chí Minh	4464	51M-277.29	Hồ Chí Minh
1265	51N-035.96	Hồ Chí Minh	2865	51M-212.08	Hồ Chí Minh	4465	51M-288.58	Hồ Chí Minh
1266	51N-044.18	Hồ Chí Minh	2866	51M-221.85	Hồ Chí Minh	4466	51M-288.65	Hồ Chí Minh
1267	51N-044.36	Hồ Chí Minh	2867	51M-222.95	Hồ Chí Minh	4467	51M-291.83	Hồ Chí Minh
1268	51N-046.19	Hồ Chí Minh	2868	51M-223.26	Hồ Chí Minh	4468	51M-294.59	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51N-046.59	Hồ Chí Minh	2869	51M-223.28	Hồ Chí Minh	4469	51M-300.65	Hồ Chí Minh
1270	51N-047.08	Hồ Chí Minh	2870	51M-223.96	Hồ Chí Minh	4470	51M-304.19	Hồ Chí Minh
1271	51N-048.09	Hồ Chí Minh	2871	51M-225.06	Hồ Chí Minh	4471	51M-305.35	Hồ Chí Minh
1272	51N-058.28	Hồ Chí Minh	2872	51M-234.19	Hồ Chí Minh	4472	51M-308.19	Hồ Chí Minh
1273	51N-063.59	Hồ Chí Minh	2873	51M-244.98	Hồ Chí Minh	4473	51M-309.59	Hồ Chí Minh
1274	51N-069.19	Hồ Chí Minh	2874	51M-246.18	Hồ Chí Minh	4474	51N-002.25	Hồ Chí Minh
1275	51N-075.19	Hồ Chí Minh	2875	51M-251.29	Hồ Chí Minh	4475	51N-008.85	Hồ Chí Minh
1276	51N-076.56	Hồ Chí Minh	2876	51M-271.08	Hồ Chí Minh	4476	51N-013.06	Hồ Chí Minh
1277	51N-080.19	Hồ Chí Minh	2877	51M-276.28	Hồ Chí Minh	4477	51N-033.26	Hồ Chí Minh
1278	51N-094.25	Hồ Chí Minh	2878	51M-276.58	Hồ Chí Minh	4478	51N-036.96	Hồ Chí Minh
1279	51N-100.35	Hồ Chí Minh	2879	51M-281.95	Hồ Chí Minh	4479	51N-038.35	Hồ Chí Minh
1280	51N-106.16	Hồ Chí Minh	2880	51M-283.29	Hồ Chí Minh	4480	51N-040.65	Hồ Chí Minh
1281	51N-106.85	Hồ Chí Minh	2881	51N-003.63	Hồ Chí Minh	4481	51N-047.25	Hồ Chí Minh
1282	51N-110.95	Hồ Chí Minh	2882	51N-006.59	Hồ Chí Minh	4482	51N-047.56	Hồ Chí Minh
1283	51N-115.96	Hồ Chí Minh	2883	51N-010.63	Hồ Chí Minh	4483	51N-051.85	Hồ Chí Minh
1284	51N-124.56	Hồ Chí Minh	2884	51N-014.28	Hồ Chí Minh	4484	51N-054.96	Hồ Chí Minh
1285	51N-124.85	Hồ Chí Minh	2885	51N-020.38	Hồ Chí Minh	4485	51N-056.36	Hồ Chí Minh
1286	51N-127.85	Hồ Chí Minh	2886	51N-026.29	Hồ Chí Minh	4486	51N-061.15	Hồ Chí Minh
1287	51N-131.98	Hồ Chí Minh	2887	51N-026.38	Hồ Chí Minh	4487	51N-064.58	Hồ Chí Minh
1288	51N-140.25	Hồ Chí Minh	2888	51N-028.15	Hồ Chí Minh	4488	51N-066.25	Hồ Chí Minh
1289	51N-149.98	Hồ Chí Minh	2889	51N-035.65	Hồ Chí Minh	4489	51N-067.18	Hồ Chí Minh
1290	51N-150.83	Hồ Chí Minh	2890	51N-043.09	Hồ Chí Minh	4490	51N-077.58	Hồ Chí Minh
1291	51N-155.36	Hồ Chí Minh	2891	51N-043.56	Hồ Chí Minh	4491	51N-092.26	Hồ Chí Minh
1292	60B-077.83	Đồng Nai	2892	51N-052.29	Hồ Chí Minh	4492	51N-099.59	Hồ Chí Minh
1293	60B-078.19	Đồng Nai	2893	51N-060.26	Hồ Chí Minh	4493	51N-101.98	Hồ Chí Minh
1294	60C-768.26	Đồng Nai	2894	51N-064.83	Hồ Chí Minh	4494	51N-102.16	Hồ Chí Minh
1295	60C-773.08	Đồng Nai	2895	51N-069.98	Hồ Chí Minh	4495	51N-111.98	Hồ Chí Minh
1296	60C-779.08	Đồng Nai	2896	51N-071.65	Hồ Chí Minh	4496	51N-113.36	Hồ Chí Minh
1297	60C-786.16	Đồng Nai	2897	51N-072.29	Hồ Chí Minh	4497	51N-116.26	Hồ Chí Minh
1298	60C-790.63	Đồng Nai	2898	51N-074.36	Hồ Chí Minh	4498	51N-121.06	Hồ Chí Minh
1299	60K-627.08	Đồng Nai	2899	51N-078.28	Hồ Chí Minh	4499	51N-127.25	Hồ Chí Minh
1300	60K-637.18	Đồng Nai	2900	51N-089.38	Hồ Chí Minh	4500	51N-134.96	Hồ Chí Minh
1301	60K-639.85	Đồng Nai	2901	51N-091.18	Hồ Chí Minh	4501	51N-141.09	Hồ Chí Minh
1302	60K-640.08	Đồng Nai	2902	51N-092.08	Hồ Chí Minh	4502	51N-142.29	Hồ Chí Minh
1303	60K-640.28	Đồng Nai	2903	51N-094.35	Hồ Chí Minh	4503	51N-142.38	Hồ Chí Minh
1304	60K-648.56	Đồng Nai	2904	51N-096.83	Hồ Chí Minh	4504	51N-153.29	Hồ Chí Minh
1305	60K-649.09	Đồng Nai	2905	51N-103.19	Hồ Chí Minh	4505	60C-767.19	Đồng Nai
1306	60K-652.09	Đồng Nai	2906	51N-110.06	Hồ Chí Minh	4506	60C-769.98	Đồng Nai
1307	60K-653.98	Đồng Nai	2907	51N-112.83	Hồ Chí Minh	4507	60C-770.28	Đồng Nai
1308	60K-656.58	Đồng Nai	2908	51N-115.18	Hồ Chí Minh	4508	60C-771.28	Đồng Nai
1309	60K-665.36	Đồng Nai	2909	51N-120.58	Hồ Chí Minh	4509	60C-773.25	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	60K-675.06	Đồng Nai	2910	51N-123.08	Hồ Chí Minh	4510	60C-775.19	Đồng Nai
1311	60K-678.63	Đồng Nai	2911	51N-139.29	Hồ Chí Minh	4511	60C-793.85	Đồng Nai
1312	60K-682.56	Đồng Nai	2912	60C-764.56	Đồng Nai	4512	60D-024.16	Đồng Nai
1313	60K-683.16	Đồng Nai	2913	60C-765.63	Đồng Nai	4513	60K-619.65	Đồng Nai
1314	60K-683.56	Đồng Nai	2914	60C-770.06	Đồng Nai	4514	60K-624.36	Đồng Nai
1315	60K-690.98	Đồng Nai	2915	60C-775.09	Đồng Nai	4515	60K-634.59	Đồng Nai
1316	60K-693.63	Đồng Nai	2916	60C-775.59	Đồng Nai	4516	60K-636.59	Đồng Nai
1317	60K-694.15	Đồng Nai	2917	60C-783.59	Đồng Nai	4517	60K-640.09	Đồng Nai
1318	60K-695.26	Đồng Nai	2918	60C-784.36	Đồng Nai	4518	60K-642.15	Đồng Nai
1319	61C-618.95	Bình Dương	2919	60C-788.19	Đồng Nai	4519	60K-649.15	Đồng Nai
1320	61C-619.26	Bình Dương	2920	60D-023.28	Đồng Nai	4520	60K-651.28	Đồng Nai
1321	61C-625.95	Bình Dương	2921	60K-626.95	Đồng Nai	4521	60K-658.83	Đồng Nai
1322	61C-628.95	Bình Dương	2922	60K-627.96	Đồng Nai	4522	60K-659.36	Đồng Nai
1323	61K-523.83	Bình Dương	2923	60K-631.59	Đồng Nai	4523	60K-661.26	Đồng Nai
1324	61K-526.56	Bình Dương	2924	60K-636.19	Đồng Nai	4524	60K-663.26	Đồng Nai
1325	61K-531.98	Bình Dương	2925	60K-656.16	Đồng Nai	4525	60K-665.95	Đồng Nai
1326	61K-538.65	Bình Dương	2926	60K-669.16	Đồng Nai	4526	60K-677.58	Đồng Nai
1327	61K-540.16	Bình Dương	2927	60K-683.15	Đồng Nai	4527	60K-688.18	Đồng Nai
1328	61K-542.06	Bình Dương	2928	60K-685.09	Đồng Nai	4528	61C-611.18	Bình Dương
1329	61K-542.85	Bình Dương	2929	60K-689.28	Đồng Nai	4529	61C-613.35	Bình Dương
1330	61K-543.83	Bình Dương	2930	60K-691.35	Đồng Nai	4530	61C-616.65	Bình Dương
1331	61K-547.08	Bình Dương	2931	60K-702.09	Đồng Nai	4531	61C-618.96	Bình Dương
1332	61K-549.15	Bình Dương	2932	61B-046.18	Bình Dương	4532	61C-628.09	Bình Dương
1333	61K-557.09	Bình Dương	2933	61B-046.83	Bình Dương	4533	61D-024.58	Bình Dương
1334	61K-575.65	Bình Dương	2934	61C-619.28	Bình Dương	4534	61K-524.28	Bình Dương
1335	61K-579.36	Bình Dương	2935	61C-628.06	Bình Dương	4535	61K-536.83	Bình Dương
1336	61K-580.36	Bình Dương	2936	61C-638.06	Bình Dương	4536	61K-539.15	Bình Dương
1337	61K-586.36	Bình Dương	2937	61D-023.29	Bình Dương	4537	61K-550.25	Bình Dương
1338	61K-595.29	Bình Dương	2938	61D-024.19	Bình Dương	4538	61K-554.15	Bình Dương
1339	61K-597.63	Bình Dương	2939	61K-519.63	Bình Dương	4539	61K-571.08	Bình Dương
1340	61K-598.85	Bình Dương	2940	61K-540.06	Bình Dương	4540	61K-574.38	Bình Dương
1341	62A-471.83	Long An	2941	61K-544.06	Bình Dương	4541	61K-583.19	Bình Dương
1342	62A-484.58	Long An	2942	61K-545.85	Bình Dương	4542	61K-587.38	Bình Dương
1343	62A-493.19	Long An	2943	61K-548.58	Bình Dương	4543	61K-592.16	Bình Dương
1344	62B-032.18	Long An	2944	61K-564.16	Bình Dương	4544	62A-475.83	Long An
1345	62C-218.95	Long An	2945	61K-573.16	Bình Dương	4545	62A-478.18	Long An
1346	62C-219.38	Long An	2946	61K-574.36	Bình Dương	4546	62A-490.38	Long An
1347	62C-223.58	Long An	2947	61K-575.63	Bình Dương	4547	62B-031.26	Long An
1348	62C-225.83	Long An	2948	61K-579.56	Bình Dương	4548	62B-031.56	Long An
1349	62D-017.96	Long An	2949	61K-588.29	Bình Dương	4549	62C-217.58	Long An
1350	63A-325.06	Tiền Giang	2950	61K-591.83	Bình Dương	4550	62D-015.96	Long An

Đ
 CỘNG
 ĐẤU
 HỢP
 VIỆT
 XUẤT

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	63A-326.18	Tiền Giang	2951	61K-595.19	Bình Dương	4551	63A-339.65	Tiền Giang
1352	63A-328.25	Tiền Giang	2952	61K-595.26	Bình Dương	4552	63B-036.58	Tiền Giang
1353	63A-338.09	Tiền Giang	2953	62A-477.59	Long An	4553	63C-231.16	Tiền Giang
1354	63B-034.15	Tiền Giang	2954	62A-486.56	Long An	4554	63C-232.65	Tiền Giang
1355	63B-035.09	Tiền Giang	2955	62B-033.35	Long An	4555	63C-232.96	Tiền Giang
1356	63C-232.98	Tiền Giang	2956	63A-330.59	Tiền Giang	4556	63C-240.09	Tiền Giang
1357	63D-012.08	Tiền Giang	2957	63A-330.85	Tiền Giang	4557	63C-240.19	Tiền Giang
1358	63D-014.38	Tiền Giang	2958	63A-340.16	Tiền Giang	4558	63C-240.65	Tiền Giang
1359	64A-207.06	Vĩnh Long	2959	63B-035.59	Tiền Giang	4559	63D-013.95	Tiền Giang
1360	64A-207.59	Vĩnh Long	2960	64B-017.98	Vĩnh Long	4560	64A-209.29	Vĩnh Long
1361	64A-214.25	Vĩnh Long	2961	64D-010.29	Vĩnh Long	4561	64A-212.38	Vĩnh Long
1362	64C-137.26	Vĩnh Long	2962	65A-515.59	Cần Thơ	4562	64B-017.09	Vĩnh Long
1363	64C-137.35	Vĩnh Long	2963	65A-518.28	Cần Thơ	4563	64D-010.09	Vĩnh Long
1364	65A-516.06	Cần Thơ	2964	65A-526.18	Cần Thơ	4564	64D-010.25	Vĩnh Long
1365	65A-516.29	Cần Thơ	2965	65A-535.28	Cần Thơ	4565	64D-010.36	Vĩnh Long
1366	65A-516.83	Cần Thơ	2966	65B-027.26	Cần Thơ	4566	65A-516.95	Cần Thơ
1367	65A-527.96	Cần Thơ	2967	65C-258.56	Cần Thơ	4567	65A-517.96	Cần Thơ
1368	65A-534.95	Cần Thơ	2968	65C-267.09	Cần Thơ	4568	65A-521.06	Cần Thơ
1369	65B-027.59	Cần Thơ	2969	65C-272.59	Cần Thơ	4569	65A-521.19	Cần Thơ
1370	65B-028.16	Cần Thơ	2970	65C-276.16	Cần Thơ	4570	65B-027.29	Cần Thơ
1371	65C-277.36	Cần Thơ	2971	65D-013.26	Cần Thơ	4571	65C-249.38	Cần Thơ
1372	65D-010.96	Cần Thơ	2972	66A-302.26	Đồng Tháp	4572	65C-277.58	Cần Thơ
1373	65D-013.06	Cần Thơ	2973	66A-307.56	Đồng Tháp	4573	65C-278.06	Cần Thơ
1374	65D-013.35	Cần Thơ	2974	66A-310.36	Đồng Tháp	4574	66A-312.63	Đồng Tháp
1375	66A-314.16	Đồng Tháp	2975	66A-310.95	Đồng Tháp	4575	66B-026.29	Đồng Tháp
1376	66A-315.28	Đồng Tháp	2976	66A-312.25	Đồng Tháp	4576	66C-191.36	Đồng Tháp
1377	66C-185.36	Đồng Tháp	2977	66A-315.96	Đồng Tháp	4577	66D-013.58	Đồng Tháp
1378	66C-188.96	Đồng Tháp	2978	66B-027.06	Đồng Tháp	4578	66D-014.58	Đồng Tháp
1379	66C-189.15	Đồng Tháp	2979	66C-183.95	Đồng Tháp	4579	66D-015.56	Đồng Tháp
1380	66C-192.18	Đồng Tháp	2980	66C-190.25	Đồng Tháp	4580	67A-330.65	An Giang
1381	66D-011.95	Đồng Tháp	2981	67B-031.26	An Giang	4581	67A-334.85	An Giang
1382	66D-015.09	Đồng Tháp	2982	67B-031.28	An Giang	4582	67A-338.09	An Giang
1383	67A-330.98	An Giang	2983	67D-011.16	An Giang	4583	67B-033.18	An Giang
1384	67A-336.25	An Giang	2984	68A-368.83	Kiên Giang	4584	67B-033.83	An Giang
1385	67A-339.58	An Giang	2985	68A-371.65	Kiên Giang	4585	67C-190.38	An Giang
1386	67A-341.18	An Giang	2986	68A-377.95	Kiên Giang	4586	67C-193.09	An Giang
1387	67A-346.16	An Giang	2987	68A-379.35	Kiên Giang	4587	67C-193.16	An Giang
1388	67B-032.26	An Giang	2988	68B-035.85	Kiên Giang	4588	67C-194.83	An Giang
1389	67D-012.25	An Giang	2989	68B-037.85	Kiên Giang	4589	67C-195.36	An Giang
1390	68A-365.83	Kiên Giang	2990	68C-181.16	Kiên Giang	4590	67D-010.95	An Giang
1391	68A-367.83	Kiên Giang	2991	68C-181.26	Kiên Giang	4591	68A-369.95	Kiên Giang

1 - C.
 T.Y
 GIÁ
 ANH
 IAM
 - T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	68A-368.15	Kiên Giang	2992	69A-173.83	Cà Mau	4592	68A-370.28	Kiên Giang
1393	68A-368.29	Kiên Giang	2993	69B-015.29	Cà Mau	4593	68A-373.58	Kiên Giang
1394	68A-374.28	Kiên Giang	2994	69C-104.65	Cà Mau	4594	68B-034.28	Kiên Giang
1395	68A-378.26	Kiên Giang	2995	69D-007.28	Cà Mau	4595	68B-034.85	Kiên Giang
1396	68A-381.16	Kiên Giang	2996	70A-584.65	Tây Ninh	4596	68C-185.08	Kiên Giang
1397	68C-181.28	Kiên Giang	2997	70A-585.28	Tây Ninh	4597	68D-010.83	Kiên Giang
1398	68D-007.65	Kiên Giang	2998	70A-587.06	Tây Ninh	4598	69A-173.28	Cà Mau
1399	68D-007.83	Kiên Giang	2999	70A-597.08	Tây Ninh	4599	70A-592.18	Tây Ninh
1400	68D-007.85	Kiên Giang	3000	70A-597.65	Tây Ninh	4600	70A-594.38	Tây Ninh
1401	68D-008.58	Kiên Giang	3001	70A-601.83	Tây Ninh	4601	70A-607.09	Tây Ninh
1402	69A-171.09	Cà Mau	3002	70A-605.15	Tây Ninh	4602	70A-610.98	Tây Ninh
1403	69A-171.58	Cà Mau	3003	70A-612.63	Tây Ninh	4603	70A-614.65	Tây Ninh
1404	69C-105.85	Cà Mau	3004	70B-034.59	Tây Ninh	4604	70A-615.56	Tây Ninh
1405	69D-006.83	Cà Mau	3005	70B-037.18	Tây Ninh	4605	70A-615.59	Tây Ninh
1406	70A-587.35	Tây Ninh	3006	70C-214.63	Tây Ninh	4606	70B-036.09	Tây Ninh
1407	70A-597.85	Tây Ninh	3007	71A-213.18	Bến Tre	4607	70B-036.25	Tây Ninh
1408	70A-605.36	Tây Ninh	3008	71A-213.58	Bến Tre	4608	70C-219.28	Tây Ninh
1409	70A-606.19	Tây Ninh	3009	71C-134.06	Bến Tre	4609	70D-011.59	Tây Ninh
1410	70A-610.36	Tây Ninh	3010	71C-134.08	Bến Tre	4610	70D-014.56	Tây Ninh
1411	70B-035.83	Tây Ninh	3011	71C-137.19	Bến Tre	4611	70D-014.63	Tây Ninh
1412	70C-213.16	Tây Ninh	3012	72A-845.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4612	71A-215.29	Bến Tre
1413	70C-218.96	Tây Ninh	3013	72A-848.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4613	71A-217.56	Bến Tre
1414	71C-135.26	Bến Tre	3014	72A-849.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4614	71A-220.58	Bến Tre
1415	71C-136.65	Bến Tre	3015	72A-852.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4615	71B-022.85	Bến Tre
1416	71D-008.16	Bến Tre	3016	72A-853.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4616	71C-136.58	Bến Tre
1417	72A-847.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3017	72A-856.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4617	71D-008.28	Bến Tre
1418	72A-866.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3018	72A-867.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4618	72A-845.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
1419	72A-867.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3019	72A-867.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4619	72A-845.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1420	72A-869.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	3020	72A-868.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4620	72A-846.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1421	72A-870.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3021	72A-873.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4621	72A-847.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
1422	72A-873.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3022	72A-874.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4622	72A-852.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1423	72A-875.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3023	72A-877.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4623	72A-858.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
1424	72A-877.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3024	72B-047.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4624	72A-858.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1425	72A-879.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	72C-267.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4625	72A-861.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1426	72B-046.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	72C-276.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4626	72A-864.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1427	72B-048.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3027	72C-277.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4627	72A-865.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1428	72C-267.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3028	73A-378.35	Quảng Bình	4628	72A-869.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1429	72C-268.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3029	73A-381.36	Quảng Bình	4629	72A-870.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1430	72C-272.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3030	73C-194.28	Quảng Bình	4630	72A-872.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
1431	72C-278.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3031	74A-279.58	Quảng Trị	4631	72A-882.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
1432	72D-015.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3032	74B-018.96	Quảng Trị	4632	72A-884.35	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	73A-374.25	Quảng Bình	3033	75A-388.59	Thừa Thiên Huế	4633	72C-277.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1434	73A-375.58	Quảng Bình	3034	75A-392.35	Thừa Thiên Huế	4634	72C-278.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
1435	73C-191.63	Quảng Bình	3035	75A-395.63	Thừa Thiên Huế	4635	72C-281.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1436	73D-009.25	Quảng Bình	3036	75A-397.18	Thừa Thiên Huế	4636	73A-369.35	Quảng Bình
1437	73D-011.29	Quảng Bình	3037	75A-398.85	Thừa Thiên Huế	4637	73A-371.56	Quảng Bình
1438	73D-011.63	Quảng Bình	3038	75A-400.19	Thừa Thiên Huế	4638	73C-193.06	Quảng Bình
1439	74A-278.25	Quảng Trị	3039	75B-032.65	Thừa Thiên Huế	4639	74A-280.18	Quảng Trị
1440	74B-017.08	Quảng Trị	3040	75C-163.19	Thừa Thiên Huế	4640	74C-144.83	Quảng Trị
1441	74D-013.95	Quảng Trị	3041	75D-012.16	Thừa Thiên Huế	4641	75A-387.96	Thừa Thiên Huế
1442	74D-015.29	Quảng Trị	3042	75D-012.95	Thừa Thiên Huế	4642	75A-388.26	Thừa Thiên Huế
1443	75A-393.09	Thừa Thiên Huế	3043	75D-012.96	Thừa Thiên Huế	4643	75A-390.28	Thừa Thiên Huế
1444	75A-394.38	Thừa Thiên Huế	3044	75D-013.19	Thừa Thiên Huế	4644	75A-391.28	Thừa Thiên Huế
1445	75B-030.65	Thừa Thiên Huế	3045	76A-324.16	Quảng Ngãi	4645	75A-397.15	Thừa Thiên Huế
1446	75C-159.26	Thừa Thiên Huế	3046	76A-332.59	Quảng Ngãi	4646	75A-402.56	Thừa Thiên Huế
1447	76A-330.36	Quảng Ngãi	3047	76C-178.98	Quảng Ngãi	4647	75B-030.83	Thừa Thiên Huế
1448	76A-332.85	Quảng Ngãi	3048	76C-181.38	Quảng Ngãi	4648	75C-161.58	Thừa Thiên Huế
1449	77A-366.38	Bình Định	3049	76D-014.18	Quảng Ngãi	4649	75D-011.56	Thừa Thiên Huế
1450	77B-037.59	Bình Định	3050	77A-362.58	Bình Định	4650	76A-325.36	Quảng Ngãi
1451	77C-263.38	Bình Định	3051	77A-364.85	Bình Định	4651	76A-327.96	Quảng Ngãi
1452	77D-010.16	Bình Định	3052	77A-369.58	Bình Định	4652	76A-331.29	Quảng Ngãi
1453	78A-217.36	Phú Yên	3053	77B-040.59	Bình Định	4653	77A-356.26	Bình Định
1454	78A-217.63	Phú Yên	3054	77C-266.09	Bình Định	4654	77A-357.29	Bình Định
1455	78A-217.95	Phú Yên	3055	77C-267.63	Bình Định	4655	77A-361.38	Bình Định
1456	78A-217.96	Phú Yên	3056	78A-220.35	Phú Yên	4656	77A-361.59	Bình Định
1457	78A-221.16	Phú Yên	3057	78A-220.59	Phú Yên	4657	77A-367.18	Bình Định
1458	78A-223.15	Phú Yên	3058	78A-223.56	Phú Yên	4658	77A-367.35	Bình Định
1459	78A-223.29	Phú Yên	3059	78B-019.09	Phú Yên	4659	77C-261.58	Bình Định
1460	78A-223.95	Phú Yên	3060	78B-021.29	Phú Yên	4660	77C-263.19	Bình Định
1461	78B-022.15	Phú Yên	3061	78D-007.98	Phú Yên	4661	77D-007.06	Bình Định
1462	78D-008.98	Phú Yên	3062	79A-574.36	Khánh Hòa	4662	78C-126.83	Phú Yên
1463	78D-009.95	Phú Yên	3063	79A-575.95	Khánh Hòa	4663	78D-007.29	Phú Yên
1464	79A-584.96	Khánh Hòa	3064	79A-579.36	Khánh Hòa	4664	78D-007.83	Phú Yên
1465	79A-585.25	Khánh Hòa	3065	79A-582.19	Khánh Hòa	4665	78D-008.19	Phú Yên
1466	79A-586.35	Khánh Hòa	3066	79A-583.15	Khánh Hòa	4666	79A-579.29	Khánh Hòa
1467	79B-047.35	Khánh Hòa	3067	79A-593.63	Khánh Hòa	4667	79A-581.63	Khánh Hòa
1468	79C-233.85	Khánh Hòa	3068	79B-045.35	Khánh Hòa	4668	79A-584.65	Khánh Hòa
1469	81A-467.56	Gia Lai	3069	79C-235.59	Khánh Hòa	4669	79A-585.15	Khánh Hòa
1470	81A-469.08	Gia Lai	3070	81A-454.95	Gia Lai	4670	79B-044.38	Khánh Hòa
1471	81A-474.35	Gia Lai	3071	81A-455.95	Gia Lai	4671	81A-460.16	Gia Lai
1472	81A-477.09	Gia Lai	3072	81A-457.19	Gia Lai	4672	81A-460.26	Gia Lai
1473	81C-286.16	Gia Lai	3073	81A-460.38	Gia Lai	4673	81A-464.36	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	81C-288.35	Gia Lai	3074	81A-474.38	Gia Lai	4674	81A-469.58	Gia Lai
1475	81C-289.35	Gia Lai	3075	81A-479.18	Gia Lai	4675	81A-477.19	Gia Lai
1476	81C-289.59	Gia Lai	3076	81A-479.19	Gia Lai	4676	81B-029.15	Gia Lai
1477	81C-294.63	Gia Lai	3077	81C-287.58	Gia Lai	4677	81B-030.15	Gia Lai
1478	81C-297.16	Gia Lai	3078	81C-293.18	Gia Lai	4678	81C-288.95	Gia Lai
1479	82C-096.26	Kon Tum	3079	82A-163.35	Kon Tum	4679	81C-295.38	Gia Lai
1480	82D-013.29	Kon Tum	3080	82B-023.19	Kon Tum	4680	81D-016.26	Gia Lai
1481	83A-193.36	Sóc Trăng	3081	82C-097.18	Kon Tum	4681	82A-159.29	Kon Tum
1482	83B-025.09	Sóc Trăng	3082	82C-097.58	Kon Tum	4682	82D-012.25	Kon Tum
1483	83C-133.19	Sóc Trăng	3083	83A-195.63	Sóc Trăng	4683	82D-013.65	Kon Tum
1484	83C-134.29	Sóc Trăng	3084	83C-132.18	Sóc Trăng	4684	83A-193.95	Sóc Trăng
1485	83C-138.25	Sóc Trăng	3085	83C-134.59	Sóc Trăng	4685	83B-023.98	Sóc Trăng
1486	83C-138.29	Sóc Trăng	3086	83C-135.06	Sóc Trăng	4686	83B-025.29	Sóc Trăng
1487	84A-148.15	Trà Vinh	3087	83C-137.36	Sóc Trăng	4687	83C-134.25	Sóc Trăng
1488	84A-151.18	Trà Vinh	3088	83C-139.35	Sóc Trăng	4688	83C-134.98	Sóc Trăng
1489	84B-022.35	Trà Vinh	3089	84A-147.26	Trà Vinh	4689	83C-135.28	Sóc Trăng
1490	84B-023.26	Trà Vinh	3090	84A-152.08	Trà Vinh	4690	83C-138.65	Sóc Trăng
1491	84D-005.35	Trà Vinh	3091	84A-152.58	Trà Vinh	4691	84A-148.29	Trà Vinh
1492	84D-008.96	Trà Vinh	3092	84B-019.58	Trà Vinh	4692	84A-152.96	Trà Vinh
1493	85A-146.58	Ninh Thuận	3093	84B-020.63	Trà Vinh	4693	84B-020.96	Trà Vinh
1494	85A-148.35	Ninh Thuận	3094	84C-127.15	Trà Vinh	4694	85A-153.59	Ninh Thuận
1495	85A-150.59	Ninh Thuận	3095	84C-128.65	Trà Vinh	4695	85B-015.96	Ninh Thuận
1496	85A-151.59	Ninh Thuận	3096	84D-007.06	Trà Vinh	4696	85B-017.56	Ninh Thuận
1497	85B-014.06	Ninh Thuận	3097	84D-007.98	Trà Vinh	4697	85D-009.29	Ninh Thuận
1498	85B-015.29	Ninh Thuận	3098	85A-147.65	Ninh Thuận	4698	85D-009.85	Ninh Thuận
1499	85C-086.06	Ninh Thuận	3099	85A-149.95	Ninh Thuận	4699	86A-321.65	Bình Thuận
1500	86A-332.58	Bình Thuận	3100	85B-017.29	Ninh Thuận	4700	86A-323.06	Bình Thuận
1501	86C-212.09	Bình Thuận	3101	86A-320.35	Bình Thuận	4701	86A-325.09	Bình Thuận
1502	86C-213.65	Bình Thuận	3102	86B-027.18	Bình Thuận	4702	86A-332.65	Bình Thuận
1503	86D-008.38	Bình Thuận	3103	86C-210.56	Bình Thuận	4703	86A-334.16	Bình Thuận
1504	88A-788.56	Vĩnh Phúc	3104	88A-789.95	Vĩnh Phúc	4704	86C-214.65	Bình Thuận
1505	88A-789.38	Vĩnh Phúc	3105	88A-790.35	Vĩnh Phúc	4705	88A-795.26	Vĩnh Phúc
1506	88A-793.16	Vĩnh Phúc	3106	88A-793.26	Vĩnh Phúc	4706	88A-797.63	Vĩnh Phúc
1507	88A-797.36	Vĩnh Phúc	3107	88A-793.96	Vĩnh Phúc	4707	88A-804.06	Vĩnh Phúc
1508	88A-802.83	Vĩnh Phúc	3108	88A-797.35	Vĩnh Phúc	4708	88A-809.98	Vĩnh Phúc
1509	88A-807.98	Vĩnh Phúc	3109	88A-797.59	Vĩnh Phúc	4709	88A-814.08	Vĩnh Phúc
1510	88A-809.85	Vĩnh Phúc	3110	88A-803.85	Vĩnh Phúc	4710	88A-814.85	Vĩnh Phúc
1511	88A-812.25	Vĩnh Phúc	3111	88A-808.15	Vĩnh Phúc	4711	88A-816.19	Vĩnh Phúc
1512	88A-816.59	Vĩnh Phúc	3112	88A-810.25	Vĩnh Phúc	4712	88A-822.15	Vĩnh Phúc
1513	88A-818.29	Vĩnh Phúc	3113	88A-810.83	Vĩnh Phúc	4713	88A-823.15	Vĩnh Phúc
1514	88A-823.59	Vĩnh Phúc	3114	88A-812.28	Vĩnh Phúc	4714	88A-826.63	Vĩnh Phúc

Đ
 CỘNG
 ĐẤU
 HỢP
 VIỆT
 H X U

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	88A-826.98	Vĩnh Phúc	3115	88A-814.28	Vĩnh Phúc	4715	88B-024.29	Vĩnh Phúc
1516	88A-827.29	Vĩnh Phúc	3116	88A-828.65	Vĩnh Phúc	4716	88C-311.19	Vĩnh Phúc
1517	88C-312.38	Vĩnh Phúc	3117	88B-022.98	Vĩnh Phúc	4717	88C-312.19	Vĩnh Phúc
1518	88C-313.85	Vĩnh Phúc	3118	88B-025.15	Vĩnh Phúc	4718	88C-313.95	Vĩnh Phúc
1519	88C-316.29	Vĩnh Phúc	3119	88C-315.63	Vĩnh Phúc	4719	88C-320.26	Vĩnh Phúc
1520	88C-316.38	Vĩnh Phúc	3120	88C-318.98	Vĩnh Phúc	4720	88C-323.08	Vĩnh Phúc
1521	88C-322.95	Vĩnh Phúc	3121	88C-324.28	Vĩnh Phúc	4721	88C-323.19	Vĩnh Phúc
1522	88D-022.18	Vĩnh Phúc	3122	88D-021.83	Vĩnh Phúc	4722	88C-324.63	Vĩnh Phúc
1523	88D-023.95	Vĩnh Phúc	3123	88D-023.15	Vĩnh Phúc	4723	88D-021.28	Vĩnh Phúc
1524	89A-535.59	Hung Yên	3124	88D-024.95	Vĩnh Phúc	4724	89A-536.38	Hung Yên
1525	89A-542.06	Hung Yên	3125	89A-533.36	Hung Yên	4725	89A-545.06	Hung Yên
1526	89A-545.25	Hung Yên	3126	89A-536.95	Hung Yên	4726	89A-557.65	Hung Yên
1527	89A-546.19	Hung Yên	3127	89A-539.28	Hung Yên	4727	89B-027.09	Hung Yên
1528	89A-546.29	Hung Yên	3128	89A-545.98	Hung Yên	4728	89C-350.06	Hung Yên
1529	89A-552.08	Hung Yên	3129	89A-549.26	Hung Yên	4729	89C-352.08	Hung Yên
1530	89A-553.29	Hung Yên	3130	89A-549.58	Hung Yên	4730	90A-301.65	Hà Nam
1531	89A-556.59	Hung Yên	3131	89C-345.28	Hung Yên	4731	90B-013.28	Hà Nam
1532	89A-559.15	Hung Yên	3132	89C-359.26	Hung Yên	4732	90C-155.28	Hà Nam
1533	89A-566.08	Hung Yên	3133	90A-288.38	Hà Nam	4733	92A-433.16	Quảng Nam
1534	89A-567.25	Hung Yên	3134	90A-289.38	Hà Nam	4734	92A-436.15	Quảng Nam
1535	89B-026.98	Hung Yên	3135	90A-290.65	Hà Nam	4735	92A-437.96	Quảng Nam
1536	89C-345.25	Hung Yên	3136	90A-294.59	Hà Nam	4736	92A-445.18	Quảng Nam
1537	89C-348.19	Hung Yên	3137	90A-295.25	Hà Nam	4737	92A-446.25	Quảng Nam
1538	89C-353.29	Hung Yên	3138	90C-156.06	Hà Nam	4738	92A-446.63	Quảng Nam
1539	89C-357.09	Hung Yên	3139	90C-158.16	Hà Nam	4739	92A-449.58	Quảng Nam
1540	89C-357.96	Hung Yên	3140	90D-013.18	Hà Nam	4740	92B-040.26	Quảng Nam
1541	89D-026.19	Hung Yên	3141	90D-013.35	Hà Nam	4741	92B-041.35	Quảng Nam
1542	90A-292.18	Hà Nam	3142	92A-439.08	Quảng Nam	4742	92C-262.83	Quảng Nam
1543	90A-294.26	Hà Nam	3143	92A-440.59	Quảng Nam	4743	93A-507.65	Bình Phước
1544	90C-155.25	Hà Nam	3144	92A-449.95	Quảng Nam	4744	93A-510.83	Bình Phước
1545	90C-160.19	Hà Nam	3145	92C-263.59	Quảng Nam	4745	93A-513.98	Bình Phước
1546	92A-441.18	Quảng Nam	3146	92D-014.56	Quảng Nam	4746	93A-514.63	Bình Phước
1547	92A-445.06	Quảng Nam	3147	92D-014.95	Quảng Nam	4747	93A-515.85	Bình Phước
1548	92B-041.36	Quảng Nam	3148	93A-506.29	Bình Phước	4748	93A-517.19	Bình Phước
1549	93A-507.26	Bình Phước	3149	93A-507.16	Bình Phước	4749	93B-022.29	Bình Phước
1550	93A-508.56	Bình Phước	3150	93A-511.96	Bình Phước	4750	93C-202.35	Bình Phước
1551	93A-520.08	Bình Phước	3151	93A-512.63	Bình Phước	4751	93C-203.15	Bình Phước
1552	93A-522.26	Bình Phước	3152	93A-513.09	Bình Phước	4752	93C-203.28	Bình Phước
1553	93C-207.26	Bình Phước	3153	93A-518.58	Bình Phước	4753	93C-203.95	Bình Phước
1554	94A-111.63	Bạc Liêu	3154	93A-521.19	Bình Phước	4754	95B-018.95	Hậu Giang
1555	94B-015.96	Bạc Liêu	3155	93A-524.59	Bình Phước	4755	95C-092.15	Hậu Giang

T. C.
 T. Y.
 GIÁ
 ANH
 NAM
 V. T. P. H.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	94B-016.06	Bạc Liêu	3156	93B-022.26	Bình Phước	4756	95C-093.16	Hậu Giang
1557	94B-017.09	Bạc Liêu	3157	93C-199.63	Bình Phước	4757	95D-026.65	Hậu Giang
1558	94C-084.63	Bạc Liêu	3158	93C-208.63	Bình Phước	4758	97A-095.65	Bắc Kạn
1559	94D-008.83	Bạc Liêu	3159	93D-010.59	Bình Phước	4759	97A-100.28	Bắc Kạn
1560	95C-092.98	Hậu Giang	3160	94D-006.83	Bạc Liêu	4760	97B-018.06	Bắc Kạn
1561	97A-099.25	Bắc Kạn	3161	94D-007.15	Bạc Liêu	4761	97B-018.63	Bắc Kạn
1562	97B-016.65	Bắc Kạn	3162	95A-136.38	Hậu Giang	4762	97C-052.08	Bắc Kạn
1563	97B-017.25	Bắc Kạn	3163	95A-139.18	Hậu Giang	4763	97C-053.18	Bắc Kạn
1564	98A-859.29	Bắc Giang	3164	95A-140.95	Hậu Giang	4764	97D-007.98	Bắc Kạn
1565	98A-867.09	Bắc Giang	3165	97A-096.58	Bắc Kạn	4765	97D-011.36	Bắc Kạn
1566	98A-868.38	Bắc Giang	3166	97A-097.59	Bắc Kạn	4766	98A-864.16	Bắc Giang
1567	98A-869.25	Bắc Giang	3167	97A-097.96	Bắc Kạn	4767	98A-866.16	Bắc Giang
1568	98A-879.35	Bắc Giang	3168	97C-050.28	Bắc Kạn	4768	98A-867.98	Bắc Giang
1569	98A-887.06	Bắc Giang	3169	97C-051.98	Bắc Kạn	4769	98A-870.09	Bắc Giang
1570	98A-891.83	Bắc Giang	3170	97D-011.29	Bắc Kạn	4770	98A-873.35	Bắc Giang
1571	98A-894.15	Bắc Giang	3171	98A-865.15	Bắc Giang	4771	98A-875.16	Bắc Giang
1572	98A-894.35	Bắc Giang	3172	98A-873.25	Bắc Giang	4772	98A-880.15	Bắc Giang
1573	98A-904.35	Bắc Giang	3173	98A-878.38	Bắc Giang	4773	98A-881.83	Bắc Giang
1574	98A-904.59	Bắc Giang	3174	98A-884.38	Bắc Giang	4774	98A-886.58	Bắc Giang
1575	98A-905.58	Bắc Giang	3175	98A-893.15	Bắc Giang	4775	98A-889.15	Bắc Giang
1576	98A-908.26	Bắc Giang	3176	98B-045.16	Bắc Giang	4776	98A-891.16	Bắc Giang
1577	98A-911.36	Bắc Giang	3177	98B-046.85	Bắc Giang	4777	98A-905.63	Bắc Giang
1578	98B-044.56	Bắc Giang	3178	98C-381.58	Bắc Giang	4778	98C-376.35	Bắc Giang
1579	98B-045.08	Bắc Giang	3179	98C-381.85	Bắc Giang	4779	98C-386.26	Bắc Giang
1580	98C-387.56	Bắc Giang	3180	98C-387.36	Bắc Giang	4780	98C-387.96	Bắc Giang
1581	98C-390.65	Bắc Giang	3181	98C-395.29	Bắc Giang	4781	98C-393.18	Bắc Giang
1582	98C-392.19	Bắc Giang	3182	98D-021.36	Bắc Giang	4782	98C-396.19	Bắc Giang
1583	98C-394.08	Bắc Giang	3183	98D-021.65	Bắc Giang	4783	98C-398.15	Bắc Giang
1584	98C-394.25	Bắc Giang	3184	98D-023.19	Bắc Giang	4784	99A-852.56	Bắc Ninh
1585	98D-023.15	Bắc Giang	3185	99A-851.65	Bắc Ninh	4785	99A-869.26	Bắc Ninh
1586	99A-851.83	Bắc Ninh	3186	99A-862.19	Bắc Ninh	4786	99A-871.38	Bắc Ninh
1587	99A-859.28	Bắc Ninh	3187	99A-864.29	Bắc Ninh	4787	99A-878.85	Bắc Ninh
1588	99A-862.18	Bắc Ninh	3188	99A-864.98	Bắc Ninh	4788	99A-880.25	Bắc Ninh
1589	99A-877.15	Bắc Ninh	3189	99A-866.09	Bắc Ninh	4789	99A-887.19	Bắc Ninh
1590	99A-877.59	Bắc Ninh	3190	99A-867.19	Bắc Ninh	4790	99A-889.08	Bắc Ninh
1591	99A-879.18	Bắc Ninh	3191	99A-871.29	Bắc Ninh	4791	99A-891.59	Bắc Ninh
1592	99A-879.95	Bắc Ninh	3192	99A-886.26	Bắc Ninh	4792	99A-894.16	Bắc Ninh
1593	99A-880.63	Bắc Ninh	3193	99A-891.38	Bắc Ninh	4793	99A-896.16	Bắc Ninh
1594	99A-884.38	Bắc Ninh	3194	99A-892.16	Bắc Ninh	4794	99A-897.18	Bắc Ninh
1595	99A-884.65	Bắc Ninh	3195	99A-894.15	Bắc Ninh	4795	99B-032.58	Bắc Ninh
1596	99A-886.36	Bắc Ninh	3196	99C-334.29	Bắc Ninh	4796	99B-033.83	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99A-890.65	Bắc Ninh	3197	99C-335.98	Bắc Ninh	4797	99C-343.26	Bắc Ninh
1598	99A-892.65	Bắc Ninh	3198	99C-340.16	Bắc Ninh	4798	99C-344.29	Bắc Ninh
1599	99C-336.16	Bắc Ninh	3199	99C-344.38	Bắc Ninh	4799	99D-026.98	Bắc Ninh
1600	99C-343.16	Bắc Ninh	3200	99C-344.83	Bắc Ninh	4800	99D-027.96	Bắc Ninh



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	15K-465.55	Hải Phòng	6401	11A-135.55	Cao Bằng			
4802	23A-168.88	Hà Giang	6402	11C-089.98	Cao Bằng			
4803	36K-289.88	Thanh Hóa	6403	12D-011.11	Lạng Sơn			
4804	37K-519.99	Nghệ An	6404	14K-000.08	Quảng Ninh			
4805	37K-529.99	Nghệ An	6405	15K-445.55	Hải Phòng			
4806	37K-555.95	Nghệ An	6406	15K-511.11	Hải Phòng			
4807	48A-258.88	Đắk Nông	6407	20A-899.98	Thái Nguyên			
4808	51N-139.39	Hồ Chí Minh	6408	30M-199.88	Hà Nội			
4809	62C-224.68	Long An	6409	51N-000.07	Hồ Chí Minh			
4810	63D-012.34	Tiền Giang	6410	60K-638.88	Đồng Nai			
4811	72A-848.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	6411	60K-677.77	Đồng Nai			
4812	79A-575.55	Khánh Hòa	6412	68A-306.66	Kiên Giang			
4813	93A-419.99	Bình Phước	6413	79A-585.55	Khánh Hòa			
4814	97D-011.11	Bắc Kạn	6414	94A-111.19	Bạc Liêu			
4815	14K-015.55	Quảng Ninh	6415	14A-998.69	Quảng Ninh			
4816	20A-833.39	Thái Nguyên	6416	17A-499.96	Thái Bình			
4817	20A-858.69	Thái Nguyên	6417	17C-196.96	Thái Bình			
4818	20A-888.48	Thái Nguyên	6418	20A-869.66	Thái Nguyên			
4819	29B-658.88	Hà Nội	6419	29K-333.35	Hà Nội			
4820	29K-424.68	Hà Nội	6420	29K-444.48	Hà Nội			
4821	30M-289.88	Hà Nội	6421	30M-123.55	Hà Nội			
4822	34A-955.58	Hải Dương	6422	30M-157.77	Hà Nội			
4823	35A-475.55	Ninh Bình	6423	34A-945.55	Hải Dương			
4824	36C-555.99	Thanh Hóa	6424	34C-444.48	Hải Dương			
4825	36K-288.86	Thanh Hóa	6425	35A-444.88	Ninh Bình			
4826	37C-589.98	Nghệ An	6426	37K-488.85	Nghệ An			
4827	43A-945.55	Đà Nẵng	6427	37K-528.68	Nghệ An			
4828	51L-928.28	Hồ Chí Minh	6428	37K-568.66	Nghệ An			
4829	51M-188.68	Hồ Chí Minh	6429	38A-696.68	Hà Tĩnh			
4830	51M-200.00	Hồ Chí Minh	6430	49A-777.73	Lâm Đồng			
4831	51M-255.59	Hồ Chí Minh	6431	51L-075.55	Hồ Chí Minh			
4832	51N-055.50	Hồ Chí Minh	6432	51M-239.68	Hồ Chí Minh			
4833	60C-777.98	Đồng Nai	6433	51N-086.88	Hồ Chí Minh			
4834	60D-024.68	Đồng Nai	6434	51N-099.96	Hồ Chí Minh			
4835	60K-696.97	Đồng Nai	6435	60K-686.85	Đồng Nai			
4836	65C-249.99	Cần Thơ	6436	67C-189.99	An Giang			
4837	70A-539.69	Tây Ninh	6437	70A-605.55	Tây Ninh			
4838	70C-209.44	Tây Ninh	6438	71A-215.55	Bến Tre			
4839	75A-399.95	Thừa Thiên Huế	6439	75A-396.86	Thừa Thiên Huế			
4840	78A-199.91	Phú Yên	6440	75A-397.77	Thừa Thiên Huế			
4841	81A-468.79	Gia Lai	6441	75A-399.69	Thừa Thiên Huế			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	86A-333.32	Bình Thuận	6442	79A-588.68	Khánh Hòa			
4843	98C-388.68	Bắc Giang	6443	81A-445.45	Gia Lai			
4844	99C-333.30	Bắc Ninh	6444	89A-513.89	Hưng Yên			
4845	30M-044.55	Hà Nội	6445	90A-288.82	Hà Nam			
4846	30M-048.66	Hà Nội	6446	30M-032.68	Hà Nội			
4847	30M-052.86	Hà Nội	6447	30M-033.34	Hà Nội			
4848	30M-055.69	Hà Nội	6448	30M-039.33	Hà Nội			
4849	30M-055.77	Hà Nội	6449	30M-044.39	Hà Nội			
4850	30M-064.46	Hà Nội	6450	30M-046.00	Hà Nội			
4851	30M-070.33	Hà Nội	6451	30M-047.33	Hà Nội			
4852	30M-079.11	Hà Nội	6452	30M-049.33	Hà Nội			
4853	30M-081.11	Hà Nội	6453	30M-049.66	Hà Nội			
4854	30M-083.77	Hà Nội	6454	30M-049.96	Hà Nội			
4855	30M-086.55	Hà Nội	6455	30M-053.22	Hà Nội			
4856	30M-103.68	Hà Nội	6456	30M-075.76	Hà Nội			
4857	30M-105.88	Hà Nội	6457	30M-080.99	Hà Nội			
4858	30M-109.69	Hà Nội	6458	30M-085.80	Hà Nội			
4859	30M-123.11	Hà Nội	6459	30M-089.11	Hà Nội			
4860	30M-124.22	Hà Nội	6460	30M-102.77	Hà Nội			
4861	30M-128.86	Hà Nội	6461	30M-104.04	Hà Nội			
4862	30M-134.69	Hà Nội	6462	30M-106.01	Hà Nội			
4863	30M-140.11	Hà Nội	6463	30M-107.00	Hà Nội			
4864	30M-141.39	Hà Nội	6464	30M-107.22	Hà Nội			
4865	30M-148.89	Hà Nội	6465	30M-116.61	Hà Nội			
4866	30M-151.11	Hà Nội	6466	30M-119.11	Hà Nội			
4867	30M-153.35	Hà Nội	6467	30M-121.79	Hà Nội			
4868	30M-158.22	Hà Nội	6468	30M-125.86	Hà Nội			
4869	30M-163.61	Hà Nội	6469	30M-134.55	Hà Nội			
4870	30M-169.89	Hà Nội	6470	30M-146.89	Hà Nội			
4871	30M-173.69	Hà Nội	6471	30M-150.50	Hà Nội			
4872	30M-175.11	Hà Nội	6472	30M-154.79	Hà Nội			
4873	30M-177.86	Hà Nội	6473	30M-156.86	Hà Nội			
4874	30M-180.44	Hà Nội	6474	30M-157.15	Hà Nội			
4875	30M-182.55	Hà Nội	6475	30M-158.77	Hà Nội			
4876	30M-184.68	Hà Nội	6476	30M-159.44	Hà Nội			
4877	30M-189.11	Hà Nội	6477	30M-170.39	Hà Nội			
4878	30M-192.44	Hà Nội	6478	30M-177.17	Hà Nội			
4879	30M-194.69	Hà Nội	6479	30M-182.44	Hà Nội			
4880	30M-196.11	Hà Nội	6480	30M-189.68	Hà Nội			
4881	30M-203.86	Hà Nội	6481	30M-191.22	Hà Nội			
4882	30M-203.89	Hà Nội	6482	30M-204.89	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-207.20	Hà Nội	6483	30M-212.39	Hà Nội			
4884	30M-209.55	Hà Nội	6484	30M-213.66	Hà Nội			
4885	30M-210.00	Hà Nội	6485	30M-215.12	Hà Nội			
4886	30M-216.00	Hà Nội	6486	30M-216.16	Hà Nội			
4887	30M-222.58	Hà Nội	6487	30M-217.39	Hà Nội			
4888	30M-236.55	Hà Nội	6488	30M-220.77	Hà Nội			
4889	30M-248.48	Hà Nội	6489	30M-227.39	Hà Nội			
4890	30M-253.89	Hà Nội	6490	30M-243.66	Hà Nội			
4891	30M-263.68	Hà Nội	6491	30M-247.99	Hà Nội			
4892	30M-265.39	Hà Nội	6492	30M-249.66	Hà Nội			
4893	30M-271.17	Hà Nội	6493	30M-266.77	Hà Nội			
4894	30M-287.68	Hà Nội	6494	30M-268.69	Hà Nội			
4895	30M-291.66	Hà Nội	6495	30M-273.39	Hà Nội			
4896	30M-291.99	Hà Nội	6496	30M-287.44	Hà Nội			
4897	30M-293.93	Hà Nội	6497	30M-289.11	Hà Nội			
4898	30M-296.00	Hà Nội	6498	30M-299.55	Hà Nội			
4899	30M-296.79	Hà Nội	6499	30M-304.44	Hà Nội			
4900	30M-299.86	Hà Nội	6500	30M-305.11	Hà Nội			
4901	30M-301.69	Hà Nội	6501	30M-306.07	Hà Nội			
4902	30M-301.86	Hà Nội	6502	30M-308.22	Hà Nội			
4903	30M-305.30	Hà Nội	6503	30M-309.22	Hà Nội			
4904	30M-308.11	Hà Nội	6504	30M-309.68	Hà Nội			
4905	30M-311.31	Hà Nội	6505	30M-320.77	Hà Nội			
4906	30M-315.77	Hà Nội	6506	30M-330.39	Hà Nội			
4907	30M-315.89	Hà Nội	6507	30M-334.89	Hà Nội			
4908	30M-321.21	Hà Nội	6508	30M-335.53	Hà Nội			
4909	30M-326.62	Hà Nội	6509	30M-340.55	Hà Nội			
4910	30M-332.23	Hà Nội	6510	30M-343.39	Hà Nội			
4911	30M-341.99	Hà Nội	6511	30M-353.54	Hà Nội			
4912	30M-344.77	Hà Nội	6512	30M-368.11	Hà Nội			
4913	30M-349.44	Hà Nội	6513	30M-381.79	Hà Nội			
4914	30M-350.86	Hà Nội	6514	30M-388.00	Hà Nội			
4915	30M-359.44	Hà Nội	6515	30M-393.86	Hà Nội			
4916	30M-360.63	Hà Nội	6516	30M-397.00	Hà Nội			
4917	30M-361.62	Hà Nội	6517	30M-400.40	Hà Nội			
4918	30M-371.79	Hà Nội	6518	30M-400.88	Hà Nội			
4919	30M-375.89	Hà Nội	6519	30M-417.88	Hà Nội			
4920	30M-376.89	Hà Nội	6520	51L-900.99	Hồ Chí Minh			
4921	30M-378.22	Hà Nội	6521	51L-910.66	Hồ Chí Minh			
4922	30M-380.77	Hà Nội	6522	51L-915.88	Hồ Chí Minh			
4923	30M-400.39	Hà Nội	6523	51L-921.33	Hồ Chí Minh			

141
 ĐĂNG KÝ
 ĐẦU G
 ỢP D
 IỆT M
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	30M-401.66	Hà Nội	6524	51L-921.66	Hồ Chí Minh			
4925	30M-403.11	Hà Nội	6525	51L-926.27	Hồ Chí Minh			
4926	30M-405.88	Hà Nội	6526	51L-927.22	Hồ Chí Minh			
4927	30M-408.68	Hà Nội	6527	51L-930.44	Hồ Chí Minh			
4928	30M-417.11	Hà Nội	6528	51L-935.22	Hồ Chí Minh			
4929	30M-418.69	Hà Nội	6529	51L-936.93	Hồ Chí Minh			
4930	30M-419.39	Hà Nội	6530	51L-945.44	Hồ Chí Minh			
4931	51L-903.44	Hồ Chí Minh	6531	51L-953.53	Hồ Chí Minh			
4932	51L-904.68	Hồ Chí Minh	6532	51L-954.68	Hồ Chí Minh			
4933	51L-909.90	Hồ Chí Minh	6533	51L-973.77	Hồ Chí Minh			
4934	51L-912.21	Hồ Chí Minh	6534	51L-975.39	Hồ Chí Minh			
4935	51L-914.99	Hồ Chí Minh	6535	51L-978.99	Hồ Chí Minh			
4936	51L-918.44	Hồ Chí Minh	6536	51M-052.00	Hồ Chí Minh			
4937	51L-918.68	Hồ Chí Minh	6537	51M-052.44	Hồ Chí Minh			
4938	51L-919.22	Hồ Chí Minh	6538	51M-055.56	Hồ Chí Minh			
4939	51L-925.86	Hồ Chí Minh	6539	51M-059.86	Hồ Chí Minh			
4940	51L-927.89	Hồ Chí Minh	6540	51M-070.39	Hồ Chí Minh			
4941	51L-930.00	Hồ Chí Minh	6541	51M-071.39	Hồ Chí Minh			
4942	51L-934.88	Hồ Chí Minh	6542	51M-095.22	Hồ Chí Minh			
4943	51L-937.39	Hồ Chí Minh	6543	51M-105.69	Hồ Chí Minh			
4944	51L-940.77	Hồ Chí Minh	6544	51M-108.22	Hồ Chí Minh			
4945	51L-946.99	Hồ Chí Minh	6545	51M-119.66	Hồ Chí Minh			
4946	51L-947.55	Hồ Chí Minh	6546	51M-121.99	Hồ Chí Minh			
4947	51L-954.54	Hồ Chí Minh	6547	51M-128.82	Hồ Chí Minh			
4948	51L-954.86	Hồ Chí Minh	6548	51M-130.00	Hồ Chí Minh			
4949	51L-955.44	Hồ Chí Minh	6549	51M-134.69	Hồ Chí Minh			
4950	51L-970.69	Hồ Chí Minh	6550	51M-142.11	Hồ Chí Minh			
4951	51L-971.69	Hồ Chí Minh	6551	51M-145.86	Hồ Chí Minh			
4952	51L-974.89	Hồ Chí Minh	6552	51M-146.68	Hồ Chí Minh			
4953	51L-980.80	Hồ Chí Minh	6553	51M-157.58	Hồ Chí Minh			
4954	51L-982.83	Hồ Chí Minh	6554	51M-158.11	Hồ Chí Minh			
4955	51L-983.69	Hồ Chí Minh	6555	51M-163.79	Hồ Chí Minh			
4956	51L-984.69	Hồ Chí Minh	6556	51M-165.65	Hồ Chí Minh			
4957	51L-997.33	Hồ Chí Minh	6557	51M-172.00	Hồ Chí Minh			
4958	51M-053.39	Hồ Chí Minh	6558	51M-181.69	Hồ Chí Minh			
4959	51M-071.07	Hồ Chí Minh	6559	51M-182.22	Hồ Chí Minh			
4960	51M-075.33	Hồ Chí Minh	6560	51M-187.81	Hồ Chí Minh			
4961	51M-075.69	Hồ Chí Minh	6561	51M-191.39	Hồ Chí Minh			
4962	51M-075.75	Hồ Chí Minh	6562	51M-194.19	Hồ Chí Minh			
4963	51M-078.33	Hồ Chí Minh	6563	51M-216.55	Hồ Chí Minh			
4964	51M-078.79	Hồ Chí Minh	6564	51M-221.00	Hồ Chí Minh			

Y
Á
JH
IM
-T.P.H?

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-080.08	Hồ Chí Minh	6565	51M-221.69	Hồ Chí Minh			
4966	51M-089.08	Hồ Chí Minh	6566	51M-221.89	Hồ Chí Minh			
4967	51M-105.33	Hồ Chí Minh	6567	51M-222.16	Hồ Chí Minh			
4968	51M-110.89	Hồ Chí Minh	6568	51M-223.66	Hồ Chí Minh			
4969	51M-111.55	Hồ Chí Minh	6569	51M-233.86	Hồ Chí Minh			
4970	51M-118.22	Hồ Chí Minh	6570	51M-237.66	Hồ Chí Minh			
4971	51M-137.22	Hồ Chí Minh	6571	51M-237.73	Hồ Chí Minh			
4972	51M-137.33	Hồ Chí Minh	6572	51M-238.44	Hồ Chí Minh			
4973	51M-139.66	Hồ Chí Minh	6573	51M-239.77	Hồ Chí Minh			
4974	51M-142.33	Hồ Chí Minh	6574	51M-247.86	Hồ Chí Minh			
4975	51M-152.00	Hồ Chí Minh	6575	51M-254.77	Hồ Chí Minh			
4976	51M-156.88	Hồ Chí Minh	6576	51M-258.68	Hồ Chí Minh			
4977	51M-163.64	Hồ Chí Minh	6577	51M-258.69	Hồ Chí Minh			
4978	51M-170.11	Hồ Chí Minh	6578	51M-263.39	Hồ Chí Minh			
4979	51M-170.68	Hồ Chí Minh	6579	51M-271.68	Hồ Chí Minh			
4980	51M-179.44	Hồ Chí Minh	6580	51M-272.27	Hồ Chí Minh			
4981	51M-182.00	Hồ Chí Minh	6581	51M-276.66	Hồ Chí Minh			
4982	51M-190.69	Hồ Chí Minh	6582	51M-278.22	Hồ Chí Minh			
4983	51M-191.22	Hồ Chí Minh	6583	51M-278.99	Hồ Chí Minh			
4984	51M-194.33	Hồ Chí Minh	6584	51M-282.89	Hồ Chí Minh			
4985	51M-195.19	Hồ Chí Minh	6585	51M-287.82	Hồ Chí Minh			
4986	51M-195.96	Hồ Chí Minh	6586	51M-293.44	Hồ Chí Minh			
4987	51M-203.89	Hồ Chí Minh	6587	51M-309.77	Hồ Chí Minh			
4988	51M-206.88	Hồ Chí Minh	6588	51M-310.88	Hồ Chí Minh			
4989	51M-206.99	Hồ Chí Minh	6589	51M-311.33	Hồ Chí Minh			
4990	51M-208.55	Hồ Chí Minh	6590	51N-000.12	Hồ Chí Minh			
4991	51M-213.11	Hồ Chí Minh	6591	51N-005.99	Hồ Chí Minh			
4992	51M-223.22	Hồ Chí Minh	6592	51N-009.69	Hồ Chí Minh			
4993	51M-226.99	Hồ Chí Minh	6593	51N-014.33	Hồ Chí Minh			
4994	51M-228.68	Hồ Chí Minh	6594	51N-018.66	Hồ Chí Minh			
4995	51M-228.77	Hồ Chí Minh	6595	51N-022.20	Hồ Chí Minh			
4996	51M-237.86	Hồ Chí Minh	6596	51N-031.89	Hồ Chí Minh			
4997	51M-257.86	Hồ Chí Minh	6597	51N-044.45	Hồ Chí Minh			
4998	51M-265.39	Hồ Chí Minh	6598	51N-052.86	Hồ Chí Minh			
4999	51M-269.77	Hồ Chí Minh	6599	51N-053.22	Hồ Chí Minh			
5000	51M-280.99	Hồ Chí Minh	6600	51N-054.39	Hồ Chí Minh			
5001	51M-284.66	Hồ Chí Minh	6601	51N-056.88	Hồ Chí Minh			
5002	51M-286.22	Hồ Chí Minh	6602	51N-063.06	Hồ Chí Minh			
5003	51M-291.00	Hồ Chí Minh	6603	51N-065.66	Hồ Chí Minh			
5004	51M-294.95	Hồ Chí Minh	6604	51N-071.68	Hồ Chí Minh			
5005	51M-298.29	Hồ Chí Minh	6605	51N-071.88	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51M-302.39	Hồ Chí Minh	6606	51N-073.07	Hồ Chí Minh			
5007	51M-303.99	Hồ Chí Minh	6607	51N-075.68	Hồ Chí Minh			
5008	51M-306.03	Hồ Chí Minh	6608	51N-077.89	Hồ Chí Minh			
5009	51N-001.88	Hồ Chí Minh	6609	51N-085.77	Hồ Chí Minh			
5010	51N-019.33	Hồ Chí Minh	6610	51N-093.22	Hồ Chí Minh			
5011	51N-027.88	Hồ Chí Minh	6611	51N-098.39	Hồ Chí Minh			
5012	51N-033.88	Hồ Chí Minh	6612	51N-110.89	Hồ Chí Minh			
5013	51N-041.04	Hồ Chí Minh	6613	51N-115.11	Hồ Chí Minh			
5014	51N-049.40	Hồ Chí Minh	6614	51N-115.33	Hồ Chí Minh			
5015	51N-050.68	Hồ Chí Minh	6615	51N-122.79	Hồ Chí Minh			
5016	51N-054.54	Hồ Chí Minh	6616	51N-130.86	Hồ Chí Minh			
5017	51N-070.39	Hồ Chí Minh	6617	51N-143.43	Hồ Chí Minh			
5018	51N-071.71	Hồ Chí Minh	6618	51N-145.44	Hồ Chí Minh			
5019	51N-074.77	Hồ Chí Minh	6619	51N-151.55	Hồ Chí Minh			
5020	51N-078.79	Hồ Chí Minh	6620	51N-152.88	Hồ Chí Minh			
5021	51N-090.86	Hồ Chí Minh	6621	11A-135.86	Cao Bằng			
5022	51N-096.00	Hồ Chí Minh	6622	11A-139.89	Cao Bằng			
5023	51N-103.44	Hồ Chí Minh	6623	11C-090.88	Cao Bằng			
5024	51N-106.55	Hồ Chí Minh	6624	12A-265.62	Lạng Sơn			
5025	51N-117.86	Hồ Chí Minh	6625	12A-267.11	Lạng Sơn			
5026	51N-124.33	Hồ Chí Minh	6626	12A-271.22	Lạng Sơn			
5027	51N-125.88	Hồ Chí Minh	6627	12C-140.88	Lạng Sơn			
5028	51N-127.22	Hồ Chí Minh	6628	12C-145.33	Lạng Sơn			
5029	51N-132.55	Hồ Chí Minh	6629	12D-009.11	Lạng Sơn			
5030	51N-133.13	Hồ Chí Minh	6630	14A-995.44	Quảng Ninh			
5031	51N-144.69	Hồ Chí Minh	6631	14A-999.78	Quảng Ninh			
5032	51N-147.88	Hồ Chí Minh	6632	14C-449.44	Quảng Ninh			
5033	51N-148.55	Hồ Chí Minh	6633	14C-452.52	Quảng Ninh			
5034	51N-148.69	Hồ Chí Minh	6634	14C-452.86	Quảng Ninh			
5035	51N-149.41	Hồ Chí Minh	6635	14C-453.79	Quảng Ninh			
5036	11C-089.77	Cao Bằng	6636	14C-456.77	Quảng Ninh			
5037	11D-011.33	Cao Bằng	6637	14C-466.67	Quảng Ninh			
5038	12C-140.89	Lạng Sơn	6638	14D-030.33	Quảng Ninh			
5039	12C-145.00	Lạng Sơn	6639	14D-031.39	Quảng Ninh			
5040	12D-009.68	Lạng Sơn	6640	14K-001.68	Quảng Ninh			
5041	14A-992.29	Quảng Ninh	6641	14K-002.22	Quảng Ninh			
5042	14A-998.44	Quảng Ninh	6642	14K-003.22	Quảng Ninh			
5043	14A-999.05	Quảng Ninh	6643	14K-015.22	Quảng Ninh			
5044	14C-450.22	Quảng Ninh	6644	14K-015.88	Quảng Ninh			
5045	14C-459.54	Quảng Ninh	6645	14K-016.68	Quảng Ninh			
5046	14C-470.99	Quảng Ninh	6646	14K-026.99	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	14K-000.34	Quảng Ninh	6647	14K-040.41	Quảng Ninh			
5048	14K-002.77	Quảng Ninh	6648	14K-041.00	Quảng Ninh			
5049	14K-004.33	Quảng Ninh	6649	15C-482.22	Hải Phòng			
5050	14K-005.77	Quảng Ninh	6650	15C-489.11	Hải Phòng			
5051	14K-020.44	Quảng Ninh	6651	15C-490.68	Hải Phòng			
5052	14K-024.25	Quảng Ninh	6652	15C-490.69	Hải Phòng			
5053	14K-035.33	Quảng Ninh	6653	15C-492.29	Hải Phòng			
5054	14K-036.63	Quảng Ninh	6654	15C-493.89	Hải Phòng			
5055	15B-055.89	Hải Phòng	6655	15K-427.42	Hải Phòng			
5056	15C-486.55	Hải Phòng	6656	15K-427.72	Hải Phòng			
5057	15C-487.89	Hải Phòng	6657	15K-432.79	Hải Phòng			
5058	15C-491.91	Hải Phòng	6658	15K-433.69	Hải Phòng			
5059	15C-494.44	Hải Phòng	6659	15K-436.11	Hải Phòng			
5060	15D-053.05	Hải Phòng	6660	15K-442.33	Hải Phòng			
5061	15K-425.88	Hải Phòng	6661	15K-444.77	Hải Phòng			
5062	15K-428.55	Hải Phòng	6662	15K-456.55	Hải Phòng			
5063	15K-434.55	Hải Phòng	6663	15K-482.79	Hải Phòng			
5064	15K-435.34	Hải Phòng	6664	15K-489.00	Hải Phòng			
5065	15K-435.86	Hải Phòng	6665	15K-490.09	Hải Phòng			
5066	15K-437.38	Hải Phòng	6666	15K-491.92	Hải Phòng			
5067	15K-444.12	Hải Phòng	6667	15K-492.77	Hải Phòng			
5068	15K-446.44	Hải Phòng	6668	15K-502.68	Hải Phòng			
5069	15K-452.54	Hải Phòng	6669	15K-510.10	Hải Phòng			
5070	15K-454.68	Hải Phòng	6670	17A-498.55	Thái Bình			
5071	15K-461.39	Hải Phòng	6671	17A-502.02	Thái Bình			
5072	15K-462.63	Hải Phòng	6672	17A-508.11	Thái Bình			
5073	15K-470.86	Hải Phòng	6673	17B-031.22	Thái Bình			
5074	15K-471.17	Hải Phòng	6674	17B-031.77	Thái Bình			
5075	15K-479.97	Hải Phòng	6675	17C-219.66	Thái Bình			
5076	15K-484.55	Hải Phòng	6676	17C-220.39	Thái Bình			
5077	15K-489.86	Hải Phòng	6677	17C-223.44	Thái Bình			
5078	15K-507.00	Hải Phòng	6678	17D-015.33	Thái Bình			
5079	17A-497.39	Thái Bình	6679	17D-016.55	Thái Bình			
5080	17B-031.39	Thái Bình	6680	18A-489.96	Nam Định			
5081	17C-216.79	Thái Bình	6681	18A-492.88	Nam Định			
5082	17C-219.12	Thái Bình	6682	18A-511.89	Nam Định			
5083	17D-016.00	Thái Bình	6683	18A-512.00	Nam Định			
5084	18A-492.49	Nam Định	6684	18C-178.87	Nam Định			
5085	18A-494.99	Nam Định	6685	18C-179.96	Nam Định			
5086	18A-500.22	Nam Định	6686	18D-017.66	Nam Định			
5087	18A-502.05	Nam Định	6687	18D-018.66	Nam Định			

41
 NG
 AU G
 P D
 IET M
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	18B-031.77	Nam Định	6688	19A-715.66	Phú Thọ			
5089	18B-034.11	Nam Định	6689	19A-718.33	Phú Thọ			
5090	18C-175.99	Nam Định	6690	19A-718.39	Phú Thọ			
5091	18D-018.68	Nam Định	6691	19A-726.62	Phú Thọ			
5092	19A-729.29	Phú Thọ	6692	19A-732.44	Phú Thọ			
5093	19A-737.44	Phú Thọ	6693	19A-734.79	Phú Thọ			
5094	19A-740.47	Phú Thọ	6694	19A-742.33	Phú Thọ			
5095	19A-751.86	Phú Thọ	6695	19A-743.68	Phú Thọ			
5096	19B-028.55	Phú Thọ	6696	19A-747.44	Phú Thọ			
5097	19B-031.32	Phú Thọ	6697	19A-754.00	Phú Thọ			
5098	19C-267.88	Phú Thọ	6698	19A-757.44	Phú Thọ			
5099	19C-269.77	Phú Thọ	6699	19C-264.69	Phú Thọ			
5100	19D-020.55	Phú Thọ	6700	19C-272.99	Phú Thọ			
5101	20A-860.69	Thái Nguyên	6701	19C-275.76	Phú Thọ			
5102	20A-870.33	Thái Nguyên	6702	19C-276.55	Phú Thọ			
5103	20A-872.33	Thái Nguyên	6703	19C-277.88	Phú Thọ			
5104	20A-873.74	Thái Nguyên	6704	19C-278.44	Phú Thọ			
5105	20A-876.11	Thái Nguyên	6705	20A-860.89	Thái Nguyên			
5106	20A-878.79	Thái Nguyên	6706	20A-861.00	Thái Nguyên			
5107	20A-879.33	Thái Nguyên	6707	20A-882.33	Thái Nguyên			
5108	20A-884.69	Thái Nguyên	6708	20A-887.22	Thái Nguyên			
5109	20A-887.99	Thái Nguyên	6709	20A-888.29	Thái Nguyên			
5110	20A-892.22	Thái Nguyên	6710	20A-889.68	Thái Nguyên			
5111	20A-893.79	Thái Nguyên	6711	20A-894.33	Thái Nguyên			
5112	20A-901.88	Thái Nguyên	6712	20A-897.39	Thái Nguyên			
5113	20C-313.77	Thái Nguyên	6713	20C-312.13	Thái Nguyên			
5114	20C-314.14	Thái Nguyên	6714	20C-313.88	Thái Nguyên			
5115	20D-032.68	Thái Nguyên	6715	20D-034.22	Thái Nguyên			
5116	21A-223.66	Yên Bái	6716	20D-034.34	Thái Nguyên			
5117	21A-228.11	Yên Bái	6717	21A-222.38	Yên Bái			
5118	22A-271.66	Tuyên Quang	6718	21A-223.24	Yên Bái			
5119	22A-271.77	Tuyên Quang	6719	21B-013.31	Yên Bái			
5120	22A-278.33	Tuyên Quang	6720	21B-014.89	Yên Bái			
5121	22B-016.55	Tuyên Quang	6721	21C-112.33	Yên Bái			
5122	22D-009.77	Tuyên Quang	6722	21C-114.39	Yên Bái			
5123	23A-165.61	Hà Giang	6723	22A-281.11	Tuyên Quang			
5124	23A-169.86	Hà Giang	6724	22B-016.11	Tuyên Quang			
5125	23A-170.11	Hà Giang	6725	22B-018.68	Tuyên Quang			
5126	24A-318.99	Lào Cai	6726	22D-011.77	Tuyên Quang			
5127	24A-321.44	Lào Cai	6727	23A-166.00	Hà Giang			
5128	24A-322.69	Lào Cai	6728	23A-171.86	Hà Giang			

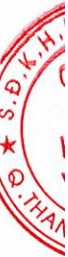
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	24A-324.23	Lào Cai	6729	24A-315.69	Lào Cai			
5130	24A-324.79	Lào Cai	6730	24A-319.98	Lào Cai			
5131	24B-019.39	Lào Cai	6731	24B-019.88	Lào Cai			
5132	24B-022.23	Lào Cai	6732	24C-168.77	Lào Cai			
5133	24C-165.56	Lào Cai	6733	24D-009.66	Lào Cai			
5134	24C-165.86	Lào Cai	6734	24D-013.10	Lào Cai			
5135	24C-170.22	Lào Cai	6735	25A-084.77	Lai Châu			
5136	24C-171.22	Lào Cai	6736	25A-086.00	Lai Châu			
5137	26A-240.22	Sơn La	6737	25B-008.69	Lai Châu			
5138	26C-167.16	Sơn La	6738	25C-060.39	Lai Châu			
5139	26D-014.00	Sơn La	6739	25D-008.69	Lai Châu			
5140	26D-017.22	Sơn La	6740	25D-008.99	Lai Châu			
5141	27B-015.55	Điện Biên	6741	25D-010.22	Lai Châu			
5142	27C-074.86	Điện Biên	6742	26A-238.11	Sơn La			
5143	28A-266.39	Hòa Bình	6743	26A-239.69	Sơn La			
5144	28A-267.39	Hòa Bình	6744	26A-244.00	Sơn La			
5145	28D-012.11	Hòa Bình	6745	26C-164.33	Sơn La			
5146	28D-012.88	Hòa Bình	6746	26C-167.69	Sơn La			
5147	28D-013.39	Hòa Bình	6747	27A-130.68	Điện Biên			
5148	29D-640.88	Hà Nội	6748	27A-131.77	Điện Biên			
5149	29K-329.88	Hà Nội	6749	27A-136.00	Điện Biên			
5150	29K-330.89	Hà Nội	6750	27B-016.79	Điện Biên			
5151	29K-340.99	Hà Nội	6751	27C-076.70	Điện Biên			
5152	29K-344.22	Hà Nội	6752	28A-264.64	Hòa Bình			
5153	29K-350.22	Hà Nội	6753	28C-126.44	Hòa Bình			
5154	29K-350.33	Hà Nội	6754	28D-014.66	Hòa Bình			
5155	29K-351.99	Hà Nội	6755	28D-014.86	Hòa Bình			
5156	29K-356.65	Hà Nội	6756	29D-626.62	Hà Nội			
5157	29K-361.89	Hà Nội	6757	29D-639.33	Hà Nội			
5158	29K-367.79	Hà Nội	6758	29D-641.22	Hà Nội			
5159	29K-368.77	Hà Nội	6759	29K-328.29	Hà Nội			
5160	29K-371.39	Hà Nội	6760	29K-333.06	Hà Nội			
5161	29K-372.72	Hà Nội	6761	29K-336.55	Hà Nội			
5162	29K-386.69	Hà Nội	6762	29K-340.41	Hà Nội			
5163	29K-388.69	Hà Nội	6763	29K-341.79	Hà Nội			
5164	29K-394.49	Hà Nội	6764	29K-343.89	Hà Nội			
5165	29K-400.86	Hà Nội	6765	29K-344.55	Hà Nội			
5166	29K-404.99	Hà Nội	6766	29K-348.22	Hà Nội			
5167	29K-418.19	Hà Nội	6767	29K-351.89	Hà Nội			
5168	29K-418.41	Hà Nội	6768	29K-355.44	Hà Nội			
5169	29K-420.21	Hà Nội	6769	29K-358.88	Hà Nội			

H.Đ. I.Đ. A.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-420.22	Hà Nội	6770	29K-361.77	Hà Nội			
5171	29K-424.00	Hà Nội	6771	29K-373.33	Hà Nội			
5172	29K-424.39	Hà Nội	6772	29K-380.08	Hà Nội			
5173	29K-433.88	Hà Nội	6773	29K-387.79	Hà Nội			
5174	29K-440.00	Hà Nội	6774	29K-390.44	Hà Nội			
5175	29K-442.42	Hà Nội	6775	29K-406.79	Hà Nội			
5176	29K-444.01	Hà Nội	6776	29K-416.77	Hà Nội			
5177	29K-450.68	Hà Nội	6777	29K-419.66	Hà Nội			
5178	29K-452.00	Hà Nội	6778	29K-428.79	Hà Nội			
5179	29K-465.88	Hà Nội	6779	29K-429.77	Hà Nội			
5180	29K-473.99	Hà Nội	6780	29K-431.55	Hà Nội			
5181	34A-919.55	Hải Dương	6781	29K-443.43	Hà Nội			
5182	34A-924.29	Hải Dương	6782	29K-444.12	Hà Nội			
5183	34A-927.33	Hải Dương	6783	29K-451.52	Hà Nội			
5184	34A-933.34	Hải Dương	6784	29K-461.86	Hà Nội			
5185	34A-947.55	Hải Dương	6785	29K-465.56	Hà Nội			
5186	34A-949.77	Hải Dương	6786	29K-466.89	Hà Nội			
5187	34A-952.95	Hải Dương	6787	29K-468.22	Hà Nội			
5188	34A-970.69	Hải Dương	6788	29K-469.00	Hà Nội			
5189	34A-972.97	Hải Dương	6789	29K-471.00	Hà Nội			
5190	34A-973.22	Hải Dương	6790	29K-471.33	Hà Nội			
5191	34B-044.79	Hải Dương	6791	34A-931.32	Hải Dương			
5192	34B-045.89	Hải Dương	6792	34A-934.22	Hải Dương			
5193	34C-437.68	Hải Dương	6793	34A-945.89	Hải Dương			
5194	34C-442.77	Hải Dương	6794	34A-953.55	Hải Dương			
5195	34C-445.99	Hải Dương	6795	34A-972.68	Hải Dương			
5196	34C-447.74	Hải Dương	6796	34A-975.79	Hải Dương			
5197	34C-450.79	Hải Dương	6797	34B-045.77	Hải Dương			
5198	34D-042.42	Hải Dương	6798	34C-439.96	Hải Dương			
5199	35A-464.55	Ninh Bình	6799	34C-446.89	Hải Dương			
5200	35A-470.70	Ninh Bình	6800	34C-449.55	Hải Dương			
5201	35A-475.22	Ninh Bình	6801	34C-452.45	Hải Dương			
5202	35A-479.44	Ninh Bình	6802	35A-471.79	Ninh Bình			
5203	35A-481.48	Ninh Bình	6803	35A-474.47	Ninh Bình			
5204	35C-182.77	Ninh Bình	6804	35A-477.44	Ninh Bình			
5205	35D-018.81	Ninh Bình	6805	35A-480.80	Ninh Bình			
5206	36B-050.00	Thanh Hóa	6806	35B-025.00	Ninh Bình			
5207	36C-547.45	Thanh Hóa	6807	35C-182.18	Ninh Bình			
5208	36C-548.33	Thanh Hóa	6808	36C-548.49	Thanh Hóa			
5209	36C-548.86	Thanh Hóa	6809	36C-565.11	Thanh Hóa			
5210	36C-560.11	Thanh Hóa	6810	36C-569.33	Thanh Hóa			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	36C-567.33	Thanh Hóa	6811	36C-577.44	Thanh Hóa			
5212	36C-573.88	Thanh Hóa	6812	36D-029.96	Thanh Hóa			
5213	36C-575.22	Thanh Hóa	6813	36D-030.69	Thanh Hóa			
5214	36C-580.88	Thanh Hóa	6814	36D-031.77	Thanh Hóa			
5215	36K-232.79	Thanh Hóa	6815	36K-238.23	Thanh Hóa			
5216	36K-233.79	Thanh Hóa	6816	36K-241.55	Thanh Hóa			
5217	36K-238.89	Thanh Hóa	6817	36K-246.77	Thanh Hóa			
5218	36K-240.66	Thanh Hóa	6818	36K-249.69	Thanh Hóa			
5219	36K-243.34	Thanh Hóa	6819	36K-252.79	Thanh Hóa			
5220	36K-250.55	Thanh Hóa	6820	36K-258.77	Thanh Hóa			
5221	36K-251.00	Thanh Hóa	6821	36K-259.33	Thanh Hóa			
5222	36K-259.55	Thanh Hóa	6822	36K-261.55	Thanh Hóa			
5223	36K-263.89	Thanh Hóa	6823	36K-267.33	Thanh Hóa			
5224	36K-266.89	Thanh Hóa	6824	36K-267.67	Thanh Hóa			
5225	36K-268.69	Thanh Hóa	6825	36K-273.39	Thanh Hóa			
5226	36K-270.68	Thanh Hóa	6826	36K-274.99	Thanh Hóa			
5227	36K-278.00	Thanh Hóa	6827	36K-277.27	Thanh Hóa			
5228	36K-280.66	Thanh Hóa	6828	36K-278.79	Thanh Hóa			
5229	36K-280.79	Thanh Hóa	6829	36K-279.66	Thanh Hóa			
5230	36K-289.55	Thanh Hóa	6830	36K-304.33	Thanh Hóa			
5231	36K-291.00	Thanh Hóa	6831	37B-048.04	Nghệ An			
5232	36K-291.79	Thanh Hóa	6832	37C-573.79	Nghệ An			
5233	36K-293.77	Thanh Hóa	6833	37C-574.74	Nghệ An			
5234	36K-297.97	Thanh Hóa	6834	37C-574.99	Nghệ An			
5235	37C-568.00	Nghệ An	6835	37C-579.33	Nghệ An			
5236	37C-568.89	Nghệ An	6836	37C-585.99	Nghệ An			
5237	37C-570.71	Nghệ An	6837	37C-592.68	Nghệ An			
5238	37C-574.57	Nghệ An	6838	37C-593.00	Nghệ An			
5239	37C-582.39	Nghệ An	6839	37C-597.11	Nghệ An			
5240	37C-582.99	Nghệ An	6840	37K-490.00	Nghệ An			
5241	37C-584.22	Nghệ An	6841	37K-492.22	Nghệ An			
5242	37C-585.39	Nghệ An	6842	37K-499.11	Nghệ An			
5243	37C-589.79	Nghệ An	6843	37K-504.77	Nghệ An			
5244	37C-592.44	Nghệ An	6844	37K-509.88	Nghệ An			
5245	37C-592.89	Nghệ An	6845	37K-512.99	Nghệ An			
5246	37C-594.33	Nghệ An	6846	37K-523.23	Nghệ An			
5247	37K-500.39	Nghệ An	6847	37K-530.89	Nghệ An			
5248	37K-509.89	Nghệ An	6848	37K-532.11	Nghệ An			
5249	37K-514.11	Nghệ An	6849	37K-549.55	Nghệ An			
5250	37K-514.88	Nghệ An	6850	37K-552.52	Nghệ An			
5251	37K-529.00	Nghệ An	6851	37K-553.55	Nghệ An			

47
 CÔNG
 ĐẦU C
 ỢP D
 IỆT M
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-536.77	Nghệ An	6852	37K-561.00	Nghệ An			
5253	37K-537.38	Nghệ An	6853	38A-681.18	Hà Tĩnh			
5254	37K-537.77	Nghệ An	6854	38A-692.68	Hà Tĩnh			
5255	37K-541.89	Nghệ An	6855	38A-695.69	Hà Tĩnh			
5256	37K-555.22	Nghệ An	6856	38A-701.55	Hà Tĩnh			
5257	37K-555.69	Nghệ An	6857	38A-704.00	Hà Tĩnh			
5258	37K-563.36	Nghệ An	6858	38A-704.55	Hà Tĩnh			
5259	37K-563.68	Nghệ An	6859	38A-706.55	Hà Tĩnh			
5260	37K-566.44	Nghệ An	6860	38A-710.68	Hà Tĩnh			
5261	38A-683.66	Hà Tĩnh	6861	38C-245.86	Hà Tĩnh			
5262	38A-689.00	Hà Tĩnh	6862	38C-248.49	Hà Tĩnh			
5263	38A-689.66	Hà Tĩnh	6863	38C-250.77	Hà Tĩnh			
5264	38A-691.39	Hà Tĩnh	6864	38C-251.51	Hà Tĩnh			
5265	38A-692.92	Hà Tĩnh	6865	43A-942.86	Đà Nẵng			
5266	38A-693.22	Hà Tĩnh	6866	43A-946.89	Đà Nẵng			
5267	38A-702.11	Hà Tĩnh	6867	43A-953.66	Đà Nẵng			
5268	38A-704.68	Hà Tĩnh	6868	43A-953.89	Đà Nẵng			
5269	38A-705.44	Hà Tĩnh	6869	43A-956.88	Đà Nẵng			
5270	38A-706.79	Hà Tĩnh	6870	43A-972.66	Đà Nẵng			
5271	38A-709.66	Hà Tĩnh	6871	43A-972.72	Đà Nẵng			
5272	38B-024.00	Hà Tĩnh	6872	43A-973.69	Đà Nẵng			
5273	38C-247.24	Hà Tĩnh	6873	43B-066.77	Đà Nẵng			
5274	38C-249.33	Hà Tĩnh	6874	43C-315.69	Đà Nẵng			
5275	38C-250.69	Hà Tĩnh	6875	47A-815.00	Đắk Lắk			
5276	38C-251.44	Hà Tĩnh	6876	47A-816.44	Đắk Lắk			
5277	38D-020.02	Hà Tĩnh	6877	47A-829.00	Đắk Lắk			
5278	43A-942.89	Đà Nẵng	6878	47A-830.88	Đắk Lắk			
5279	43A-944.55	Đà Nẵng	6879	47A-831.86	Đắk Lắk			
5280	43A-949.33	Đà Nẵng	6880	47A-835.38	Đắk Lắk			
5281	43A-954.69	Đà Nẵng	6881	47A-838.77	Đắk Lắk			
5282	43A-959.33	Đà Nẵng	6882	47A-839.44	Đắk Lắk			
5283	43A-963.44	Đà Nẵng	6883	47A-844.11	Đắk Lắk			
5284	43A-976.22	Đà Nẵng	6884	47A-848.68	Đắk Lắk			
5285	43A-980.77	Đà Nẵng	6885	47A-851.88	Đắk Lắk			
5286	43B-064.64	Đà Nẵng	6886	47A-861.44	Đắk Lắk			
5287	43B-064.86	Đà Nẵng	6887	47B-042.42	Đắk Lắk			
5288	43C-315.39	Đà Nẵng	6888	47B-044.66	Đắk Lắk			
5289	43C-315.86	Đà Nẵng	6889	47C-403.44	Đắk Lắk			
5290	43C-321.39	Đà Nẵng	6890	47C-403.77	Đắk Lắk			
5291	43C-323.55	Đà Nẵng	6891	47C-416.89	Đắk Lắk			
5292	43C-323.66	Đà Nẵng	6892	48A-248.00	Đắk Nông			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	43D-015.00	Đà Nẵng	6893	48A-250.33	Đắk Nông			
5294	47A-813.77	Đắk Lắk	6894	48A-252.53	Đắk Nông			
5295	47A-815.51	Đắk Lắk	6895	48A-253.25	Đắk Nông			
5296	47A-828.86	Đắk Lắk	6896	48A-255.77	Đắk Nông			
5297	47A-829.33	Đắk Lắk	6897	48A-257.00	Đắk Nông			
5298	47A-832.23	Đắk Lắk	6898	48A-258.85	Đắk Nông			
5299	47A-832.68	Đắk Lắk	6899	48A-260.77	Đắk Nông			
5300	47A-837.73	Đắk Lắk	6900	48C-117.99	Đắk Nông			
5301	47A-838.11	Đắk Lắk	6901	48C-121.86	Đắk Nông			
5302	47A-849.44	Đắk Lắk	6902	49A-746.77	Lâm Đồng			
5303	47A-850.51	Đắk Lắk	6903	49A-753.79	Lâm Đồng			
5304	47B-043.55	Đắk Lắk	6904	49A-760.69	Lâm Đồng			
5305	47B-045.99	Đắk Lắk	6905	49A-761.69	Lâm Đồng			
5306	47C-397.97	Đắk Lắk	6906	49A-768.22	Lâm Đồng			
5307	47C-409.09	Đắk Lắk	6907	49A-772.66	Lâm Đồng			
5308	47C-410.33	Đắk Lắk	6908	49A-773.68	Lâm Đồng			
5309	47C-416.77	Đắk Lắk	6909	49C-383.77	Lâm Đồng			
5310	47C-420.44	Đắk Lắk	6910	49C-393.00	Lâm Đồng			
5311	47C-423.23	Đắk Lắk	6911	49C-394.94	Lâm Đồng			
5312	48A-255.39	Đắk Nông	6912	51E-344.11	Hồ Chí Minh			
5313	48A-256.39	Đắk Nông	6913	51E-349.94	Hồ Chí Minh			
5314	48A-256.55	Đắk Nông	6914	51E-351.69	Hồ Chí Minh			
5315	48C-122.68	Đắk Nông	6915	51E-354.11	Hồ Chí Minh			
5316	48D-006.69	Đắk Nông	6916	51E-354.22	Hồ Chí Minh			
5317	48D-006.89	Đắk Nông	6917	51E-354.53	Hồ Chí Minh			
5318	48D-008.80	Đắk Nông	6918	60B-077.99	Đồng Nai			
5319	49A-752.77	Lâm Đồng	6919	60B-079.66	Đồng Nai			
5320	49A-764.64	Lâm Đồng	6920	60C-762.88	Đồng Nai			
5321	49B-035.89	Lâm Đồng	6921	60C-763.86	Đồng Nai			
5322	49C-384.89	Lâm Đồng	6922	60C-770.39	Đồng Nai			
5323	49C-386.38	Lâm Đồng	6923	60C-775.68	Đồng Nai			
5324	49C-387.88	Lâm Đồng	6924	60C-778.89	Đồng Nai			
5325	49C-388.33	Lâm Đồng	6925	60C-779.68	Đồng Nai			
5326	51B-716.00	Hồ Chí Minh	6926	60C-781.33	Đồng Nai			
5327	51E-344.22	Hồ Chí Minh	6927	60C-786.22	Đồng Nai			
5328	51E-344.68	Hồ Chí Minh	6928	60K-623.88	Đồng Nai			
5329	51E-345.22	Hồ Chí Minh	6929	60K-638.00	Đồng Nai			
5330	51E-347.79	Hồ Chí Minh	6930	60K-638.44	Đồng Nai			
5331	60B-077.86	Đồng Nai	6931	60K-640.22	Đồng Nai			
5332	60B-077.88	Đồng Nai	6932	60K-641.33	Đồng Nai			
5333	60B-078.89	Đồng Nai	6933	60K-651.11	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	60B-081.11	Đồng Nai	6934	60K-653.66	Đồng Nai			
5335	60C-759.66	Đồng Nai	6935	60K-656.88	Đồng Nai			
5336	60C-773.88	Đồng Nai	6936	60K-657.44	Đồng Nai			
5337	60C-777.28	Đồng Nai	6937	60K-660.99	Đồng Nai			
5338	60C-784.78	Đồng Nai	6938	60K-674.74	Đồng Nai			
5339	60C-787.44	Đồng Nai	6939	60K-679.00	Đồng Nai			
5340	60D-022.20	Đồng Nai	6940	60K-693.66	Đồng Nai			
5341	60K-625.77	Đồng Nai	6941	60K-696.88	Đồng Nai			
5342	60K-625.86	Đồng Nai	6942	60K-700.88	Đồng Nai			
5343	60K-639.69	Đồng Nai	6943	61B-045.44	Bình Dương			
5344	60K-643.66	Đồng Nai	6944	61C-613.14	Bình Dương			
5345	60K-649.44	Đồng Nai	6945	61C-624.11	Bình Dương			
5346	60K-655.65	Đồng Nai	6946	61C-626.27	Bình Dương			
5347	60K-657.22	Đồng Nai	6947	61C-628.88	Bình Dương			
5348	60K-657.77	Đồng Nai	6948	61C-631.88	Bình Dương			
5349	60K-659.86	Đồng Nai	6949	61C-635.33	Bình Dương			
5350	60K-664.33	Đồng Nai	6950	61C-637.66	Bình Dương			
5351	60K-671.76	Đồng Nai	6951	61C-642.00	Bình Dương			
5352	60K-680.11	Đồng Nai	6952	61D-025.02	Bình Dương			
5353	60K-683.89	Đồng Nai	6953	61K-528.11	Bình Dương			
5354	60K-684.86	Đồng Nai	6954	61K-531.53	Bình Dương			
5355	60K-686.00	Đồng Nai	6955	61K-534.86	Bình Dương			
5356	60K-692.33	Đồng Nai	6956	61K-537.68	Bình Dương			
5357	60K-697.86	Đồng Nai	6957	61K-565.22	Bình Dương			
5358	60K-700.11	Đồng Nai	6958	61K-573.57	Bình Dương			
5359	60K-701.22	Đồng Nai	6959	61K-574.68	Bình Dương			
5360	60K-701.99	Đồng Nai	6960	61K-579.96	Bình Dương			
5361	61C-613.00	Bình Dương	6961	61K-585.00	Bình Dương			
5362	61C-621.33	Bình Dương	6962	61K-586.69	Bình Dương			
5363	61C-624.88	Bình Dương	6963	61K-594.86	Bình Dương			
5364	61C-626.22	Bình Dương	6964	61K-595.33	Bình Dương			
5365	61C-634.89	Bình Dương	6965	62A-473.55	Long An			
5366	61C-636.69	Bình Dương	6966	62A-479.22	Long An			
5367	61K-521.00	Bình Dương	6967	62A-483.69	Long An			
5368	61K-526.62	Bình Dương	6968	62B-034.22	Long An			
5369	61K-547.33	Bình Dương	6969	62C-219.55	Long An			
5370	61K-549.69	Bình Dương	6970	62D-017.69	Long An			
5371	61K-559.77	Bình Dương	6971	62D-018.00	Long An			
5372	61K-564.86	Bình Dương	6972	63A-324.55	Tiền Giang			
5373	61K-575.86	Bình Dương	6973	63A-326.39	Tiền Giang			
5374	61K-576.67	Bình Dương	6974	63A-333.55	Tiền Giang			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	61K-577.39	Bình Dương	6975	63A-334.77	Tiền Giang			
5376	61K-577.44	Bình Dương	6976	63A-339.44	Tiền Giang			
5377	61K-577.66	Bình Dương	6977	63A-341.55	Tiền Giang			
5378	61K-587.77	Bình Dương	6978	63C-233.22	Tiền Giang			
5379	61K-588.55	Bình Dương	6979	63C-234.22	Tiền Giang			
5380	62A-470.55	Long An	6980	63C-236.44	Tiền Giang			
5381	62A-482.39	Long An	6981	63D-014.00	Tiền Giang			
5382	62A-484.11	Long An	6982	64A-210.55	Vĩnh Long			
5383	62B-031.39	Long An	6983	64A-213.21	Vĩnh Long			
5384	62B-031.86	Long An	6984	64C-136.11	Vĩnh Long			
5385	62C-217.68	Long An	6985	64C-137.00	Vĩnh Long			
5386	62C-223.77	Long An	6986	64C-139.55	Vĩnh Long			
5387	62C-224.55	Long An	6987	64D-007.69	Vĩnh Long			
5388	62C-226.77	Long An	6988	65A-515.89	Cần Thơ			
5389	62D-018.11	Long An	6989	65A-521.00	Cần Thơ			
5390	63A-330.39	Tiền Giang	6990	65A-521.99	Cần Thơ			
5391	63A-336.88	Tiền Giang	6991	65A-525.39	Cần Thơ			
5392	63A-340.88	Tiền Giang	6992	65A-526.27	Cần Thơ			
5393	63C-231.31	Tiền Giang	6993	65C-256.99	Cần Thơ			
5394	63D-012.77	Tiền Giang	6994	65D-011.86	Cần Thơ			
5395	64A-203.88	Vĩnh Long	6995	65D-013.11	Cần Thơ			
5396	64A-208.89	Vĩnh Long	6996	66A-308.39	Đồng Tháp			
5397	64A-214.22	Vĩnh Long	6997	66A-314.99	Đồng Tháp			
5398	64A-214.69	Vĩnh Long	6998	66C-190.19	Đồng Tháp			
5399	64B-017.88	Vĩnh Long	6999	66D-012.13	Đồng Tháp			
5400	64B-018.81	Vĩnh Long	7000	67A-331.00	An Giang			
5401	64C-135.13	Vĩnh Long	7001	67A-334.68	An Giang			
5402	65A-516.17	Cần Thơ	7002	67B-030.31	An Giang			
5403	65A-519.00	Cần Thơ	7003	67B-032.32	An Giang			
5404	65A-523.79	Cần Thơ	7004	67C-191.19	An Giang			
5405	65A-527.00	Cần Thơ	7005	67C-195.89	An Giang			
5406	65A-528.86	Cần Thơ	7006	68A-365.22	Kiên Giang			
5407	65C-249.00	Cần Thơ	7007	68A-377.79	Kiên Giang			
5408	65C-250.55	Cần Thơ	7008	68C-181.44	Kiên Giang			
5409	65C-251.66	Cần Thơ	7009	68C-184.33	Kiên Giang			
5410	65C-254.77	Cần Thơ	7010	68D-010.39	Kiên Giang			
5411	65C-264.22	Cần Thơ	7011	69A-170.71	Cà Mau			
5412	65C-269.86	Cần Thơ	7012	69A-172.88	Cà Mau			
5413	65D-014.22	Cần Thơ	7013	69A-173.00	Cà Mau			
5414	66A-311.86	Đồng Tháp	7014	69A-174.75	Cà Mau			
5415	66A-311.99	Đồng Tháp	7015	69A-176.00	Cà Mau			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	66B-025.26	Đồng Tháp	7016	69B-015.22	Cà Mau			
5417	66C-186.00	Đồng Tháp	7017	69B-016.88	Cà Mau			
5418	66D-012.99	Đồng Tháp	7018	69C-104.39	Cà Mau			
5419	66D-015.01	Đồng Tháp	7019	69C-105.11	Cà Mau			
5420	67A-333.03	An Giang	7020	69C-107.22	Cà Mau			
5421	67A-333.13	An Giang	7021	70A-585.11	Tây Ninh			
5422	67A-335.68	An Giang	7022	70A-587.69	Tây Ninh			
5423	67A-335.88	An Giang	7023	70A-587.99	Tây Ninh			
5424	67A-337.44	An Giang	7024	70A-593.33	Tây Ninh			
5425	67A-342.69	An Giang	7025	70A-594.59	Tây Ninh			
5426	67D-011.44	An Giang	7026	70A-596.89	Tây Ninh			
5427	67D-012.68	An Giang	7027	70A-609.22	Tây Ninh			
5428	68A-367.00	Kiên Giang	7028	70A-614.99	Tây Ninh			
5429	68A-370.11	Kiên Giang	7029	70C-214.88	Tây Ninh			
5430	68A-370.89	Kiên Giang	7030	70C-218.33	Tây Ninh			
5431	68A-371.89	Kiên Giang	7031	70C-219.86	Tây Ninh			
5432	68A-376.89	Kiên Giang	7032	70D-011.44	Tây Ninh			
5433	68C-181.22	Kiên Giang	7033	70D-013.86	Tây Ninh			
5434	69A-170.33	Cà Mau	7034	71A-215.22	Bến Tre			
5435	69A-170.44	Cà Mau	7035	71A-216.89	Bến Tre			
5436	69C-105.10	Cà Mau	7036	71B-023.68	Bến Tre			
5437	69C-105.50	Cà Mau	7037	71C-135.55	Bến Tre			
5438	69C-107.01	Cà Mau	7038	71D-007.77	Bến Tre			
5439	69D-006.39	Cà Mau	7039	71D-009.55	Bến Tre			
5440	69D-006.89	Cà Mau	7040	72A-848.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5441	70A-584.99	Tây Ninh	7041	72A-860.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5442	70A-586.77	Tây Ninh	7042	72A-861.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5443	70A-587.00	Tây Ninh	7043	72A-864.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5444	70A-589.96	Tây Ninh	7044	72A-876.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5445	70A-591.99	Tây Ninh	7045	72B-048.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5446	70A-594.94	Tây Ninh	7046	72C-270.07	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5447	70A-597.11	Tây Ninh	7047	72C-276.72	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5448	70A-608.11	Tây Ninh	7048	72C-276.76	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5449	70C-214.99	Tây Ninh	7049	72C-277.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5450	70C-215.51	Tây Ninh	7050	72C-279.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5451	70C-218.89	Tây Ninh	7051	72C-281.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5452	70C-219.98	Tây Ninh	7052	72C-281.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5453	70D-012.01	Tây Ninh	7053	72D-016.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5454	71A-216.44	Bến Tre	7054	73A-373.22	Quảng Bình			
5455	71B-022.89	Bến Tre	7055	73A-379.11	Quảng Bình			
5456	71C-134.69	Bến Tre	7056	73A-379.96	Quảng Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	71C-136.77	Bến Tre	7057	73A-379.97	Quảng Bình			
5458	71C-138.55	Bến Tre	7058	73A-380.33	Quảng Bình			
5459	71D-008.86	Bến Tre	7059	73B-018.19	Quảng Bình			
5460	72A-843.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	7060	73C-195.91	Quảng Bình			
5461	72A-847.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7061	73C-197.44	Quảng Bình			
5462	72A-848.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7062	73D-010.01	Quảng Bình			
5463	72A-850.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7063	74A-280.39	Quảng Trị			
5464	72A-852.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7064	74A-280.44	Quảng Trị			
5465	72A-854.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7065	74A-282.28	Quảng Trị			
5466	72A-865.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	7066	74A-284.39	Quảng Trị			
5467	72A-871.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	7067	74A-285.39	Quảng Trị			
5468	72A-880.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7068	74C-149.00	Quảng Trị			
5469	72C-271.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	7069	74D-012.13	Quảng Trị			
5470	72C-272.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7070	74D-013.68	Quảng Trị			
5471	72C-272.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	7071	74D-015.15	Quảng Trị			
5472	72C-280.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	7072	75A-387.55	Thừa Thiên Huế			
5473	72C-280.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7073	75A-394.33	Thừa Thiên Huế			
5474	72D-014.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7074	75A-394.88	Thừa Thiên Huế			
5475	72D-015.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7075	75A-402.79	Thừa Thiên Huế			
5476	72D-016.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	7076	76A-332.68	Quảng Ngãi			
5477	73A-375.86	Quảng Bình	7077	76A-334.99	Quảng Ngãi			
5478	73A-378.73	Quảng Bình	7078	76B-027.77	Quảng Ngãi			
5479	73A-380.83	Quảng Bình	7079	77A-356.69	Bình Định			
5480	73A-381.00	Quảng Bình	7080	77A-361.11	Bình Định			
5481	73B-018.10	Quảng Bình	7081	77A-371.33	Bình Định			
5482	73C-192.86	Quảng Bình	7082	77C-262.99	Bình Định			
5483	73C-194.22	Quảng Bình	7083	77C-264.89	Bình Định			
5484	73D-010.99	Quảng Bình	7084	77D-007.08	Bình Định			
5485	74A-278.68	Quảng Trị	7085	77D-010.39	Bình Định			
5486	74A-285.44	Quảng Trị	7086	78A-220.69	Phú Yên			
5487	74B-020.33	Quảng Trị	7087	78A-221.21	Phú Yên			
5488	74C-150.11	Quảng Trị	7088	78A-221.89	Phú Yên			
5489	75A-396.00	Thừa Thiên Huế	7089	78A-222.35	Phú Yên			
5490	75A-399.44	Thừa Thiên Huế	7090	78B-019.44	Phú Yên			
5491	75C-164.89	Thừa Thiên Huế	7091	78C-128.82	Phú Yên			
5492	76A-329.00	Quảng Ngãi	7092	78C-130.00	Phú Yên			
5493	76A-330.69	Quảng Ngãi	7093	79A-570.22	Khánh Hòa			
5494	76A-331.77	Quảng Ngãi	7094	79A-579.77	Khánh Hòa			
5495	76A-333.24	Quảng Ngãi	7095	79A-582.89	Khánh Hòa			
5496	76A-333.99	Quảng Ngãi	7096	79A-583.68	Khánh Hòa			
5497	76A-335.77	Quảng Ngãi	7097	79A-591.99	Khánh Hòa			

T.H.D
HÀ NỘI

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	76B-030.79	Quảng Ngãi	7098	79A-592.95	Khánh Hòa			
5499	76D-013.55	Quảng Ngãi	7099	79A-594.68	Khánh Hòa			
5500	77A-358.79	Bình Định	7100	79A-594.86	Khánh Hòa			
5501	77A-361.89	Bình Định	7101	79B-043.55	Khánh Hòa			
5502	77B-038.55	Bình Định	7102	79B-045.77	Khánh Hòa			
5503	77C-262.77	Bình Định	7103	79D-014.39	Khánh Hòa			
5504	77D-009.39	Bình Định	7104	81A-455.77	Gia Lai			
5505	78A-218.68	Phú Yên	7105	81A-455.99	Gia Lai			
5506	79A-576.89	Khánh Hòa	7106	81A-472.69	Gia Lai			
5507	79A-580.33	Khánh Hòa	7107	81C-283.68	Gia Lai			
5508	79A-582.88	Khánh Hòa	7108	81D-016.10	Gia Lai			
5509	79A-588.00	Khánh Hòa	7109	82A-161.55	Kon Tum			
5510	79C-228.89	Khánh Hòa	7110	82B-023.11	Kon Tum			
5511	79C-230.11	Khánh Hòa	7111	82D-012.86	Kon Tum			
5512	79C-231.99	Khánh Hòa	7112	82D-013.39	Kon Tum			
5513	79D-010.77	Khánh Hòa	7113	82D-013.89	Kon Tum			
5514	81A-454.88	Gia Lai	7114	82D-014.69	Kon Tum			
5515	81A-462.62	Gia Lai	7115	83C-137.31	Sóc Trăng			
5516	81A-464.79	Gia Lai	7116	84A-146.89	Trà Vinh			
5517	81A-470.47	Gia Lai	7117	84A-147.55	Trà Vinh			
5518	81A-472.99	Gia Lai	7118	84B-022.55	Trà Vinh			
5519	81B-029.22	Gia Lai	7119	84C-124.42	Trà Vinh			
5520	81B-030.22	Gia Lai	7120	84C-128.55	Trà Vinh			
5521	81C-293.88	Gia Lai	7121	85A-153.22	Ninh Thuận			
5522	81C-294.94	Gia Lai	7122	85B-016.61	Ninh Thuận			
5523	81C-295.22	Gia Lai	7123	85C-087.66	Ninh Thuận			
5524	82A-159.11	Kon Tum	7124	86A-326.33	Bình Thuận			
5525	82B-022.86	Kon Tum	7125	86A-326.44	Bình Thuận			
5526	82C-097.55	Kon Tum	7126	86A-328.55	Bình Thuận			
5527	82C-098.33	Kon Tum	7127	86A-332.69	Bình Thuận			
5528	82D-012.77	Kon Tum	7128	86B-027.88	Bình Thuận			
5529	83A-197.77	Sóc Trăng	7129	86B-028.39	Bình Thuận			
5530	83C-133.44	Sóc Trăng	7130	86D-007.39	Bình Thuận			
5531	83C-134.99	Sóc Trăng	7131	88A-792.92	Vĩnh Phúc			
5532	84A-153.35	Trà Vinh	7132	88A-801.86	Vĩnh Phúc			
5533	84B-021.21	Trà Vinh	7133	88A-805.77	Vĩnh Phúc			
5534	84D-009.00	Trà Vinh	7134	88A-805.99	Vĩnh Phúc			
5535	85A-149.14	Ninh Thuận	7135	88A-807.39	Vĩnh Phúc			
5536	85A-150.15	Ninh Thuận	7136	88A-812.77	Vĩnh Phúc			
5537	85B-014.68	Ninh Thuận	7137	88A-828.79	Vĩnh Phúc			
5538	86B-026.26	Bình Thuận	7138	88C-310.33	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	86D-006.99	Bình Thuận	7139	88C-311.44	Vĩnh Phúc			
5540	88A-788.69	Vĩnh Phúc	7140	88C-312.21	Vĩnh Phúc			
5541	88A-790.97	Vĩnh Phúc	7141	88C-324.25	Vĩnh Phúc			
5542	88A-806.55	Vĩnh Phúc	7142	89A-532.32	Hưng Yên			
5543	88A-806.68	Vĩnh Phúc	7143	89A-532.68	Hưng Yên			
5544	88A-828.33	Vĩnh Phúc	7144	89A-536.55	Hưng Yên			
5545	88B-021.69	Vĩnh Phúc	7145	89A-538.77	Hưng Yên			
5546	88C-314.13	Vĩnh Phúc	7146	89A-541.79	Hưng Yên			
5547	88C-314.77	Vĩnh Phúc	7147	89A-548.69	Hưng Yên			
5548	88C-319.33	Vĩnh Phúc	7148	89A-549.69	Hưng Yên			
5549	88C-324.00	Vĩnh Phúc	7149	89A-550.22	Hưng Yên			
5550	89A-533.22	Hưng Yên	7150	89A-567.33	Hưng Yên			
5551	89A-552.44	Hưng Yên	7151	89B-025.20	Hưng Yên			
5552	89A-555.67	Hưng Yên	7152	89C-358.99	Hưng Yên			
5553	89A-556.77	Hưng Yên	7153	89D-024.33	Hưng Yên			
5554	89A-557.33	Hưng Yên	7154	90A-293.33	Hà Nam			
5555	89A-562.26	Hưng Yên	7155	90A-297.39	Hà Nam			
5556	89B-027.20	Hưng Yên	7156	90A-299.66	Hà Nam			
5557	89B-028.20	Hưng Yên	7157	90C-156.88	Hà Nam			
5558	89C-350.88	Hưng Yên	7158	92A-445.33	Quảng Nam			
5559	89C-352.33	Hưng Yên	7159	92D-014.00	Quảng Nam			
5560	90A-288.44	Hà Nam	7160	92D-016.55	Quảng Nam			
5561	90A-289.55	Hà Nam	7161	92D-016.69	Quảng Nam			
5562	90A-298.68	Hà Nam	7162	93A-514.66	Bình Phước			
5563	90B-013.99	Hà Nam	7163	93A-521.88	Bình Phước			
5564	90C-155.79	Hà Nam	7164	93B-022.23	Bình Phước			
5565	92A-438.83	Quảng Nam	7165	93B-023.55	Bình Phước			
5566	92A-440.88	Quảng Nam	7166	93C-201.55	Bình Phước			
5567	92A-443.68	Quảng Nam	7167	93C-203.39	Bình Phước			
5568	92A-444.59	Quảng Nam	7168	93C-206.02	Bình Phước			
5569	92A-448.66	Quảng Nam	7169	93D-008.77	Bình Phước			
5570	92C-261.00	Quảng Nam	7170	94A-112.99	Bạc Liêu			
5571	92C-261.33	Quảng Nam	7171	94B-014.66	Bạc Liêu			
5572	92C-264.99	Quảng Nam	7172	94C-085.44	Bạc Liêu			
5573	92D-015.33	Quảng Nam	7173	94D-008.09	Bạc Liêu			
5574	93A-509.05	Bình Phước	7174	95A-141.39	Hậu Giang			
5575	93A-513.15	Bình Phước	7175	95A-141.88	Hậu Giang			
5576	93A-513.31	Bình Phước	7176	95C-090.91	Hậu Giang			
5577	93B-022.89	Bình Phước	7177	97A-095.86	Bắc Kạn			
5578	93C-203.03	Bình Phước	7178	97A-096.97	Bắc Kạn			
5579	93C-206.00	Bình Phước	7179	97B-016.10	Bắc Kạn			

1. Đ
 CÔ
 ĐÃ
 HỢP
 VIỆ
 4 XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	93D-010.33	Bình Phước	7180	97D-010.79	Bắc Kạn			
5581	94A-113.00	Bạc Liêu	7181	98A-865.77	Bắc Giang			
5582	94B-018.00	Bạc Liêu	7182	98A-867.11	Bắc Giang			
5583	94B-018.44	Bạc Liêu	7183	98A-874.88	Bắc Giang			
5584	94D-005.44	Bạc Liêu	7184	98A-875.77	Bắc Giang			
5585	95C-090.89	Hậu Giang	7185	98A-885.68	Bắc Giang			
5586	95D-027.00	Hậu Giang	7186	98A-905.00	Bắc Giang			
5587	97A-097.86	Bắc Kạn	7187	98B-044.68	Bắc Giang			
5588	97B-018.39	Bắc Kạn	7188	98B-046.55	Bắc Giang			
5589	97C-051.33	Bắc Kạn	7189	98C-377.79	Bắc Giang			
5590	97D-007.88	Bắc Kạn	7190	98C-380.86	Bắc Giang			
5591	98A-864.64	Bắc Giang	7191	98C-382.00	Bắc Giang			
5592	98A-877.22	Bắc Giang	7192	98C-384.33	Bắc Giang			
5593	98A-885.86	Bắc Giang	7193	98C-385.85	Bắc Giang			
5594	98A-887.44	Bắc Giang	7194	98C-391.39	Bắc Giang			
5595	98A-887.69	Bắc Giang	7195	98C-396.55	Bắc Giang			
5596	98A-888.47	Bắc Giang	7196	99A-856.86	Bắc Ninh			
5597	98A-899.77	Bắc Giang	7197	99A-857.55	Bắc Ninh			
5598	98A-901.02	Bắc Giang	7198	99A-857.58	Bắc Ninh			
5599	98A-904.05	Bắc Giang	7199	99A-857.86	Bắc Ninh			
5600	98A-907.77	Bắc Giang	7200	99A-860.00	Bắc Ninh			
5601	98C-376.99	Bắc Giang	7201	99A-861.55	Bắc Ninh			
5602	98C-378.99	Bắc Giang	7202	99A-862.88	Bắc Ninh			
5603	98C-388.38	Bắc Giang	7203	99A-863.79	Bắc Ninh			
5604	99A-864.88	Bắc Ninh	7204	99A-870.55	Bắc Ninh			
5605	99A-871.68	Bắc Ninh	7205	99A-873.78	Bắc Ninh			
5606	99A-875.77	Bắc Ninh	7206	99A-876.86	Bắc Ninh			
5607	99A-880.77	Bắc Ninh	7207	99A-888.45	Bắc Ninh			
5608	99A-891.89	Bắc Ninh	7208	99A-894.22	Bắc Ninh			
5609	99C-330.66	Bắc Ninh	7209	99C-332.44	Bắc Ninh			
5610	99C-332.89	Bắc Ninh	7210	99C-335.22	Bắc Ninh			
5611	99C-333.01	Bắc Ninh	7211	99C-337.55	Bắc Ninh			
5612	99C-338.69	Bắc Ninh	7212	99C-338.00	Bắc Ninh			
5613	99C-343.00	Bắc Ninh	7213	99D-025.68	Bắc Ninh			
5614	11B-015.35	Cao Bằng	7214	11A-137.16	Cao Bằng			
5615	11C-089.25	Cao Bằng	7215	11B-015.38	Cao Bằng			
5616	11D-011.58	Cao Bằng	7216	11D-012.63	Cao Bằng			
5617	11D-011.98	Cao Bằng	7217	12A-267.95	Lạng Sơn			
5618	11D-012.58	Cao Bằng	7218	12A-267.98	Lạng Sơn			
5619	12C-145.35	Lạng Sơn	7219	12B-016.83	Lạng Sơn			
5620	14A-992.96	Quảng Ninh	7220	12C-141.65	Lạng Sơn			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	14A-994.08	Quảng Ninh	7221	12C-143.28	Lạng Sơn			
5622	14B-056.29	Quảng Ninh	7222	12C-144.96	Lạng Sơn			
5623	14C-458.65	Quảng Ninh	7223	14A-996.98	Quảng Ninh			
5624	14C-462.06	Quảng Ninh	7224	14B-053.25	Quảng Ninh			
5625	14K-003.65	Quảng Ninh	7225	14C-459.63	Quảng Ninh			
5626	14K-005.56	Quảng Ninh	7226	14C-463.35	Quảng Ninh			
5627	14K-009.63	Quảng Ninh	7227	14D-029.83	Quảng Ninh			
5628	14K-011.98	Quảng Ninh	7228	14D-032.38	Quảng Ninh			
5629	14K-013.58	Quảng Ninh	7229	14K-001.29	Quảng Ninh			
5630	14K-017.15	Quảng Ninh	7230	14K-002.58	Quảng Ninh			
5631	14K-022.09	Quảng Ninh	7231	14K-003.96	Quảng Ninh			
5632	14K-023.38	Quảng Ninh	7232	14K-008.98	Quảng Ninh			
5633	14K-024.65	Quảng Ninh	7233	14K-011.56	Quảng Ninh			
5634	14K-028.56	Quảng Ninh	7234	14K-025.96	Quảng Ninh			
5635	14K-031.16	Quảng Ninh	7235	14K-027.36	Quảng Ninh			
5636	14K-038.18	Quảng Ninh	7236	14K-041.25	Quảng Ninh			
5637	14K-039.63	Quảng Ninh	7237	14K-043.36	Quảng Ninh			
5638	14K-040.06	Quảng Ninh	7238	14K-046.36	Quảng Ninh			
5639	14K-040.96	Quảng Ninh	7239	15B-055.06	Hải Phòng			
5640	14K-041.63	Quảng Ninh	7240	15B-056.83	Hải Phòng			
5641	14K-041.83	Quảng Ninh	7241	15C-482.96	Hải Phòng			
5642	15B-055.28	Hải Phòng	7242	15C-484.25	Hải Phòng			
5643	15B-058.15	Hải Phòng	7243	15C-486.28	Hải Phòng			
5644	15C-485.15	Hải Phòng	7244	15K-426.56	Hải Phòng			
5645	15C-489.09	Hải Phòng	7245	15K-430.95	Hải Phòng			
5646	15C-489.25	Hải Phòng	7246	15K-435.96	Hải Phòng			
5647	15C-491.26	Hải Phòng	7247	15K-437.08	Hải Phòng			
5648	15C-495.25	Hải Phòng	7248	15K-440.59	Hải Phòng			
5649	15C-496.38	Hải Phòng	7249	15K-447.18	Hải Phòng			
5650	15D-055.95	Hải Phòng	7250	15K-449.19	Hải Phòng			
5651	15K-426.08	Hải Phòng	7251	15K-451.06	Hải Phòng			
5652	15K-430.36	Hải Phòng	7252	15K-453.56	Hải Phòng			
5653	15K-435.08	Hải Phòng	7253	15K-454.09	Hải Phòng			
5654	15K-435.28	Hải Phòng	7254	15K-458.95	Hải Phòng			
5655	15K-439.36	Hải Phòng	7255	15K-475.26	Hải Phòng			
5656	15K-446.06	Hải Phòng	7256	15K-482.15	Hải Phòng			
5657	15K-446.38	Hải Phòng	7257	15K-492.35	Hải Phòng			
5658	15K-450.85	Hải Phòng	7258	15K-496.18	Hải Phòng			
5659	15K-453.16	Hải Phòng	7259	15K-498.08	Hải Phòng			
5660	15K-456.38	Hải Phòng	7260	15K-498.63	Hải Phòng			
5661	15K-457.18	Hải Phòng	7261	15K-500.26	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	15K-460.35	Hải Phòng	7262	17A-500.08	Thái Bình			
5663	15K-467.28	Hải Phòng	7263	17A-501.35	Thái Bình			
5664	15K-473.95	Hải Phòng	7264	17A-506.26	Thái Bình			
5665	15K-473.96	Hải Phòng	7265	17A-510.85	Thái Bình			
5666	15K-475.06	Hải Phòng	7266	17A-512.83	Thái Bình			
5667	15K-479.16	Hải Phòng	7267	17B-030.96	Thái Bình			
5668	15K-482.56	Hải Phòng	7268	17C-219.36	Thái Bình			
5669	15K-484.58	Hải Phòng	7269	17D-013.56	Thái Bình			
5670	15K-489.63	Hải Phòng	7270	18A-492.85	Nam Định			
5671	15K-492.59	Hải Phòng	7271	18A-498.29	Nam Định			
5672	15K-499.08	Hải Phòng	7272	18A-500.95	Nam Định			
5673	15K-499.35	Hải Phòng	7273	18C-176.85	Nam Định			
5674	15K-508.16	Hải Phòng	7274	18C-177.63	Nam Định			
5675	17A-503.83	Thái Bình	7275	19A-717.19	Phú Thọ			
5676	17A-504.58	Thái Bình	7276	19A-717.26	Phú Thọ			
5677	17A-506.29	Thái Bình	7277	19A-724.19	Phú Thọ			
5678	17A-512.56	Thái Bình	7278	19A-734.25	Phú Thọ			
5679	17A-513.38	Thái Bình	7279	19A-737.29	Phú Thọ			
5680	17B-032.85	Thái Bình	7280	19A-741.36	Phú Thọ			
5681	17C-218.58	Thái Bình	7281	19A-742.65	Phú Thọ			
5682	17D-013.36	Thái Bình	7282	19A-754.95	Phú Thọ			
5683	17D-013.59	Thái Bình	7283	19C-275.29	Phú Thọ			
5684	17D-016.09	Thái Bình	7284	19D-021.19	Phú Thọ			
5685	18A-491.06	Nam Định	7285	20A-867.15	Thái Nguyên			
5686	18A-505.83	Nam Định	7286	20A-867.28	Thái Nguyên			
5687	18D-015.58	Nam Định	7287	20A-867.83	Thái Nguyên			
5688	18D-015.59	Nam Định	7288	20A-872.59	Thái Nguyên			
5689	18D-018.06	Nam Định	7289	20A-876.59	Thái Nguyên			
5690	19A-722.58	Phú Thọ	7290	20A-884.98	Thái Nguyên			
5691	19A-727.09	Phú Thọ	7291	20A-902.96	Thái Nguyên			
5692	19A-737.15	Phú Thọ	7292	20A-903.26	Thái Nguyên			
5693	19A-748.19	Phú Thọ	7293	20A-906.56	Thái Nguyên			
5694	19A-751.16	Phú Thọ	7294	20C-312.28	Thái Nguyên			
5695	19A-754.25	Phú Thọ	7295	20C-318.16	Thái Nguyên			
5696	19C-271.28	Phú Thọ	7296	20C-320.25	Thái Nguyên			
5697	19C-275.59	Phú Thọ	7297	20C-323.58	Thái Nguyên			
5698	19D-019.09	Phú Thọ	7298	20D-032.25	Thái Nguyên			
5699	20A-866.09	Thái Nguyên	7299	20D-035.96	Thái Nguyên			
5700	20A-871.35	Thái Nguyên	7300	21A-225.59	Yên Bái			
5701	20A-878.35	Thái Nguyên	7301	21A-228.19	Yên Bái			
5702	20A-882.58	Thái Nguyên	7302	21B-014.65	Yên Bái			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	20A-883.25	Thái Nguyên	7303	21D-007.15	Yên Bái			
5704	20A-885.28	Thái Nguyên	7304	22A-273.85	Tuyên Quang			
5705	20A-890.36	Thái Nguyên	7305	22B-016.65	Tuyên Quang			
5706	20A-904.36	Thái Nguyên	7306	22C-113.29	Tuyên Quang			
5707	20C-317.65	Thái Nguyên	7307	22C-114.26	Tuyên Quang			
5708	20C-317.98	Thái Nguyên	7308	22D-012.26	Tuyên Quang			
5709	20C-322.96	Thái Nguyên	7309	22D-012.63	Tuyên Quang			
5710	20D-034.83	Thái Nguyên	7310	22D-013.35	Tuyên Quang			
5711	21A-227.36	Yên Bái	7311	23B-012.08	Hà Giang			
5712	21A-231.06	Yên Bái	7312	23B-012.36	Hà Giang			
5713	21B-015.06	Yên Bái	7313	24A-317.16	Lào Cai			
5714	21B-015.59	Yên Bái	7314	24A-318.09	Lào Cai			
5715	21D-008.59	Yên Bái	7315	24A-318.65	Lào Cai			
5716	21D-009.36	Yên Bái	7316	24A-320.95	Lào Cai			
5717	22A-272.58	Tuyên Quang	7317	24A-322.83	Lào Cai			
5718	22A-273.08	Tuyên Quang	7318	24A-324.18	Lào Cai			
5719	22A-275.08	Tuyên Quang	7319	24B-020.18	Lào Cai			
5720	22A-279.59	Tuyên Quang	7320	24C-166.18	Lào Cai			
5721	22B-018.15	Tuyên Quang	7321	24D-012.59	Lào Cai			
5722	22D-010.25	Tuyên Quang	7322	25B-009.06	Lai Châu			
5723	22D-010.83	Tuyên Quang	7323	25B-010.29	Lai Châu			
5724	23A-170.26	Hà Giang	7324	25B-011.19	Lai Châu			
5725	23B-014.29	Hà Giang	7325	25C-060.36	Lai Châu			
5726	23C-091.96	Hà Giang	7326	25C-061.19	Lai Châu			
5727	23C-092.58	Hà Giang	7327	25C-063.29	Lai Châu			
5728	23C-093.25	Hà Giang	7328	25D-009.06	Lai Châu			
5729	24A-322.36	Lào Cai	7329	26A-237.65	Sơn La			
5730	24D-010.98	Lào Cai	7330	26A-238.96	Sơn La			
5731	25A-087.16	Lai Châu	7331	26A-242.15	Sơn La			
5732	25B-011.28	Lai Châu	7332	26A-242.96	Sơn La			
5733	25C-060.08	Lai Châu	7333	26A-243.95	Sơn La			
5734	26A-245.15	Sơn La	7334	26A-245.16	Sơn La			
5735	26C-166.56	Sơn La	7335	26B-020.16	Sơn La			
5736	26C-167.19	Sơn La	7336	26B-022.29	Sơn La			
5737	27B-017.08	Điện Biên	7337	26C-166.83	Sơn La			
5738	28A-262.35	Hòa Bình	7338	26C-169.19	Sơn La			
5739	28B-017.96	Hòa Bình	7339	27B-014.65	Điện Biên			
5740	28C-124.85	Hòa Bình	7340	28A-263.25	Hòa Bình			
5741	28C-126.96	Hòa Bình	7341	28A-271.35	Hòa Bình			
5742	29B-662.09	Hà Nội	7342	28D-012.09	Hòa Bình			
5743	29D-639.19	Hà Nội	7343	29B-662.25	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	29D-641.25	Hà Nội	7344	29D-627.59	Hà Nội			
5745	29K-326.59	Hà Nội	7345	29D-627.95	Hà Nội			
5746	29K-331.85	Hà Nội	7346	29D-630.56	Hà Nội			
5747	29K-335.83	Hà Nội	7347	29D-636.09	Hà Nội			
5748	29K-344.35	Hà Nội	7348	29K-334.65	Hà Nội			
5749	29K-348.98	Hà Nội	7349	29K-339.56	Hà Nội			
5750	29K-354.58	Hà Nội	7350	29K-352.15	Hà Nội			
5751	29K-357.19	Hà Nội	7351	29K-352.26	Hà Nội			
5752	29K-358.95	Hà Nội	7352	29K-357.15	Hà Nội			
5753	29K-364.06	Hà Nội	7353	29K-363.06	Hà Nội			
5754	29K-364.25	Hà Nội	7354	29K-363.65	Hà Nội			
5755	29K-368.29	Hà Nội	7355	29K-365.28	Hà Nội			
5756	29K-369.85	Hà Nội	7356	29K-371.36	Hà Nội			
5757	29K-369.95	Hà Nội	7357	29K-375.35	Hà Nội			
5758	29K-370.26	Hà Nội	7358	29K-376.85	Hà Nội			
5759	29K-371.59	Hà Nội	7359	29K-376.96	Hà Nội			
5760	29K-373.19	Hà Nội	7360	29K-377.06	Hà Nội			
5761	29K-374.96	Hà Nội	7361	29K-377.63	Hà Nội			
5762	29K-375.83	Hà Nội	7362	29K-381.09	Hà Nội			
5763	29K-376.56	Hà Nội	7363	29K-386.59	Hà Nội			
5764	29K-379.95	Hà Nội	7364	29K-400.26	Hà Nội			
5765	29K-386.28	Hà Nội	7365	29K-403.25	Hà Nội			
5766	29K-394.65	Hà Nội	7366	29K-403.63	Hà Nội			
5767	29K-396.38	Hà Nội	7367	29K-404.28	Hà Nội			
5768	29K-398.16	Hà Nội	7368	29K-404.58	Hà Nội			
5769	29K-398.26	Hà Nội	7369	29K-409.63	Hà Nội			
5770	29K-399.65	Hà Nội	7370	29K-409.65	Hà Nội			
5771	29K-402.28	Hà Nội	7371	29K-417.06	Hà Nội			
5772	29K-406.16	Hà Nội	7372	29K-437.65	Hà Nội			
5773	29K-406.65	Hà Nội	7373	29K-444.83	Hà Nội			
5774	29K-407.16	Hà Nội	7374	29K-454.26	Hà Nội			
5775	29K-407.95	Hà Nội	7375	29K-466.28	Hà Nội			
5776	29K-408.26	Hà Nội	7376	29K-468.95	Hà Nội			
5777	29K-409.85	Hà Nội	7377	30M-033.65	Hà Nội			
5778	29K-414.96	Hà Nội	7378	30M-035.98	Hà Nội			
5779	29K-416.25	Hà Nội	7379	30M-044.95	Hà Nội			
5780	29K-417.25	Hà Nội	7380	30M-046.29	Hà Nội			
5781	29K-424.83	Hà Nội	7381	30M-049.63	Hà Nội			
5782	29K-431.06	Hà Nội	7382	30M-055.29	Hà Nội			
5783	29K-434.09	Hà Nội	7383	30M-062.96	Hà Nội			
5784	29K-435.98	Hà Nội	7384	30M-069.63	Hà Nội			

Y
A
VH
IM
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	29K-436.38	Hà Nội	7385	30M-071.26	Hà Nội			
5786	29K-436.83	Hà Nội	7386	30M-077.16	Hà Nội			
5787	29K-439.16	Hà Nội	7387	30M-085.63	Hà Nội			
5788	29K-441.38	Hà Nội	7388	30M-093.26	Hà Nội			
5789	29K-444.98	Hà Nội	7389	30M-103.15	Hà Nội			
5790	29K-445.15	Hà Nội	7390	30M-105.08	Hà Nội			
5791	29K-446.19	Hà Nội	7391	30M-108.36	Hà Nội			
5792	29K-461.25	Hà Nội	7392	30M-114.38	Hà Nội			
5793	29K-463.09	Hà Nội	7393	30M-118.98	Hà Nội			
5794	30M-038.63	Hà Nội	7394	30M-120.95	Hà Nội			
5795	30M-042.26	Hà Nội	7395	30M-127.29	Hà Nội			
5796	30M-049.95	Hà Nội	7396	30M-127.36	Hà Nội			
5797	30M-050.19	Hà Nội	7397	30M-127.98	Hà Nội			
5798	30M-052.65	Hà Nội	7398	30M-136.06	Hà Nội			
5799	30M-053.29	Hà Nội	7399	30M-138.98	Hà Nội			
5800	30M-053.36	Hà Nội	7400	30M-141.65	Hà Nội			
5801	30M-059.58	Hà Nội	7401	30M-144.38	Hà Nội			
5802	30M-060.15	Hà Nội	7402	30M-152.65	Hà Nội			
5803	30M-062.25	Hà Nội	7403	30M-155.25	Hà Nội			
5804	30M-064.15	Hà Nội	7404	30M-158.35	Hà Nội			
5805	30M-065.16	Hà Nội	7405	30M-161.56	Hà Nội			
5806	30M-067.25	Hà Nội	7406	30M-162.06	Hà Nội			
5807	30M-069.59	Hà Nội	7407	30M-167.08	Hà Nội			
5808	30M-074.38	Hà Nội	7408	30M-170.59	Hà Nội			
5809	30M-078.56	Hà Nội	7409	30M-173.85	Hà Nội			
5810	30M-089.65	Hà Nội	7410	30M-174.06	Hà Nội			
5811	30M-091.95	Hà Nội	7411	30M-180.35	Hà Nội			
5812	30M-092.59	Hà Nội	7412	30M-184.38	Hà Nội			
5813	30M-092.83	Hà Nội	7413	30M-191.29	Hà Nội			
5814	30M-093.28	Hà Nội	7414	30M-210.19	Hà Nội			
5815	30M-095.63	Hà Nội	7415	30M-215.85	Hà Nội			
5816	30M-097.63	Hà Nội	7416	30M-223.28	Hà Nội			
5817	30M-099.29	Hà Nội	7417	30M-223.83	Hà Nội			
5818	30M-100.65	Hà Nội	7418	30M-228.65	Hà Nội			
5819	30M-101.83	Hà Nội	7419	30M-243.18	Hà Nội			
5820	30M-102.16	Hà Nội	7420	30M-258.63	Hà Nội			
5821	30M-113.98	Hà Nội	7421	30M-272.35	Hà Nội			
5822	30M-116.06	Hà Nội	7422	30M-273.28	Hà Nội			
5823	30M-116.26	Hà Nội	7423	30M-275.15	Hà Nội			
5824	30M-118.85	Hà Nội	7424	30M-279.35	Hà Nội			
5825	30M-122.06	Hà Nội	7425	30M-287.35	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-129.26	Hà Nội	7426	30M-289.59	Hà Nội			
5827	30M-132.58	Hà Nội	7427	30M-291.09	Hà Nội			
5828	30M-134.16	Hà Nội	7428	30M-291.56	Hà Nội			
5829	30M-135.19	Hà Nội	7429	30M-304.38	Hà Nội			
5830	30M-146.26	Hà Nội	7430	30M-307.29	Hà Nội			
5831	30M-151.36	Hà Nội	7431	30M-308.29	Hà Nội			
5832	30M-161.65	Hà Nội	7432	30M-310.06	Hà Nội			
5833	30M-162.95	Hà Nội	7433	30M-311.59	Hà Nội			
5834	30M-168.25	Hà Nội	7434	30M-331.26	Hà Nội			
5835	30M-173.29	Hà Nội	7435	30M-345.63	Hà Nội			
5836	30M-182.63	Hà Nội	7436	30M-351.06	Hà Nội			
5837	30M-210.98	Hà Nội	7437	30M-353.16	Hà Nội			
5838	30M-218.09	Hà Nội	7438	30M-361.56	Hà Nội			
5839	30M-228.15	Hà Nội	7439	30M-369.26	Hà Nội			
5840	30M-232.36	Hà Nội	7440	30M-371.08	Hà Nội			
5841	30M-235.28	Hà Nội	7441	30M-373.19	Hà Nội			
5842	30M-238.09	Hà Nội	7442	30M-387.98	Hà Nội			
5843	30M-241.85	Hà Nội	7443	30M-389.58	Hà Nội			
5844	30M-248.08	Hà Nội	7444	30M-396.18	Hà Nội			
5845	30M-249.08	Hà Nội	7445	30M-413.19	Hà Nội			
5846	30M-249.38	Hà Nội	7446	30M-416.36	Hà Nội			
5847	30M-252.16	Hà Nội	7447	30M-417.56	Hà Nội			
5848	30M-255.28	Hà Nội	7448	30M-418.15	Hà Nội			
5849	30M-257.65	Hà Nội	7449	30M-420.85	Hà Nội			
5850	30M-272.29	Hà Nội	7450	34A-919.09	Hải Dương			
5851	30M-273.15	Hà Nội	7451	34A-937.59	Hải Dương			
5852	30M-278.96	Hà Nội	7452	34A-940.98	Hải Dương			
5853	30M-284.98	Hà Nội	7453	34A-946.25	Hải Dương			
5854	30M-285.06	Hà Nội	7454	34A-947.19	Hải Dương			
5855	30M-287.15	Hà Nội	7455	34A-949.15	Hải Dương			
5856	30M-296.85	Hà Nội	7456	34A-949.63	Hải Dương			
5857	30M-298.65	Hà Nội	7457	34A-956.36	Hải Dương			
5858	30M-304.35	Hà Nội	7458	34A-957.18	Hải Dương			
5859	30M-310.65	Hà Nội	7459	34A-957.25	Hải Dương			
5860	30M-323.85	Hà Nội	7460	34A-959.18	Hải Dương			
5861	30M-324.98	Hà Nội	7461	34A-970.36	Hải Dương			
5862	30M-331.65	Hà Nội	7462	34A-971.59	Hải Dương			
5863	30M-334.28	Hà Nội	7463	34A-976.08	Hải Dương			
5864	30M-337.29	Hà Nội	7464	34A-976.18	Hải Dương			
5865	30M-353.38	Hà Nội	7465	34B-047.19	Hải Dương			
5866	30M-354.58	Hà Nội	7466	34C-434.85	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều

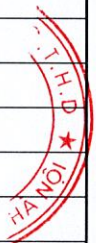
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	30M-357.08	Hà Nội	7467	34C-435.26	Hải Dương			
5868	30M-359.85	Hà Nội	7468	34C-446.35	Hải Dương			
5869	30M-369.29	Hà Nội	7469	35A-466.09	Ninh Bình			
5870	30M-372.36	Hà Nội	7470	35A-466.83	Ninh Bình			
5871	30M-380.25	Hà Nội	7471	35A-475.38	Ninh Bình			
5872	30M-383.16	Hà Nội	7472	35A-482.09	Ninh Bình			
5873	30M-385.06	Hà Nội	7473	35B-025.08	Ninh Bình			
5874	30M-387.16	Hà Nội	7474	36C-553.95	Thanh Hóa			
5875	30M-389.16	Hà Nội	7475	36C-553.98	Thanh Hóa			
5876	30M-392.08	Hà Nội	7476	36C-560.85	Thanh Hóa			
5877	30M-394.36	Hà Nội	7477	36C-567.25	Thanh Hóa			
5878	30M-400.35	Hà Nội	7478	36C-575.08	Thanh Hóa			
5879	30M-404.36	Hà Nội	7479	36C-576.16	Thanh Hóa			
5880	30M-404.56	Hà Nội	7480	36C-579.25	Thanh Hóa			
5881	30M-405.25	Hà Nội	7481	36C-579.28	Thanh Hóa			
5882	30M-405.83	Hà Nội	7482	36D-032.15	Thanh Hóa			
5883	30M-412.58	Hà Nội	7483	36K-230.18	Thanh Hóa			
5884	30M-416.98	Hà Nội	7484	36K-231.35	Thanh Hóa			
5885	30M-420.63	Hà Nội	7485	36K-249.56	Thanh Hóa			
5886	30M-421.85	Hà Nội	7486	36K-250.09	Thanh Hóa			
5887	34A-920.15	Hải Dương	7487	36K-250.18	Thanh Hóa			
5888	34A-930.29	Hải Dương	7488	36K-255.65	Thanh Hóa			
5889	34A-930.98	Hải Dương	7489	36K-255.96	Thanh Hóa			
5890	34A-944.83	Hải Dương	7490	36K-258.29	Thanh Hóa			
5891	34A-952.65	Hải Dương	7491	36K-266.18	Thanh Hóa			
5892	34A-957.16	Hải Dương	7492	36K-267.95	Thanh Hóa			
5893	34A-963.59	Hải Dương	7493	36K-270.36	Thanh Hóa			
5894	34A-964.25	Hải Dương	7494	36K-270.58	Thanh Hóa			
5895	34A-972.26	Hải Dương	7495	36K-283.85	Thanh Hóa			
5896	34C-433.28	Hải Dương	7496	36K-286.25	Thanh Hóa			
5897	34C-443.28	Hải Dương	7497	36K-287.58	Thanh Hóa			
5898	34D-041.16	Hải Dương	7498	36K-298.96	Thanh Hóa			
5899	34D-042.06	Hải Dương	7499	37C-571.96	Nghệ An			
5900	34D-042.08	Hải Dương	7500	37C-576.09	Nghệ An			
5901	35A-464.16	Ninh Bình	7501	37C-579.26	Nghệ An			
5902	35A-469.83	Ninh Bình	7502	37C-590.26	Nghệ An			
5903	35A-471.35	Ninh Bình	7503	37K-486.26	Nghệ An			
5904	35A-476.95	Ninh Bình	7504	37K-489.65	Nghệ An			
5905	35C-180.96	Ninh Bình	7505	37K-496.09	Nghệ An			
5906	35C-185.98	Ninh Bình	7506	37K-501.16	Nghệ An			
5907	36C-547.06	Thanh Hóa	7507	37K-502.09	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	36C-548.35	Thanh Hóa	7508	37K-505.38	Nghệ An			
5909	36C-560.08	Thanh Hóa	7509	37K-510.35	Nghệ An			
5910	36C-561.06	Thanh Hóa	7510	37K-523.06	Nghệ An			
5911	36C-579.58	Thanh Hóa	7511	37K-527.58	Nghệ An			
5912	36K-231.06	Thanh Hóa	7512	37K-533.25	Nghệ An			
5913	36K-231.18	Thanh Hóa	7513	37K-537.08	Nghệ An			
5914	36K-232.18	Thanh Hóa	7514	37K-541.85	Nghệ An			
5915	36K-232.96	Thanh Hóa	7515	37K-543.06	Nghệ An			
5916	36K-238.06	Thanh Hóa	7516	37K-544.08	Nghệ An			
5917	36K-238.15	Thanh Hóa	7517	37K-549.59	Nghệ An			
5918	36K-257.98	Thanh Hóa	7518	37K-552.96	Nghệ An			
5919	36K-263.98	Thanh Hóa	7519	37K-556.09	Nghệ An			
5920	36K-264.95	Thanh Hóa	7520	37K-558.28	Nghệ An			
5921	36K-269.19	Thanh Hóa	7521	37K-560.98	Nghệ An			
5922	36K-270.26	Thanh Hóa	7522	37K-566.38	Nghệ An			
5923	36K-271.06	Thanh Hóa	7523	37K-574.18	Nghệ An			
5924	36K-271.28	Thanh Hóa	7524	38A-680.18	Hà Tĩnh			
5925	36K-271.98	Thanh Hóa	7525	38A-686.95	Hà Tĩnh			
5926	36K-280.35	Thanh Hóa	7526	38A-694.36	Hà Tĩnh			
5927	36K-282.25	Thanh Hóa	7527	38A-711.83	Hà Tĩnh			
5928	36K-303.09	Thanh Hóa	7528	38B-026.98	Hà Tĩnh			
5929	36K-304.19	Thanh Hóa	7529	38C-253.06	Hà Tĩnh			
5930	36K-304.38	Thanh Hóa	7530	38C-253.19	Hà Tĩnh			
5931	37C-570.15	Nghệ An	7531	43A-942.35	Đà Nẵng			
5932	37C-575.06	Nghệ An	7532	43A-946.56	Đà Nẵng			
5933	37C-575.18	Nghệ An	7533	43A-947.56	Đà Nẵng			
5934	37C-579.08	Nghệ An	7534	43A-954.65	Đà Nẵng			
5935	37C-582.95	Nghệ An	7535	43A-957.09	Đà Nẵng			
5936	37C-585.26	Nghệ An	7536	43A-959.26	Đà Nẵng			
5937	37C-586.08	Nghệ An	7537	43A-960.38	Đà Nẵng			
5938	37C-593.26	Nghệ An	7538	43A-966.19	Đà Nẵng			
5939	37C-596.83	Nghệ An	7539	43A-966.25	Đà Nẵng			
5940	37K-487.18	Nghệ An	7540	43B-066.83	Đà Nẵng			
5941	37K-492.85	Nghệ An	7541	43C-315.29	Đà Nẵng			
5942	37K-496.28	Nghệ An	7542	43C-315.83	Đà Nẵng			
5943	37K-506.36	Nghệ An	7543	43C-317.06	Đà Nẵng			
5944	37K-514.28	Nghệ An	7544	43D-012.09	Đà Nẵng			
5945	37K-520.35	Nghệ An	7545	43D-013.09	Đà Nẵng			
5946	37K-521.06	Nghệ An	7546	47A-821.56	Đắk Lắk			
5947	37K-521.38	Nghệ An	7547	47A-823.09	Đắk Lắk			
5948	37K-522.08	Nghệ An	7548	47A-826.16	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	37K-533.98	Nghệ An	7549	47A-828.36	Đắk Lắk			
5950	37K-544.29	Nghệ An	7550	47A-829.35	Đắk Lắk			
5951	37K-546.15	Nghệ An	7551	47A-830.59	Đắk Lắk			
5952	37K-557.29	Nghệ An	7552	47A-837.96	Đắk Lắk			
5953	37K-560.29	Nghệ An	7553	47A-839.63	Đắk Lắk			
5954	37K-566.29	Nghệ An	7554	47A-842.58	Đắk Lắk			
5955	37K-573.95	Nghệ An	7555	47A-846.95	Đắk Lắk			
5956	37K-574.95	Nghệ An	7556	47A-847.06	Đắk Lắk			
5957	38A-686.08	Hà Tĩnh	7557	47A-853.26	Đắk Lắk			
5958	38A-699.06	Hà Tĩnh	7558	47A-859.16	Đắk Lắk			
5959	38A-705.09	Hà Tĩnh	7559	47C-399.56	Đắk Lắk			
5960	38C-244.95	Hà Tĩnh	7560	47C-400.18	Đắk Lắk			
5961	43A-942.59	Đà Nẵng	7561	47C-404.15	Đắk Lắk			
5962	43A-945.95	Đà Nẵng	7562	47C-410.65	Đắk Lắk			
5963	43A-950.06	Đà Nẵng	7563	47C-413.28	Đắk Lắk			
5964	43A-952.98	Đà Nẵng	7564	47C-420.63	Đắk Lắk			
5965	43A-957.29	Đà Nẵng	7565	47C-422.26	Đắk Lắk			
5966	43A-960.35	Đà Nẵng	7566	48A-250.08	Đắk Nông			
5967	43A-962.65	Đà Nẵng	7567	48A-255.15	Đắk Nông			
5968	43A-963.26	Đà Nẵng	7568	48A-258.16	Đắk Nông			
5969	43A-963.28	Đà Nẵng	7569	48B-014.56	Đắk Nông			
5970	43A-965.26	Đà Nẵng	7570	48D-008.35	Đắk Nông			
5971	43A-965.95	Đà Nẵng	7571	48D-009.58	Đắk Nông			
5972	43A-966.26	Đà Nẵng	7572	48D-009.98	Đắk Nông			
5973	43A-966.58	Đà Nẵng	7573	49A-747.85	Lâm Đồng			
5974	43A-968.29	Đà Nẵng	7574	49A-752.95	Lâm Đồng			
5975	43A-975.08	Đà Nẵng	7575	49A-760.26	Lâm Đồng			
5976	43C-319.59	Đà Nẵng	7576	49A-762.18	Lâm Đồng			
5977	47A-814.26	Đắk Lắk	7577	49A-762.36	Lâm Đồng			
5978	47A-818.98	Đắk Lắk	7578	49A-767.65	Lâm Đồng			
5979	47A-820.83	Đắk Lắk	7579	49A-768.15	Lâm Đồng			
5980	47A-829.98	Đắk Lắk	7580	49A-780.16	Lâm Đồng			
5981	47A-842.18	Đắk Lắk	7581	49A-781.56	Lâm Đồng			
5982	47A-842.28	Đắk Lắk	7582	49C-384.36	Lâm Đồng			
5983	47A-845.09	Đắk Lắk	7583	49C-389.36	Lâm Đồng			
5984	47A-845.19	Đắk Lắk	7584	49C-398.06	Lâm Đồng			
5985	47A-848.85	Đắk Lắk	7585	49D-015.35	Lâm Đồng			
5986	47A-849.95	Đắk Lắk	7586	51B-713.96	Hồ Chí Minh			
5987	47B-043.25	Đắk Lắk	7587	51E-346.06	Hồ Chí Minh			
5988	47C-399.35	Đắk Lắk	7588	51E-346.29	Hồ Chí Minh			
5989	47C-400.35	Đắk Lắk	7589	51E-348.95	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	47C-409.63	Đắk Lắk	7590	51E-350.98	Hồ Chí Minh			
5991	47C-410.96	Đắk Lắk	7591	51E-352.06	Hồ Chí Minh			
5992	47C-411.83	Đắk Lắk	7592	51E-354.15	Hồ Chí Minh			
5993	47C-421.06	Đắk Lắk	7593	51L-912.26	Hồ Chí Minh			
5994	47C-421.35	Đắk Lắk	7594	51L-915.95	Hồ Chí Minh			
5995	47D-018.65	Đắk Lắk	7595	51L-917.25	Hồ Chí Minh			
5996	47D-025.15	Đắk Lắk	7596	51L-928.25	Hồ Chí Minh			
5997	48A-248.63	Đắk Nông	7597	51L-943.38	Hồ Chí Minh			
5998	48A-253.28	Đắk Nông	7598	51L-945.36	Hồ Chí Minh			
5999	48A-254.59	Đắk Nông	7599	51L-952.65	Hồ Chí Minh			
6000	48A-258.35	Đắk Nông	7600	51L-954.83	Hồ Chí Minh			
6001	48A-259.98	Đắk Nông	7601	51L-955.15	Hồ Chí Minh			
6002	48C-119.26	Đắk Nông	7602	51L-965.98	Hồ Chí Minh			
6003	48C-121.35	Đắk Nông	7603	51L-968.36	Hồ Chí Minh			
6004	48C-121.38	Đắk Nông	7604	51L-968.58	Hồ Chí Minh			
6005	48C-122.65	Đắk Nông	7605	51L-976.83	Hồ Chí Minh			
6006	49A-750.98	Lâm Đồng	7606	51L-978.63	Hồ Chí Minh			
6007	49A-751.85	Lâm Đồng	7607	51L-982.25	Hồ Chí Minh			
6008	49A-766.16	Lâm Đồng	7608	51L-985.59	Hồ Chí Minh			
6009	49A-768.08	Lâm Đồng	7609	51L-987.59	Hồ Chí Minh			
6010	49A-778.29	Lâm Đồng	7610	51L-990.18	Hồ Chí Minh			
6011	49B-033.35	Lâm Đồng	7611	51L-998.15	Hồ Chí Minh			
6012	49B-034.65	Lâm Đồng	7612	51M-053.15	Hồ Chí Minh			
6013	49C-385.98	Lâm Đồng	7613	51M-057.56	Hồ Chí Minh			
6014	49C-387.56	Lâm Đồng	7614	51M-062.29	Hồ Chí Minh			
6015	49C-390.15	Lâm Đồng	7615	51M-067.16	Hồ Chí Minh			
6016	49D-017.35	Lâm Đồng	7616	51M-072.56	Hồ Chí Minh			
6017	51B-714.25	Hồ Chí Minh	7617	51M-075.83	Hồ Chí Minh			
6018	51E-348.16	Hồ Chí Minh	7618	51M-079.16	Hồ Chí Minh			
6019	51E-348.35	Hồ Chí Minh	7619	51M-085.59	Hồ Chí Minh			
6020	51E-351.96	Hồ Chí Minh	7620	51M-085.63	Hồ Chí Minh			
6021	51E-352.29	Hồ Chí Minh	7621	51M-086.15	Hồ Chí Minh			
6022	51L-897.85	Hồ Chí Minh	7622	51M-088.25	Hồ Chí Minh			
6023	51L-901.85	Hồ Chí Minh	7623	51M-105.28	Hồ Chí Minh			
6024	51L-907.28	Hồ Chí Minh	7624	51M-109.15	Hồ Chí Minh			
6025	51L-912.58	Hồ Chí Minh	7625	51M-113.59	Hồ Chí Minh			
6026	51L-922.18	Hồ Chí Minh	7626	51M-123.08	Hồ Chí Minh			
6027	51L-924.18	Hồ Chí Minh	7627	51M-123.25	Hồ Chí Minh			
6028	51L-926.06	Hồ Chí Minh	7628	51M-131.96	Hồ Chí Minh			
6029	51L-932.83	Hồ Chí Minh	7629	51M-136.28	Hồ Chí Minh			
6030	51L-934.98	Hồ Chí Minh	7630	51M-144.28	Hồ Chí Minh			

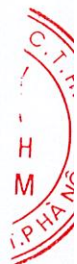
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51L-938.65	Hồ Chí Minh	7631	51M-144.96	Hồ Chí Minh			
6032	51L-939.19	Hồ Chí Minh	7632	51M-145.56	Hồ Chí Minh			
6033	51L-947.28	Hồ Chí Minh	7633	51M-151.25	Hồ Chí Minh			
6034	51L-954.56	Hồ Chí Minh	7634	51M-152.06	Hồ Chí Minh			
6035	51L-955.06	Hồ Chí Minh	7635	51M-153.28	Hồ Chí Minh			
6036	51L-958.83	Hồ Chí Minh	7636	51M-154.63	Hồ Chí Minh			
6037	51L-960.56	Hồ Chí Minh	7637	51M-162.96	Hồ Chí Minh			
6038	51L-962.18	Hồ Chí Minh	7638	51M-166.58	Hồ Chí Minh			
6039	51L-969.59	Hồ Chí Minh	7639	51M-182.29	Hồ Chí Minh			
6040	51L-970.06	Hồ Chí Minh	7640	51M-188.35	Hồ Chí Minh			
6041	51L-977.26	Hồ Chí Minh	7641	51M-194.85	Hồ Chí Minh			
6042	51L-990.19	Hồ Chí Minh	7642	51M-203.19	Hồ Chí Minh			
6043	51M-057.29	Hồ Chí Minh	7643	51M-206.98	Hồ Chí Minh			
6044	51M-061.35	Hồ Chí Minh	7644	51M-216.56	Hồ Chí Minh			
6045	51M-065.15	Hồ Chí Minh	7645	51M-225.83	Hồ Chí Minh			
6046	51M-068.83	Hồ Chí Minh	7646	51M-231.09	Hồ Chí Minh			
6047	51M-075.06	Hồ Chí Minh	7647	51M-243.18	Hồ Chí Minh			
6048	51M-082.36	Hồ Chí Minh	7648	51M-249.56	Hồ Chí Minh			
6049	51M-085.65	Hồ Chí Minh	7649	51M-249.58	Hồ Chí Minh			
6050	51M-089.26	Hồ Chí Minh	7650	51M-259.06	Hồ Chí Minh			
6051	51M-098.38	Hồ Chí Minh	7651	51M-261.36	Hồ Chí Minh			
6052	51M-102.35	Hồ Chí Minh	7652	51M-266.56	Hồ Chí Minh			
6053	51M-108.15	Hồ Chí Minh	7653	51M-271.59	Hồ Chí Minh			
6054	51M-116.06	Hồ Chí Minh	7654	51M-274.98	Hồ Chí Minh			
6055	51M-119.09	Hồ Chí Minh	7655	51M-277.63	Hồ Chí Minh			
6056	51M-123.09	Hồ Chí Minh	7656	51M-284.38	Hồ Chí Minh			
6057	51M-127.83	Hồ Chí Minh	7657	51M-286.83	Hồ Chí Minh			
6058	51M-132.38	Hồ Chí Minh	7658	51M-289.19	Hồ Chí Minh			
6059	51M-141.58	Hồ Chí Minh	7659	51M-290.95	Hồ Chí Minh			
6060	51M-143.59	Hồ Chí Minh	7660	51M-293.35	Hồ Chí Minh			
6061	51M-148.29	Hồ Chí Minh	7661	51M-303.08	Hồ Chí Minh			
6062	51M-148.83	Hồ Chí Minh	7662	51N-003.06	Hồ Chí Minh			
6063	51M-149.15	Hồ Chí Minh	7663	51N-003.59	Hồ Chí Minh			
6064	51M-166.38	Hồ Chí Minh	7664	51N-003.65	Hồ Chí Minh			
6065	51M-169.08	Hồ Chí Minh	7665	51N-004.98	Hồ Chí Minh			
6066	51M-174.35	Hồ Chí Minh	7666	51N-015.19	Hồ Chí Minh			
6067	51M-177.08	Hồ Chí Minh	7667	51N-022.26	Hồ Chí Minh			
6068	51M-177.16	Hồ Chí Minh	7668	51N-023.59	Hồ Chí Minh			
6069	51M-178.25	Hồ Chí Minh	7669	51N-024.36	Hồ Chí Minh			
6070	51M-183.09	Hồ Chí Minh	7670	51N-032.98	Hồ Chí Minh			
6071	51M-183.63	Hồ Chí Minh	7671	51N-034.09	Hồ Chí Minh			

: 47
 ĐỒNG T
 ẬU G
 ỘP DA
 IỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51M-189.83	Hồ Chí Minh	7672	51N-035.38	Hồ Chí Minh			
6073	51M-201.18	Hồ Chí Minh	7673	51N-037.29	Hồ Chí Minh			
6074	51M-203.85	Hồ Chí Minh	7674	51N-041.95	Hồ Chí Minh			
6075	51M-212.95	Hồ Chí Minh	7675	51N-049.85	Hồ Chí Minh			
6076	51M-214.83	Hồ Chí Minh	7676	51N-052.58	Hồ Chí Minh			
6077	51M-233.29	Hồ Chí Minh	7677	51N-053.63	Hồ Chí Minh			
6078	51M-233.35	Hồ Chí Minh	7678	51N-060.25	Hồ Chí Minh			
6079	51M-240.19	Hồ Chí Minh	7679	51N-066.85	Hồ Chí Minh			
6080	51M-241.28	Hồ Chí Minh	7680	51N-068.38	Hồ Chí Minh			
6081	51M-245.25	Hồ Chí Minh	7681	51N-071.36	Hồ Chí Minh			
6082	51M-255.85	Hồ Chí Minh	7682	51N-074.25	Hồ Chí Minh			
6083	51M-261.63	Hồ Chí Minh	7683	51N-076.09	Hồ Chí Minh			
6084	51M-264.59	Hồ Chí Minh	7684	51N-079.56	Hồ Chí Minh			
6085	51M-272.26	Hồ Chí Minh	7685	51N-082.26	Hồ Chí Minh			
6086	51M-284.16	Hồ Chí Minh	7686	51N-083.16	Hồ Chí Minh			
6087	51M-287.36	Hồ Chí Minh	7687	51N-088.09	Hồ Chí Minh			
6088	51M-288.96	Hồ Chí Minh	7688	51N-094.65	Hồ Chí Minh			
6089	51M-291.65	Hồ Chí Minh	7689	51N-095.98	Hồ Chí Minh			
6090	51M-294.98	Hồ Chí Minh	7690	51N-097.26	Hồ Chí Minh			
6091	51M-297.25	Hồ Chí Minh	7691	51N-100.15	Hồ Chí Minh			
6092	51M-300.26	Hồ Chí Minh	7692	51N-101.65	Hồ Chí Minh			
6093	51M-306.08	Hồ Chí Minh	7693	51N-104.56	Hồ Chí Minh			
6094	51N-007.18	Hồ Chí Minh	7694	51N-114.65	Hồ Chí Minh			
6095	51N-008.96	Hồ Chí Minh	7695	51N-120.65	Hồ Chí Minh			
6096	51N-014.58	Hồ Chí Minh	7696	51N-136.15	Hồ Chí Minh			
6097	51N-020.35	Hồ Chí Minh	7697	51N-137.09	Hồ Chí Minh			
6098	51N-025.18	Hồ Chí Minh	7698	51N-141.18	Hồ Chí Minh			
6099	51N-039.18	Hồ Chí Minh	7699	51N-141.25	Hồ Chí Minh			
6100	51N-053.56	Hồ Chí Minh	7700	51N-143.19	Hồ Chí Minh			
6101	51N-054.63	Hồ Chí Minh	7701	51N-150.38	Hồ Chí Minh			
6102	51N-056.25	Hồ Chí Minh	7702	51N-154.63	Hồ Chí Minh			
6103	51N-058.08	Hồ Chí Minh	7703	51N-156.58	Hồ Chí Minh			
6104	51N-058.18	Hồ Chí Minh	7704	60B-080.85	Đồng Nai			
6105	51N-059.28	Hồ Chí Minh	7705	60C-757.85	Đồng Nai			
6106	51N-061.18	Hồ Chí Minh	7706	60C-758.09	Đồng Nai			
6107	51N-068.28	Hồ Chí Minh	7707	60C-762.18	Đồng Nai			
6108	51N-069.36	Hồ Chí Minh	7708	60C-764.25	Đồng Nai			
6109	51N-072.09	Hồ Chí Minh	7709	60C-773.98	Đồng Nai			
6110	51N-072.95	Hồ Chí Minh	7710	60C-776.38	Đồng Nai			
6111	51N-077.95	Hồ Chí Minh	7711	60C-793.98	Đồng Nai			
6112	51N-078.29	Hồ Chí Minh	7712	60D-023.65	Đồng Nai			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	51N-082.16	Hồ Chí Minh	7713	60K-625.59	Đồng Nai			
6114	51N-084.35	Hồ Chí Minh	7714	60K-629.28	Đồng Nai			
6115	51N-084.58	Hồ Chí Minh	7715	60K-632.98	Đồng Nai			
6116	51N-097.18	Hồ Chí Minh	7716	60K-651.95	Đồng Nai			
6117	51N-099.26	Hồ Chí Minh	7717	60K-665.58	Đồng Nai			
6118	51N-110.28	Hồ Chí Minh	7718	60K-668.95	Đồng Nai			
6119	51N-112.63	Hồ Chí Minh	7719	60K-670.18	Đồng Nai			
6120	51N-115.19	Hồ Chí Minh	7720	60K-670.63	Đồng Nai			
6121	51N-133.95	Hồ Chí Minh	7721	60K-675.09	Đồng Nai			
6122	51N-139.09	Hồ Chí Minh	7722	60K-679.56	Đồng Nai			
6123	51N-141.98	Hồ Chí Minh	7723	60K-684.96	Đồng Nai			
6124	51N-146.63	Hồ Chí Minh	7724	60K-693.08	Đồng Nai			
6125	51N-155.26	Hồ Chí Minh	7725	60K-695.38	Đồng Nai			
6126	51N-155.96	Hồ Chí Minh	7726	60K-699.38	Đồng Nai			
6127	60C-771.06	Đồng Nai	7727	60K-700.95	Đồng Nai			
6128	60C-774.35	Đồng Nai	7728	60K-702.16	Đồng Nai			
6129	60C-775.35	Đồng Nai	7729	61B-044.85	Bình Dương			
6130	60K-618.98	Đồng Nai	7730	61B-047.83	Bình Dương			
6131	60K-622.06	Đồng Nai	7731	61C-612.28	Bình Dương			
6132	60K-623.15	Đồng Nai	7732	61C-616.58	Bình Dương			
6133	60K-629.08	Đồng Nai	7733	61C-618.98	Bình Dương			
6134	60K-633.29	Đồng Nai	7734	61C-620.25	Bình Dương			
6135	60K-644.26	Đồng Nai	7735	61C-627.09	Bình Dương			
6136	60K-657.38	Đồng Nai	7736	61D-023.15	Bình Dương			
6137	60K-659.35	Đồng Nai	7737	61D-024.16	Bình Dương			
6138	60K-664.63	Đồng Nai	7738	61D-026.18	Bình Dương			
6139	60K-667.59	Đồng Nai	7739	61K-527.08	Bình Dương			
6140	60K-668.19	Đồng Nai	7740	61K-528.63	Bình Dương			
6141	60K-675.16	Đồng Nai	7741	61K-530.98	Bình Dương			
6142	60K-676.65	Đồng Nai	7742	61K-531.06	Bình Dương			
6143	60K-700.08	Đồng Nai	7743	61K-537.85	Bình Dương			
6144	61C-612.15	Bình Dương	7744	61K-547.29	Bình Dương			
6145	61C-615.08	Bình Dương	7745	61K-551.56	Bình Dương			
6146	61C-615.96	Bình Dương	7746	61K-553.08	Bình Dương			
6147	61C-618.58	Bình Dương	7747	61K-553.26	Bình Dương			
6148	61C-620.18	Bình Dương	7748	61K-558.35	Bình Dương			
6149	61C-622.83	Bình Dương	7749	61K-569.35	Bình Dương			
6150	61C-629.59	Bình Dương	7750	61K-578.19	Bình Dương			
6151	61C-632.85	Bình Dương	7751	61K-581.56	Bình Dương			
6152	61C-634.38	Bình Dương	7752	61K-585.19	Bình Dương			
6153	61C-638.95	Bình Dương	7753	61K-585.28	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61D-023.96	Bình Dương	7754	61K-590.29	Bình Dương			
6155	61K-527.29	Bình Dương	7755	61K-591.35	Bình Dương			
6156	61K-528.98	Bình Dương	7756	62A-473.85	Long An			
6157	61K-530.58	Bình Dương	7757	62A-478.56	Long An			
6158	61K-535.38	Bình Dương	7758	62A-478.96	Long An			
6159	61K-535.85	Bình Dương	7759	62B-032.36	Long An			
6160	61K-547.25	Bình Dương	7760	62C-220.58	Long An			
6161	61K-551.28	Bình Dương	7761	62C-221.19	Long An			
6162	61K-551.85	Bình Dương	7762	62C-222.98	Long An			
6163	61K-557.19	Bình Dương	7763	63A-326.16	Tiền Giang			
6164	61K-558.38	Bình Dương	7764	63A-327.15	Tiền Giang			
6165	61K-558.98	Bình Dương	7765	63A-328.19	Tiền Giang			
6166	61K-559.98	Bình Dương	7766	63A-334.26	Tiền Giang			
6167	61K-564.85	Bình Dương	7767	63A-335.63	Tiền Giang			
6168	61K-568.08	Bình Dương	7768	63B-034.09	Tiền Giang			
6169	61K-568.09	Bình Dương	7769	63B-034.28	Tiền Giang			
6170	61K-586.56	Bình Dương	7770	63C-230.85	Tiền Giang			
6171	61K-591.08	Bình Dương	7771	63C-231.26	Tiền Giang			
6172	61K-591.85	Bình Dương	7772	63C-231.95	Tiền Giang			
6173	61K-598.09	Bình Dương	7773	63C-232.58	Tiền Giang			
6174	61K-598.25	Bình Dương	7774	63C-234.38	Tiền Giang			
6175	62A-470.95	Long An	7775	63C-235.98	Tiền Giang			
6176	62A-474.98	Long An	7776	63C-238.36	Tiền Giang			
6177	62A-483.25	Long An	7777	64A-204.38	Vĩnh Long			
6178	62A-486.29	Long An	7778	64A-204.95	Vĩnh Long			
6179	62C-220.09	Long An	7779	64A-211.56	Vĩnh Long			
6180	62C-224.36	Long An	7780	64B-019.56	Vĩnh Long			
6181	62D-015.06	Long An	7781	64C-134.59	Vĩnh Long			
6182	62D-015.35	Long An	7782	64C-140.36	Vĩnh Long			
6183	62D-017.59	Long An	7783	65A-515.95	Cần Thơ			
6184	63A-324.83	Tiền Giang	7784	65A-520.56	Cần Thơ			
6185	63A-325.09	Tiền Giang	7785	65A-523.38	Cần Thơ			
6186	63B-034.36	Tiền Giang	7786	65A-525.58	Cần Thơ			
6187	63B-035.85	Tiền Giang	7787	65A-526.85	Cần Thơ			
6188	63B-036.83	Tiền Giang	7788	65A-531.18	Cần Thơ			
6189	63C-234.98	Tiền Giang	7789	65A-533.16	Cần Thơ			
6190	63C-235.09	Tiền Giang	7790	65C-251.59	Cần Thơ			
6191	63C-238.16	Tiền Giang	7791	65C-261.59	Cần Thơ			
6192	63D-015.95	Tiền Giang	7792	65C-263.08	Cần Thơ			
6193	64A-207.85	Vĩnh Long	7793	65C-264.18	Cần Thơ			
6194	64A-208.26	Vĩnh Long	7794	65C-265.59	Cần Thơ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	64A-208.38	Vĩnh Long	7795	65C-267.59	Cần Thơ			
6196	64A-213.08	Vĩnh Long	7796	65C-271.06	Cần Thơ			
6197	64A-214.28	Vĩnh Long	7797	65C-280.09	Cần Thơ			
6198	64B-019.35	Vĩnh Long	7798	66A-305.16	Đồng Tháp			
6199	64B-020.26	Vĩnh Long	7799	66A-305.19	Đồng Tháp			
6200	64C-138.26	Vĩnh Long	7800	66A-308.28	Đồng Tháp			
6201	64D-008.98	Vĩnh Long	7801	66A-311.58	Đồng Tháp			
6202	65C-251.18	Cần Thơ	7802	66C-188.25	Đồng Tháp			
6203	65C-271.16	Cần Thơ	7803	66C-189.38	Đồng Tháp			
6204	65C-272.38	Cần Thơ	7804	67A-344.09	An Giang			
6205	65C-276.36	Cần Thơ	7805	67A-344.98	An Giang			
6206	65D-011.26	Cần Thơ	7806	67B-031.16	An Giang			
6207	65D-013.19	Cần Thơ	7807	67B-031.98	An Giang			
6208	65D-014.35	Cần Thơ	7808	67B-033.35	An Giang			
6209	66A-303.09	Đồng Tháp	7809	67D-010.19	An Giang			
6210	66A-305.63	Đồng Tháp	7810	67D-012.08	An Giang			
6211	66A-307.18	Đồng Tháp	7811	68A-371.19	Kiên Giang			
6212	66A-310.96	Đồng Tháp	7812	68A-371.63	Kiên Giang			
6213	66A-313.98	Đồng Tháp	7813	68A-372.18	Kiên Giang			
6214	67A-336.58	An Giang	7814	68A-375.16	Kiên Giang			
6215	67A-338.59	An Giang	7815	68B-034.36	Kiên Giang			
6216	67A-338.85	An Giang	7816	68C-178.25	Kiên Giang			
6217	67A-342.36	An Giang	7817	69A-169.63	Cà Mau			
6218	67B-030.85	An Giang	7818	69B-016.08	Cà Mau			
6219	67B-033.96	An Giang	7819	69C-106.98	Cà Mau			
6220	67C-189.36	An Giang	7820	69C-107.96	Cà Mau			
6221	67D-012.63	An Giang	7821	69D-005.85	Cà Mau			
6222	68A-371.15	Kiên Giang	7822	70A-587.18	Tây Ninh			
6223	68A-376.65	Kiên Giang	7823	70A-588.59	Tây Ninh			
6224	68B-034.65	Kiên Giang	7824	70A-589.36	Tây Ninh			
6225	68B-036.16	Kiên Giang	7825	70A-594.56	Tây Ninh			
6226	68B-036.96	Kiên Giang	7826	70A-611.28	Tây Ninh			
6227	68D-008.18	Kiên Giang	7827	70A-614.56	Tây Ninh			
6228	69B-016.85	Cà Mau	7828	70C-213.56	Tây Ninh			
6229	69C-109.65	Cà Mau	7829	71A-217.29	Bến Tre			
6230	70A-588.16	Tây Ninh	7830	71A-217.65	Bến Tre			
6231	70A-593.35	Tây Ninh	7831	71C-137.65	Bến Tre			
6232	70A-597.25	Tây Ninh	7832	71C-138.85	Bến Tre			
6233	70C-218.29	Tây Ninh	7833	72A-850.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6234	70D-013.16	Tây Ninh	7834	72A-854.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6235	70D-013.83	Tây Ninh	7835	72A-857.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			

01/4
 0NC
 0AU
 0P
 0ET
 0U

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	71A-213.16	Bến Tre	7836	72A-860.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6237	71B-025.36	Bến Tre	7837	72A-863.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6238	71C-134.25	Bến Tre	7838	72A-865.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6239	71C-135.29	Bến Tre	7839	72A-867.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6240	71C-136.85	Bến Tre	7840	72B-048.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6241	71C-137.36	Bến Tre	7841	72C-273.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6242	71D-009.26	Bến Tre	7842	72C-276.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6243	72A-844.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7843	72C-277.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6244	72A-844.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7844	72C-282.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6245	72A-844.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	7845	73A-374.36	Quảng Bình			
6246	72A-847.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	7846	73A-377.29	Quảng Bình			
6247	72A-850.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	7847	73B-020.36	Quảng Bình			
6248	72A-854.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7848	74A-283.18	Quảng Trị			
6249	72A-858.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7849	74C-146.16	Quảng Trị			
6250	72A-866.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7850	74C-147.25	Quảng Trị			
6251	72A-869.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7851	74D-012.26	Quảng Trị			
6252	72A-873.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7852	75A-388.35	Thừa Thiên Huế			
6253	72A-882.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7853	75A-394.35	Thừa Thiên Huế			
6254	72A-883.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	7854	75A-397.19	Thừa Thiên Huế			
6255	72C-273.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7855	75A-401.16	Thừa Thiên Huế			
6256	72C-275.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7856	75B-032.98	Thừa Thiên Huế			
6257	72C-280.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	7857	75C-161.63	Thừa Thiên Huế			
6258	72C-280.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7858	75D-012.58	Thừa Thiên Huế			
6259	72D-015.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7859	76C-178.29	Quảng Ngãi			
6260	73A-380.15	Quảng Bình	7860	76C-178.35	Quảng Ngãi			
6261	73A-380.29	Quảng Bình	7861	76C-180.25	Quảng Ngãi			
6262	73B-017.85	Quảng Bình	7862	76D-012.63	Quảng Ngãi			
6263	73B-019.63	Quảng Bình	7863	76D-013.16	Quảng Ngãi			
6264	74A-281.35	Quảng Trị	7864	76D-015.26	Quảng Ngãi			
6265	74A-283.35	Quảng Trị	7865	76D-016.09	Quảng Ngãi			
6266	74A-286.15	Quảng Trị	7866	77A-357.19	Bình Định			
6267	74B-017.83	Quảng Trị	7867	77A-361.18	Bình Định			
6268	74B-020.63	Quảng Trị	7868	77A-364.08	Bình Định			
6269	74D-015.26	Quảng Trị	7869	77B-039.28	Bình Định			
6270	75A-389.16	Thừa Thiên Huế	7870	77B-041.26	Bình Định			
6271	75A-393.08	Thừa Thiên Huế	7871	77C-261.28	Bình Định			
6272	75A-394.15	Thừa Thiên Huế	7872	77C-265.59	Bình Định			
6273	75A-395.83	Thừa Thiên Huế	7873	78A-224.95	Phú Yên			
6274	75A-401.35	Thừa Thiên Huế	7874	78A-225.16	Phú Yên			
6275	75A-401.59	Thừa Thiên Huế	7875	78A-226.06	Phú Yên			
6276	75C-158.56	Thừa Thiên Huế	7876	78B-020.96	Phú Yên			

I - C
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 NAM
 N - T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	76A-324.59	Quảng Ngãi	7877	78B-022.18	Phú Yên			
6278	76A-330.38	Quảng Ngãi	7878	78D-007.06	Phú Yên			
6279	76A-335.08	Quảng Ngãi	7879	79A-576.35	Khánh Hòa			
6280	76C-178.18	Quảng Ngãi	7880	79A-594.36	Khánh Hòa			
6281	76C-179.28	Quảng Ngãi	7881	79B-045.59	Khánh Hòa			
6282	76C-179.58	Quảng Ngãi	7882	79C-235.56	Khánh Hòa			
6283	76C-181.19	Quảng Ngãi	7883	79D-013.26	Khánh Hòa			
6284	76D-015.96	Quảng Ngãi	7884	81A-454.56	Gia Lai			
6285	77D-007.19	Bình Định	7885	81A-461.56	Gia Lai			
6286	78A-216.38	Phú Yên	7886	81A-469.56	Gia Lai			
6287	78A-221.59	Phú Yên	7887	81C-285.18	Gia Lai			
6288	78A-225.58	Phú Yên	7888	81C-285.19	Gia Lai			
6289	79A-571.36	Khánh Hòa	7889	81C-298.08	Gia Lai			
6290	79A-588.25	Khánh Hòa	7890	82C-095.85	Kon Tum			
6291	79A-595.29	Khánh Hòa	7891	82C-099.16	Kon Tum			
6292	79B-044.15	Khánh Hòa	7892	83B-023.19	Sóc Trăng			
6293	79C-231.38	Khánh Hòa	7893	83C-136.28	Sóc Trăng			
6294	79C-235.38	Khánh Hòa	7894	84A-148.65	Trà Vinh			
6295	81A-466.19	Gia Lai	7895	84A-150.85	Trà Vinh			
6296	81A-468.29	Gia Lai	7896	84B-022.83	Trà Vinh			
6297	81A-473.25	Gia Lai	7897	84D-006.36	Trà Vinh			
6298	81A-473.96	Gia Lai	7898	85A-146.65	Ninh Thuận			
6299	81A-475.15	Gia Lai	7899	85C-090.58	Ninh Thuận			
6300	81C-289.29	Gia Lai	7900	86A-326.16	Bình Thuận			
6301	81C-292.65	Gia Lai	7901	86A-327.95	Bình Thuận			
6302	81C-292.85	Gia Lai	7902	86A-328.56	Bình Thuận			
6303	81D-014.09	Gia Lai	7903	86A-329.25	Bình Thuận			
6304	81D-014.18	Gia Lai	7904	86A-332.15	Bình Thuận			
6305	81D-016.56	Gia Lai	7905	86B-026.85	Bình Thuận			
6306	82C-097.35	Kon Tum	7906	86C-208.85	Bình Thuận			
6307	83A-200.15	Sóc Trăng	7907	86C-211.18	Bình Thuận			
6308	83B-023.85	Sóc Trăng	7908	86C-213.36	Bình Thuận			
6309	83C-133.25	Sóc Trăng	7909	86C-214.96	Bình Thuận			
6310	83C-136.98	Sóc Trăng	7910	86D-008.15	Bình Thuận			
6311	83C-137.83	Sóc Trăng	7911	88A-795.08	Vĩnh Phúc			
6312	83C-138.09	Sóc Trăng	7912	88A-796.95	Vĩnh Phúc			
6313	83D-009.26	Sóc Trăng	7913	88A-800.38	Vĩnh Phúc			
6314	84A-149.15	Trà Vinh	7914	88A-801.38	Vĩnh Phúc			
6315	84A-149.19	Trà Vinh	7915	88A-803.16	Vĩnh Phúc			
6316	84A-154.09	Trà Vinh	7916	88A-805.38	Vĩnh Phúc			
6317	84C-125.35	Trà Vinh	7917	88A-805.63	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	84C-126.98	Trà Vinh	7918	88A-812.26	Vĩnh Phúc			
6319	84C-127.06	Trà Vinh	7919	88A-813.65	Vĩnh Phúc			
6320	85A-149.18	Ninh Thuận	7920	88A-815.95	Vĩnh Phúc			
6321	85A-152.95	Ninh Thuận	7921	88A-818.83	Vĩnh Phúc			
6322	85B-015.56	Ninh Thuận	7922	88A-822.63	Vĩnh Phúc			
6323	85D-009.98	Ninh Thuận	7923	88A-824.38	Vĩnh Phúc			
6324	86A-321.58	Bình Thuận	7924	88B-021.96	Vĩnh Phúc			
6325	86A-322.19	Bình Thuận	7925	88B-023.36	Vĩnh Phúc			
6326	86A-322.35	Bình Thuận	7926	88B-025.06	Vĩnh Phúc			
6327	86A-328.63	Bình Thuận	7927	88C-316.63	Vĩnh Phúc			
6328	86A-333.85	Bình Thuận	7928	88C-323.56	Vĩnh Phúc			
6329	86B-026.18	Bình Thuận	7929	88C-325.63	Vĩnh Phúc			
6330	86B-027.65	Bình Thuận	7930	88D-021.36	Vĩnh Phúc			
6331	86C-209.16	Bình Thuận	7931	88D-023.26	Vĩnh Phúc			
6332	88A-798.09	Vĩnh Phúc	7932	89A-539.95	Hưng Yên			
6333	88A-807.63	Vĩnh Phúc	7933	89A-542.83	Hưng Yên			
6334	88A-811.65	Vĩnh Phúc	7934	89A-548.59	Hưng Yên			
6335	88A-829.19	Vĩnh Phúc	7935	89A-549.35	Hưng Yên			
6336	89A-532.18	Hưng Yên	7936	89A-552.96	Hưng Yên			
6337	89A-537.58	Hưng Yên	7937	89A-561.19	Hưng Yên			
6338	89A-537.85	Hưng Yên	7938	89A-567.58	Hưng Yên			
6339	89A-538.65	Hưng Yên	7939	89B-026.96	Hưng Yên			
6340	89A-539.59	Hưng Yên	7940	89B-027.18	Hưng Yên			
6341	89A-541.06	Hưng Yên	7941	89B-027.59	Hưng Yên			
6342	89A-541.28	Hưng Yên	7942	89B-028.63	Hưng Yên			
6343	89A-547.35	Hưng Yên	7943	89C-346.35	Hưng Yên			
6344	89A-554.38	Hưng Yên	7944	89C-351.36	Hưng Yên			
6345	89A-554.56	Hưng Yên	7945	89C-353.19	Hưng Yên			
6346	89A-559.19	Hưng Yên	7946	89C-359.29	Hưng Yên			
6347	89A-564.25	Hưng Yên	7947	90B-012.85	Hà Nam			
6348	89A-565.58	Hưng Yên	7948	90B-015.25	Hà Nam			
6349	89C-345.56	Hưng Yên	7949	90D-011.26	Hà Nam			
6350	89C-348.38	Hưng Yên	7950	92A-442.09	Quảng Nam			
6351	89C-350.98	Hưng Yên	7951	92A-448.26	Quảng Nam			
6352	89C-353.65	Hưng Yên	7952	92A-448.29	Quảng Nam			
6353	89C-356.06	Hưng Yên	7953	92A-449.16	Quảng Nam			
6354	89C-357.06	Hưng Yên	7954	92A-449.59	Quảng Nam			
6355	89C-358.96	Hưng Yên	7955	92C-259.29	Quảng Nam			
6356	89D-026.85	Hưng Yên	7956	93A-509.25	Bình Phước			
6357	90A-292.38	Hà Nam	7957	93A-511.18	Bình Phước			
6358	90A-294.63	Hà Nam	7958	93A-514.29	Bình Phước			

ĐI
CỘNG
ĐẤU
HỢP
VIỆT
H XUA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	90D-013.16	Hà Nam	7959	93A-520.35	Bình Phước			
6360	92A-436.19	Quảng Nam	7960	93A-524.65	Bình Phước			
6361	92C-258.19	Quảng Nam	7961	93C-203.98	Bình Phước			
6362	92C-266.28	Quảng Nam	7962	93C-208.18	Bình Phước			
6363	93A-524.16	Bình Phước	7963	94C-084.06	Bạc Liêu			
6364	93C-200.83	Bình Phước	7964	95A-137.65	Hậu Giang			
6365	93C-206.59	Bình Phước	7965	95D-024.18	Hậu Giang			
6366	94A-110.26	Bạc Liêu	7966	95D-026.59	Hậu Giang			
6367	94B-016.26	Bạc Liêu	7967	97A-097.16	Bắc Kạn			
6368	94C-084.25	Bạc Liêu	7968	97B-018.25	Bắc Kạn			
6369	94C-085.09	Bạc Liêu	7969	97D-007.56	Bắc Kạn			
6370	94C-085.35	Bạc Liêu	7970	98A-859.06	Bắc Giang			
6371	94D-005.85	Bạc Liêu	7971	98A-865.98	Bắc Giang			
6372	95A-138.98	Hậu Giang	7972	98A-867.83	Bắc Giang			
6373	95C-091.63	Hậu Giang	7973	98A-874.25	Bắc Giang			
6374	97A-099.35	Bắc Kạn	7974	98A-897.85	Bắc Giang			
6375	97B-019.35	Bắc Kạn	7975	98A-900.16	Bắc Giang			
6376	97C-050.58	Bắc Kạn	7976	98A-901.36	Bắc Giang			
6377	97D-008.19	Bắc Kạn	7977	98C-376.38	Bắc Giang			
6378	98A-868.29	Bắc Giang	7978	98C-378.06	Bắc Giang			
6379	98A-870.19	Bắc Giang	7979	98C-379.29	Bắc Giang			
6380	98A-873.83	Bắc Giang	7980	98C-379.56	Bắc Giang			
6381	98A-883.56	Bắc Giang	7981	98C-383.59	Bắc Giang			
6382	98A-893.19	Bắc Giang	7982	98C-384.29	Bắc Giang			
6383	98A-909.15	Bắc Giang	7983	98C-398.08	Bắc Giang			
6384	98C-380.96	Bắc Giang	7984	99A-851.98	Bắc Ninh			
6385	98C-382.58	Bắc Giang	7985	99A-863.06	Bắc Ninh			
6386	98C-388.96	Bắc Giang	7986	99A-866.26	Bắc Ninh			
6387	98C-396.15	Bắc Giang	7987	99A-868.35	Bắc Ninh			
6388	98C-396.29	Bắc Giang	7988	99A-870.26	Bắc Ninh			
6389	98C-396.36	Bắc Giang	7989	99A-873.35	Bắc Ninh			
6390	98D-022.85	Bắc Giang	7990	99A-873.85	Bắc Ninh			
6391	99A-856.35	Bắc Ninh	7991	99A-880.09	Bắc Ninh			
6392	99A-856.95	Bắc Ninh	7992	99A-881.65	Bắc Ninh			
6393	99A-865.28	Bắc Ninh	7993	99A-887.09	Bắc Ninh			
6394	99A-868.59	Bắc Ninh	7994	99A-896.26	Bắc Ninh			
6395	99A-876.83	Bắc Ninh	7995	99B-031.85	Bắc Ninh			
6396	99A-878.95	Bắc Ninh	7996	99C-335.08	Bắc Ninh			
6397	99A-894.26	Bắc Ninh	7997	99C-336.38	Bắc Ninh			
6398	99C-338.96	Bắc Ninh	7998	99C-337.65	Bắc Ninh			
6399	99C-339.15	Bắc Ninh	7999	99C-342.19	Bắc Ninh			

1 - C
TỶ
GIÁ
ANH
VAM
1 - T.P.V

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99C-345.58	Bắc Ninh	8000	99C-344.98	Bắc Ninh			

